

**Tòa soạn : Nha Văn-Hóa**

**PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH  
ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA**

*Số 8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon*

*Điện thoại : 92038*

*Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút : Ô. TẤN-VĂN HỈ*

*Tổng thư-ký : CÔ ĐẶNG-VŨ-THỊ-THẢO*

*Quản-lý : Ô. LÊ-VĂN-ĐÌNH*

với sự hợp tác của Quý Ông : Bửu Cầm, Nguyễn Duy Cầm, Nguyễn Đình Diệm, Hoàng Tiến Dũng, Nguyễn Thọ Dực, Lê Xuân Khoa, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Bá Lăng, Lê Mạnh Liêu, Nguyễn Ngọc, Hoàng Văn Suất, Phạm Đình Tân, Nguyễn Đăng Thục, Bùi Đức Tịnh, Nghiêm Toán, Nguyễn Chung Tú, Lê Thành Tri, Lê Ngọc Trụ, Vũ Trọng Ứng, Hà Ngọc Xuyên...

Ngoài ra, Nha Văn-Hóa mong mỗi sự hợp tác của quý vị văn-nhân học-giã.

Thư từ ngân phiếu xin đề Ông Giám-đốc Nha Văn-Hóa, 8 Nguyễn-Trung-Trực, Saigon

# VĂN HÓA

**TẬP SAN**

**NHA VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA  
XUẤT - BẢN**

**Năm thứ XXI, Số 1 (năm 1972)**

**NHA VĂN-HÓA  
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
SAIGON-VIETNAM**

# VĂN - HÓA

## TẬP SAN

NHA VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA  
XUẤT BẢN

Năm thứ XXI, Số 1 (năm 1972)

### mục-lục

- Diển-văn khai mạc của Ông Quốc Vụ Khanh  
Đặc-Trách Văn-Hóa đọc trong Lễ Kỷ-niệm  
đại thi hào Nguyễn-Du ngày 17-9-1971 ... 1

#### Văn-học — Nghệ-thuật

- |                                                                      |                     |    |
|----------------------------------------------------------------------|---------------------|----|
| Truyện Kiều và Nguyễn-Du ...                                         | ĐÀM-QUANG-THIỆN     | 1  |
| Ảnh hưởng truyện Kiều<br>trong đời sống bình dân ...                 | CUNG-ĐÌNH-THANH     | 4  |
| Cảm xuân thời loạn ...                                               | NGUYỄN-NGỌC-CÀM     | 15 |
| Kinh Thi nước Việt ... (tiếp theo)                                   | TẠ-QUANG-PHÁT       | 21 |
| Dịch học nhập môn ... (tiếp theo)                                    | B.S. NGUYỄN-VĂN-THỌ | 30 |
| Ngành phá học Âu-Châu : Sự phát triển<br>và phương pháp tạo dựng ... | NGUYỄN-ĐỨC-DỰ       | 45 |

401  
EOK

Danh-nhân — Danh-văn

Cung oán ngâm khúc bình chú ... (tiếp theo) TRẦN-CỬU-CHẤN	66
Hai Bà Trưng ...	LÊ-XUÂN-GIÁO 64

Lịch sử — Phong tục

Triết lý giáo dục của Khổng-tử ...	NGUYỄN-VĂN-Y 73
Lịch sử quyền sách ...	NGUYỄN-HÙNG-CƯỜNG 86
Lược sử Chùa Linh Ứng ...	THẢO-DUY 96
Những đặc điểm trong việc hôn-nhân của người Chăm Hồi giáo ...	NGUYỄN-VĂN-LUẬN 101

Tin Văn-Hóa ...

Thề lệ cuộc thi sáng tác thơ do Văn-Hóa Tập-San tổ chức dưới sự bảo trợ của Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa ...	117
	138

Phụ trương

UNESCO and Cultural Activities in Vietnam ...	VŨ-TRỌNG-ỨNG 147
-----------------------------------------------	------------------

# CULTURE

## REVIEW

PUBLISHED BY THE DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS  
MINISTRY OF STATE IN CHARGE OF CULTURAL AFFAIRS

VOL. XXI, No 1 (1972)

## contents

- Opening Speech by H. E. The Secretary of State in charge of Cultural Affairs at the commemorative ceremony of the Great Poet Nguyen Du ...

### Art and Literature

Story of Kieu and Nguyen Du ...	ĐÀM-QUANG-THIỆN 1
Impact of the Story of Kieu in the popular daily life ...	CUNG-ĐÌNH-THANH 4
Spring in the wartime ...	NGUYỄN-NGỌC-CÀM 15
Vietnamese History and Ways of living through Folk Songs (continued)	TẠ-QUANG-PHÁT 21
Introduction to the study of Kinh Dịch (the Book of Changes) ...	NGUYỄN-VĂN-THỌ 30
The contents of the Family Registers in Europe Development and Compiling Methods ...	NGUYỄN-ĐỨC-DỰ 45

*Famous Persons and Writings*

Notations on Cung Oan Ngâm Khúc (Complaint of an odalisque, (continued) TRẦN-CỬU-CHẤN	56
The Two Trưng Sisters ... LÊ-XUÂN-GIAO	64

*History — Customs*

Educational Philosophy according to Confucius NGUYỄN-VĂN-Y	73
History of the book ... NGUYỄN-HÙNG-CƯỜNG	86
History of Linh Ung Pagoda (Quảng Nam) ... THẢO-DUY	96
Some typical features of the Marriage among the Moslem Cham ... NGUYỄN-VĂN-LUẬN	101

*Cultural News ...*

Poem Contest and its regulations organized by <i>Culture Review</i> under the sponsorship of the Ministry for Cultural Affairs ...	117
	138

*Supplement*

UNESCO and Cultural Activities in Vietnam ... VŨ-TRỌNG-ỨNG	147
------------------------------------------------------------	-----

# CULTURE

PUBLIÉE PAR LE

MINISTÈRE D'ÉTAT CHARGÉ DES AFFAIRES CULTURELLES

VOL. XXI, No 1 (1972)

## table des matières

- Discours inaugural du Ministère d'Etat chargé  
des affaires culturelles à l'occasion de la Cérémonie  
Commemorative du poète Nguyễn Du le 17-9-1972. 1

*Belles lettres — Beaux arts*

Le poème « Kiêu » et Nguyễn Du ... ĐÀM-QUANG-THIỆN	1
Influence du poème « Kiêu » dans l'existence populaire ... CUNG-ĐÌNH-THANH	4
Emotion prntanière en temps de guerre ... NGUYỄN-NGỌC-CÀM	15
Le livre des chansons populaires du Viet-Nam (suite) TẠ-QUANG-PHÁT	21
Introduction à l'étude du Kinh Dịch (Livre des Mutations) (suite)... B.S. NGUYỄN-VĂN-THỌ	30
La généalogie en Europe (Développement et méthode de composition) ... NGUYỄN-ĐỨC-DỰ	45

*Hommes illustres — Œuvres célèbres*

Annotations du CUNG OAN NGÂM KHÚC  
(Complaintes d'une odalisque) ...

(suite) TRẦN-CỬU-CHẤN 56

Les deux sœurs Trưng ... LÊ-XUÂN-GIÁO 64

*Histoire—Coutumes et mœurs*

La philosophie éducative de Confucius ... NGUYỄN-VĂN-Y 73

L'historique d'un livre ... NGUYỄN-HÙNG-CƯỜNG 86

Abrégé d'histoire de la pagode Linh-Ứng ... THẢO-DUY 96

Les caractéristiques dans le  
mariage des Chàm Musulmans NGUYỄN-VĂN-LUẬN 101

*Nouvelles culturelles.* 117

Règlement du Concours de poésie  
organisé par la revue « Culture »  
sous le patronage du Ministère  
d'Etat Chargé des Affaires Culturelles ... 128

*Supplément*  
UNESCO and Cultural Activities in Vietnam... 147



DIỄN-VĂN KHAI-MẠC

*của*

ÔNG QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA  
ĐỌC TRONG LỄ KỶ-NIỆM ĐẠI THI-HÀO NGUYỄN-DU  
NGÀY 17-9-1971

Kính thưa Thủ-Tướng Chánh-Phủ,

Kính thưa liệt Quý Vị,

Tiếp tục một truyền thống tốt đẹp đã có từ lâu, hôm nay Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-trách Văn-hóa, với sự hợp-tác của Hội Văn-hóa Bình-dân, lại được vinh-dự đứng ra tổ-chức Lễ kỷ-niệm đại thi-hào NGUYỄN-DU.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Thủ-Tướng đã quang-lâm chủ-tọa buổi lễ, chứng tỏ mối quan-tâm đặc-biệt đối với công cuộc phát-huy nền văn-hóa dân-tộc, được nêu làm trọng-tâm công-tác cho Phủ Văn-hóa và được sự hưởng-ứng nồng-nhiệt của mọi giới.

Chúng tôi cũng xin tỏ lời nồng-nhiệt chào mừng liệt quý vị, cũng như

từ bao giờ, đã theo dõi với rất nhiều thiện-cảm những hoạt-động của Phủ Văn-Hóa. Sự hiện-diện đông-đào của liệt quý vị trong buổi lễ hôm nay đã nói lên một mối đồng-cảm sâu xa giữa cơ-quan văn-hóa nhà nước và các giới đồng-bào trong sự-mạng bảo-tồn những di-sản văn-hóa của giống nòi.

Lễ kỷ-niệm hôm nay chính là cơ-hội xác-nhận niềm tin-tưởng vô-biên vào sinh-lực của giống nòi, được thể hiện trong sự-nghiệp thi-ca bất-hủ của một đại thi-hào hằng được toàn dân kính mến. Với Nguyễn-Du, thi ca Việt-Nam đã nở hoa trong những danh-phẩm không những làm vinh-dự cho nền văn-hóa dân-tộc mà còn có thể so-sánh không chút mặc-cảm với bất cứ danh-phẩm nào trên trường quốc-tế. Với Nguyễn-Du, tiếng Việt trở nên tiếng thơ tuyệt-diệu tiêu-biểu cho thi-pháp dân-tộc—chúng tôi muốn nói cách riêng đến thể lục bát trong truyện Kiều mà còn là tiếng nói của tâm-tình thống-nhất dân-tộc từ Bắc chí Nam, bởi vì thơ của Nguyễn-Du chính là tiếng lòng của dân Việt, chính là tấm gương phản chiếu trung-thành tâm-cảm của dân Việt.

Chỉ nói riêng về truyện Kiều, sự-kiện các thế-hệ đã liên-tục vịnh Kiều, tập Kiều, lay Kiều, bói Kiều, nói lô-tô Kiều, nghiên-cứu, bình-luận, phiên dịch truyện Kiều ra các ngoại-ngữ cũng đủ xác nhận địa-vị vô tiền khoáng hậu của truyện Kiều và danh-vọng của Nguyễn-Du. Huống chi, ngoài truyện Kiều, Nguyễn-Du còn lưu lại cho hậu-thế nhiều tác-phẩm chữ nôm và chữ Hán, được tán-thưởng không kém gì truyện Kiều như : Văn-tế thập-loại chúng-sinh, Thác lời trai phường nón, Văn-tế Trường-lưu nhị nữ, Thanh hiên tiền hậu tập, Nam Trung tạp ngâm, Bắc hành thi tập.

Đặc-điểm của những bậc danh sĩ và những ánh danh-văn và luôn luôn có tính cách mới lạ, hễ càng nghiên-cứu càng hiện-lộ thêm những khám-phá kỳ-thú. Cho nên, thân-thể và thi-nghiệp của đại thi-hào Nguyễn-Du, từ bao giờ và cho đến mãi mãi về sau, vẫn là những đề-tài nghiên-cứu hứa-hẹn những phát-kiến mới lạ.

Trong khuôn-khố Lễ kỷ-niệm hôm nay, chúng tôi xin kính mời quý vị đi vào thế-giới Nguyễn-Du bằng nhiều nẻo đường khác nhau. Nhà văn Đàm-

Quang-Thiện sẽ nói chuyện về «truyện Kiều và Nguyễn-Du còn Luật-sư Cung đình-Thanh, Hội-trưởng hội Văn-hóa Bình-dân sẽ thuyết-trình về « Ảnh hưởng truyện Kiều trong đời sống bình-dân ». Phần văn-nghệ, đặt trọng-tâm vào truyện Kiều, do các nam nữ nghệ-sĩ hữu-danh đảm-trách gồm có : hoạt-cảnh «Viếng mộ Đạm-Tiên», trình diễn dân-ca Bắc Trung Nam và tuồng chèo cổ với ba hồi sôi động trong truyện Kiều : Thúy-Kiều gặp Kim-Trọng, Hoạn-Thư bắt ghen và Thúy-Kiều tái hồi Kim-Trọng.

Trước khi nhường diễn-đàn cho các thuyết-trình-viên và nam nữ nghệ sĩ nhắc-nhở một vài phương-diện trong sử-diệp của đại thi-hào Nguyễn-Du, một lần nữa, chúng tôi xin trân-trọng cảm ơn Thủ-Tướng và liệt quý vị.

ĐÀM-QUANG-THIỆN

## truyện kiều và nguyên-du \*

Kính thưa Thủ-Tướng,

Kính thưa Cụ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa,

Kính thưa Quý-vị,

Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa và Hội Văn-Hóa Bình-Dân có sáng-kiến kỷ-niệm long-trọng Đệ nhất Văn-hào Việt-Nam, Nguyễn-Du, tác giả «Đoạn Trường Tân Thanh» tục gọi là truyện Kiều, nhân ngày giỗ của Cụ nhằm ngày mồng mười tháng tám.

Phủ và Hội đã có nhã-ý dành cho tôi cái danh-dự phi-thường mở màn mùa kỷ-niệm này — gồm nhiều hình thức văn-nghệ phát huy giá trị Đoạn Trường Tân Thanh — bằng một bài diễn-văn đề cập đến tác-giả Cụ Nguyễn-Du, và tác-phẩm truyện Kiều.

Nếu mọi sự đều bình thường thì không bao giờ tôi lại từ chối chấp nhận danh-dự phi-thường ấy.

Nhưng thế sự thường bất thường, khiến tôi bất đắc dĩ phải ân-hận từ chối. Lý do là tôi ngoại trọng bệnh đã vài tháng qua, lắm lúc tưởng sắp được vinh-biệt thế giới trần tục này.

\* Diễn-văn của Ô. Đàm-Quang-Thiện đọc trong buổi lễ kỷ-niệm thi-hào Nguyễn-Du.

Nhưng,

*Số còn nặng nghiệp má đào,  
Người đã muốn quyết, trời nào đã cho.*

nên tôi lại có mặt ở đây để có mấy lời mở màn cho mùa kỷ-niệm Nguyễn-Du.

Từ trước đến nay, người ta đã đề cập rất nhiều đến khía cạnh của Nguyễn-Du và truyện Kiều. Nhưng có một khía cạnh mà hầu như người ta chưa khai thác một cách sâu rộng, ấy là cái nghèo cùng cực của tác-giả Đoàn Trường Tân Thanh. Cùng cực đến có khi ba ngày liền tiếp bếp không có lửa, đói không cơm ăn, rét không áo mặc, ốm không thuốc uống. Nhà rộng không, chuột đói phải đến gặm sách mà hàn-sĩ xếp làm đệm để nằm lên trên cho cơ thể chỉ còn xương với da khô đầu đóm và lạnh lẽo nếu nằm thẳng trên mặt đất.

Nhưng nếu chỉ có cái đau khổ vì nghèo đói thì Nguyễn-Du chắc cũng chẳng mấy quan tâm, vì tính Cụ vốn thích sống thanh-bần và giản-dị. Cả đến khi làm đường quan cũng chỉ mặc áo vải, ăn rau dưa.

Nhà đã nghèo, con lại đông, mười hai con trai và hai con gái hồi lương Bô-chính làm sao nuôi đủ? Mà ngoài số lương thuần túy ra, Cụ không còn nguồn lợi nào khác vì Cụ không tham những không nhận của hối lộ, cũng không có việc tư doanh nào. Trong một vài bài Hán-văn đường-luật của Cụ, Cụ có ám-chỉ đến cái nghèo ấy một cách gián tiếp khi tả tình-thương của Cụ đối với lũ con đông, thiếu ăn đến nỗi đứa nào một cũng xanh như tàu lá.

Chúng ta không nên nông nổi mà cho Cụ không có óc thực tế. Đây một bậc anh-hùng cái thế như Hàn-Tín mà còn phải nhờ đến bát cơm của bà Xiếu-Mẫu mới khỏi chết đói, huống hồ một thi-sĩ như Nguyễn-Du.

Một nhà triệu-phú đã nói với tôi rằng: « Ngày nay tôi triệu-phú, tôi

thấy kiếm một triệu bạc dễ hơn ngày xưa kiếm một bữa ăn nhiều, khi tôi còn hàn-vi. »

Thường vai chủ động một cuốn tiểu-thuyết, bên Á cũng như bên Âu, chỉ biểu hiệu một khía cạnh đau khổ nào mà tác-giả đã lịch trải mà thôi. Khác hẳn, Thúy-Kiều đã là biểu hiện cho rất nhiều khía cạnh đau khổ mà một người phụ-nữ có thể gặp phải. Nàng đã phải «*Thanh-lâu hai lượt, thanh-y hai lần*» ấy cũng là vì cái đau khổ đa dạng mà Nguyễn-Du đã phải trải qua giữa cảnh quốc phá gia vong.

Cổ Kim Đông Tây thường cho đau khổ là nguồn hứng của thi nhân. Đau khổ càng nhiều thì hứng càng cao, liên hệ giữa đau khổ và thi hứng ấy rất đúng trong trường-hợp Nguyễn-Du, do chính Nguyễn-Du đã nói ra :

*Tăng lã trường kiếm ý thanh thiên,  
Triền truyền nê đồ tam thập niên.  
Văn tự hà tăng vi ngã dụng,  
Cơ hàn bất giác thụ nhân liên.*

Phỏng dịch :

Trời xanh ngạo nghệ dựng girom trường,  
Ba chục năm qua với bụi đường,  
Văn tự nuôi thân không được việc,  
Giật mình đói rét chịu người thương !

Đói rét của dân-tộc đã ảnh-hưởng đến đời sống của thi-nhân như thế, còn thi nhân ảnh-hưởng đến đời sống của dân-tộc, nhất là giới bình-dân như thế nào, diễn-giã, Luật-sư Cung-đình-Thanh sẽ cho chúng ta biết để mở màn cho Mùa Kỷ-Niệm Nguyễn-Du năm nay.



## ảnh hưởng truyện kiều trong đời sống bình dân \*

Kính thưa Thủ-Tướng,

Kính thưa ông Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa,

Thưa Quý Liệt-Vị,

Hội Văn Hóa Bình Dân chúng tôi chân thành cảm tạ Phủ Quốc-Vụ Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa đã dành cho chúng tôi cái vinh dự hôm nay, nhân ngày Kỷ-Niệm Thi-Hào Nguyễn-Du, được hầu chuyện trước một số đông-đạo thánh-giả ưu-tú như thế này.

Chúng tôi cũng xin chân-thành cảm-tạ Quý-Vị đã bớt chút thì giờ quý-báu đến tham-dự buổi lễ và nghe chúng tôi dông dài về một đề-tài mà chính Quý-vị mới là người am tường và có thẩm-quyền phát biểu.

Thật vậy, truyện Kiều không phải là một đề-tài mới lạ. Tác-phẩm kỳ-diệu ấy, từ khi xuất-hiện đã được phổ biến một cách vô-cùng sâu-rộng trong dân-gian, từ Vua-Chúa đến giới bình-dân, không đâu là không thấy nói tới. Giới trí-thức, tân cũng như cựu, đã bàn tán sôi nổi về truyện Kiều và đã gây ra những cuộc bút chiến hi-hữu trong lịch-sử văn-học nước nhà. Giới bình-dân, thuần nhất hơn, hồn nhiên đón nhận truyện Kiều như một báu vật, và ngâm Kiều, và ca Kiều, và sống với Kiều như một nhu-cầu không

\* *Diễn-văn của Luật-sư Cung-Đình-Thanh đọc trong buổi Lễ kỷ-niệm thi-hào Nguyễn-Du ngày 17-9-1971.*

thờ không có. Người trí-thức tùy theo nguồn gốc học vấn của mình, bản lĩnh của mình và nhiều khi cả những trách vụ hay quyền-lợi thầm kín nào đó của mình để, dưới lăng kính này hay lăng kính nọ, phê phán Kiều, khen chê Kiều. Người bình-dân không thế, đã nhìn Kiều bằng chính con mắt bình-dân của mình, để nhận thấy rằng Kiều gần gũi với mình, nói lên được nếp sống và suy-tư của mình, những ước nguyện mình khao-khát, do đó người bình-dân đón nhận Kiều như đón nhận một người thân ruột thịt xa vắng lâu ngày.

Chính từ những nhận-xét tổng-quát này chúng tôi có ý-định trình-bày với quý-vị rằng Nguyễn-Du đã sáng-tác Truyện Kiều với tư-cách một Đại-biểu Bình-dân chứ không với tư-cách một nhà nho hay đại-diện giới quan quyền. Tôi đã dùng chữ sáng-tác thay cho chữ phóng-tác bởi, cũng như những người bình-dân khác, chúng tôi không quan-tâm nhiều đến Ngụ Sơ Tân chi, đến Thanh Tâm Tài Nhân, mà chỉ muốn nhấn mạnh Nguyễn-Du đã dùng những chất-liệu lấy trong dân-gian để dựng lên Truyện Kiều. Phần vay-mượn cốt truyện hay diễn cổ xưa, hoặc chỉ là những cái cơ che-dấu mặt tâm sự khó nói, hoặc để làm phong-phú thêm chất-liệu bình-dân.

Chính vì vậy, chính vì là đại-biểu của dân gian, Truyện Kiều đã vượt hẳn thời-gian để giữ một địa-vị cao quý trong văn-giới nước nhà, và ảnh-hưởng sâu-rộng một cách lạ kỳ vào đời sống dân-tộc.

Tuy nhiên, phong-tục, tập-quán, tư-tưởng, tín-ngưỡng, nói chung đời sống một dân-tộc là sự xây-dựng lâu dài của nhiều lớp người qua nhiều thế-hệ. Đời sống dân-tộc ví như biển cả mà một tác phẩm dù tác-phẩm lớn như Truyện Kiều đóng góp vào đời sống ấy cũng ví như dòng sông góp nước cho biển cả. Truyện Kiều phát-xuất từ đời sống dân-tộc, phản ánh đời sống dân-tộc để rồi lại ảnh-hưởng dội lại đời sống ấy là tiêu hiên nhiên phải có. Nhưng phân-định ranh-giới giữa ảnh-hưởng của đời sống bình-dân vào truyện Kiều và ngược lại không phải là điều dễ thực-hiện. Công-việc đó đòi-hỏi sự sưu-tầm khoa-học của nhiều

nhà chuyên môn thực-hiện trong nhiều năm nghiên-cứu. Bởi vậy, hôm nay trong ngày Kỷ-Niệm nhà Thi-Hào, chúng tôi chỉ xin nối tiếp người đi trước làm công việc gọi ý, và rất mong sớm thấy việc nghiên-cứu Truyện Kiều một cách đại quy-mô nói chung, và ảnh-hưởng Truyện Kiều trong đời sống bình-dân, đời sống dân-tộc, nói riêng, sớm được thực-hiện.

Đề giới hạn đề-tài, chúng tôi chỉ xin trình bày vấn-đề dưới hai điểm chính:

I. Những thí-dụ cho thấy ảnh-hưởng sâu rộng của Truyện Kiều vào đời sống bình-dân từ đời sống thường nhật đến đời sống văn-ngệ tâm-linh và xã-hội chính-trị.

II. Thử tìm những lý do giải-thích sự ảnh-hưởng vô-cùng sâu rộng này.



I.1 Ảnh-hưởng thường gặp nhất của Truyện Kiều trong đời sống bình-dân chính ở chỗ văn Kiều đã nhập vào cửa miệng bình-dân thay cho những lời nói nôm-na đề bày-tỏ nỗi lòng trong mọi sinh-hoạt *thường-nhật*, nhất là trong những trường-hợp khó dùng lời nói bình-thường để diễn-tả ý mình Tôi xin kể một thí-dụ có thực về cuộc đối-thoại giữa hai vợ chồng trong trường-hợp người chồng bỏ bê gia-đình, đăm-mê một người đàn-bà khác không còn xuân-sắc. Quý-vị có thể tìm đâu lời nói sâu-sắc hơn lời người đàn-bà trong chuyện đã lấy Kiều:

*Hoa thơm mắt nhụy đi rồi,  
Còn thơm đâu nữa mà người ước ao?*

Nhưng, chẳng may cho người vợ gặp ông chồng cũng rất thuộc Kiều nên đã « Kiều » lại:

*Hoa tàn mà lại thêm tươi,  
Trắng tàn mà lại hơn mỵrì rằm xưa.*

Tôi có được nghe chuyện cụ Nguyễn-cau-Mộng nhờ người bạn đứng bảo lãnh vay tiền chà-và. Đáo hạn, không xoay được đâu ra tiền trả khiến người bạn phải vì mình mang lụy. Nỗi khổ tâm này thật khó có lời nào giải bày cho tỏ. Vậy mà Kiều đã biện-hộ một cách tài tình như thế này:

*Tin tôi nên mới nghe lời,  
Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao.  
Bây giờ đất thấp trời cao,  
Ăn làm sao nói làm sao bây giờ ?*

Trong dân gian, trai gái tán nhau bằng Kiều:

*Lặng nghe lời nói như ru,  
Chiều Xuân dễ khiến nét thu ngại-ngùng*

Chị ru em bằng Kiều:

*A ơi, em ơi em nín chị yêu,  
Đề chị sẽ kể Thúy Kiều em nghe.*

Người ta khen nhau khích nhau nói xách mé nhau, chửi nhau cũng bằng Kiều. Thậm chí lúc gặp việc khó khăn, người ta đã tìm đến Kiều để bô vãn kể như tìm đến lời khuyên của một bậc trưởng-thượng hay sự chỉ-dẫn của thần linh. Người bình-dân bói Kiều thấp hương khấn-vái:

*« Lạy Vua Tì Hải  
Lạy Vãi Giác-Duyên  
Lạy tiên Thủy-Kiều... »*

hay

*« Khấn chư-vị  
Thủy-Kiều, Thủy-Vân  
Vương-Quan, Kim-Trọng  
Ông Bà Viên-ngoại*

Từ Hải Giác-Duyên  
 Sống khôn chết thiêng  
 Xin về ứng quẻ  
 Thấy hoa đừng bẻ  
 Thấy trẻ đừng chơi  
 Thấy quán đừng ngồi  
 Mau mau chong-chông !  
 Về giúp tôi quẻ bói »

Thứ-vị nhất là việc bói Kiều lại được cả những nhà thức-giả cách-mạng áp-dụng như trường-hợp Cụ Dương-Bá-Trạc bói Kiều được cụ Trần-trọng-Kim kể lại trong « Một cơn gió bụi ».

Thế mới biết Truyện Kiều ảnh-hưởng tới đời sống thường-nhật trong dân-gian quan-trọng biết chừng nào.

I.2 Ảnh hưởng truyện Kiều vào đời sống thường nhật quan trọng nhưng trầm-lặng chứ không ồn ào như ảnh-hưởng Kiều trong đời sống văn-nghệ.

Hãy đề ngoài những hình-thức văn-nghệ vừa có tính-cách bác-học, vừa có tính cách bình-dân như Kiều phú, Kiều án, Kiều vịnh có đầy dẫy trong văn-sử hay những hình-thức văn-nghệ trình-diễn như tuồng chèo Kiều, hát bội Kiều, Cải lương Kiều, chiếu bóng Kiều mà công việc bàn luận phải cần đến nhiều pho sách. Trong khuôn khổ bài nói chuyện hôm nay chúng tôi chỉ xin bàn đến ảnh-hưởng của Kiều trong một sinh-hoạt văn-nghệ bình-dân quan-trọng bậc nhất là dân-ca.

Như ai nấy đều biết nền văn-minh Việt-Nam là nền văn-minh chìm mà phương-tiện chính để truyền-bá văn-minh ấy là tục-ngữ ca-đao. Bởi vậy kho-tàng ca-đao là kho-tàng phong-phú. Ở đây người ta có thể tìm thấy mọi nét sinh-hoạt và cả túi khôn-ngoan của dân-tộc. Mặt khác, tiếng Việt có nhiều cung trầm bổng, bởi thế ca-đao tự nó hay chỉ biến cải đi đôi chút đã trở thành

dân-ca đủ loại, hát ru em, cò lả, ả-đào, bông mận, hát quan họ, trống quân hát ví, hát giặm, hò miền Trung, Ca Huế, hò mái đẫy, hát nhân-ngãi, hò miền Nam, hát sai Phú-thủy. Uy-tín và ảnh-hưởng của ca-đao lớn đến nỗi người ta chỉ nói đến một câu thơ hay đoạn văn nào chịu ảnh-hưởng của văn-chương bình-dân mà ít khi dám quả-quyết xác-nhận câu ca-đao đã bắt nguồn từ tác-phẩm nào. Điển-hình nhất là trường hợp câu thơ :

Có kia tát nước bên đàng,  
 Sao cô múc ánh trăng vàng đố đi.

Vẫn là đề tài tranh-luận mà văn-sử chưa dám quả-quyết là thi-sĩ Bằng-bá-Lân chịu ảnh-hưởng của ca-đao hay đã góp phần làm giàu cho ca-đao. Có như thế mới biết bóng dáng truyện Kiều thật vĩ-đại vì ảnh-hưởng của Kiều vào nền văn-học bình-dân trong nhiều trường hợp không còn là điều dị-nghị. Và người ta đã thấy dân-ca vay-mượn ở Kiều dưới các hình-thức chính như sau :

a) Hình thức Kiều lấy : Với tác-phẩm trên 3.254 câu người ta có thể nhặt chỗ này một câu chỗ kia một câu để ghép lại thành bài ca với ý-nghĩa mới.

Hát Quan họ : Có điều chi nữa mà ngờ  
 Phải người trăng gió vội-vò hay sao  
 Mai sau dù có thế nào  
 Kia gương nhật-nguyệt nợ dao quý thần.

b) Hình-thức đồ Kiều : Trong những dịp hát trống quân, trai gái thường lấy Kiều mà đồ nhau.

Đàng gái : Truyện Kiều anh đã thuộc lòng  
 Đồ anh giáng được một câu năm người.

Đàng trai : Nay chớng này mẹ này cha  
 Nay là em ruột này là em dậu.

c) Hình-thức thông thường nhất là phóng-tác theo cốt truyện hay nhân vật trong Kiều: Chỉ xin kể ít nhiều thí-dụ như sau:

Hát bông mạt: Người hát dựa vào một câu thơ trong Kiều như

Này em ơi,  
Con chim tìm bạn nó hót trên đỉnh cây cao,  
Còn anh với em thì đến bao giờ,  
Em xắn tay mở động đào...  
Rồi em vén mây cho anh trông tỏ lối vào... thiên thai.

Hồ mái dấy: Mượn tích truyện Kiều

Xưa Kim-Trọng trao trâm gởi quạt  
Mười lăm năm bát ngát tấm thương  
Nay chừ Kim-Trọng xa Kiều nương  
Nhớ trâm trao quạt gởi chén rượu quỳnh tương thuở nào.

Hồ chèo ghe miền Nam: Mượn nhân vật Truyện Kiều gợi ý

Đường Saigon trơn như mỡ  
Cát nài Sập lạnh như sương  
Dang tay đưa Bọn lên đường  
Gá duyên để đó khác chi Kim-Trọng về  
Đề lại khúc đoan trường cho Kiều Nương

Hát ví Nghệ-Tĩnh:

Đời ta như Kim-Trọng Thấu Kiều  
Cũng phen lúc động cũng nhiều lúc cay.

Hát Quan-họ: Mượn địa-danh trong truyện để nói tâm sự mình

Lâm-Tri chút nghĩa đèo bồng  
Hỏi chàng còn nhớ hay lòng cũ quển.

I.3 Truyện Kiều còn ảnh-hưởng đến tâm-lý xã-hội qua những nhân vật trong Truyện nay đã trở thành nhân-vật điển hình

— Đề chi một người sợ vợ người ta đã dùng danh-từ: Chàng Thúc, họ Thúc — bởi Thúc-Sinh gặp gái thì huênh-hoang:

Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.

Nhưng khi gặp khó khăn lại trốn tránh trách-nhiệm:

Liệu mà cao chạy xa bay,

Ái ân ta có ngần này mà thôi.

— Nói đến Tú Bà ai cũng biết là người đại-biểu cho giới buôn hương bán phấn, Hoạn Thư chỉ người đàn-bà cả ghen, Sờ-Khanh là lời mắng con người đêú giả, Hồ-tôn-Hiến là phường bất-nghĩa....

Trong dân gian cũng có truyền tụng câu:

Đàn ông chớ kể Phan-Trần,

Đàn bà chớ kể Thúy-Vân Thúy-Kiều.

Câu đó từ đâu mà có chưa ai biết nhưng rõ ràng ông già bà cả nhân-nhủ con cháu như vậy, hẳn đã sợ ảnh hưởng của truyện Kiều đối với đời sống con cái mình và như vậy đã xác nhận sự quan trọng của ảnh hưởng Kiều trong đời sống tâm-lý bình-dân vậy.

I.4 Và sau chót chúng tôi muốn đặt một nghi-vấn: Phải chăng truyện Kiều đã ảnh-hưởng đến cả chế-độ chính-trị của xã-hội đương thời?

Phải chăng, với ngòi bút thần tình, Nguyễn-Du đã nói lên được những thói nát độc tài tàn-bạo của chính quyền đương thời, đã làm bùng dậy những phản-úất âm-i trong giới bình-dân, đã đề cao những hành-động nổi-dậy kiểu Từ-Hải, và do đó đã là một trong những nguyên-nhân đưa đến cảnh giặc-giã khắp nơi trong triều Nguyễn như chưa từng thấy trong lịch-sử.

II — Lý do Truyện Kiều ảnh-hưởng sâu-rộng trong đời sống binh-dân :

Vấn-đề Truyện Kiều ảnh-hưởng sâu-rộng trong quần-chúng như vừa trình-bày là một sự thực. Có ảnh-hưởng đó không chỉ bởi văn-chương Kiều trác tuyệt hay cốt truyện Kiều lâm-ly — mà chính bởi truyện Kiều đã phát-xuất từ dân gian, đã nói lên được lòng tin, nếp suy-tư, đời sống khổ-ải cũng như nỗi phẫn uất và giấc-mơ khó thành của dân bằng những lời của dân.

II.1 Thực vậy, về hình-thức, Nguyễn-Du đã dùng thể văn lục bát, lối văn truyền-thống của dân-tộc dễ thuộc, dễ ngâm, dễ dụng. Dưới ngòi bút Nguyễn-Du, lục-bát đã được sử-dụng tài-tinh từ cách ngắt câu, đến phép cân đối : Cân đối ở số chữ, ở ý, ở thanh, khiến giọng văn khi uyển-chuyển nhịp-nhàng, khi mạnh mẽ thiết-tha, thật thiên biến vạn hóa. Lời văn phần lớn cũng bắt nguồn từ lời binh-dân, từ tục-ngữ ca-dao, nhưng được trau-chuốt lại. Bởi vậy, người binh-dân đọc Truyện Kiều như thấy lời thơ vẫn là lời mình nhưng sao trang-nhã hẳn lên ; điệu thơ vẫn là điệu mình ca, nhưng sao thấy phong phú hẳn lên ; do đó tạo ra vô vàn hứng thú, và vì vậy trong dân-gian ai cũng ham đọc, ham ngâm truyện Kiều khiến tác phẩm này đã thành phổ biến như chưa từng có trong lịch-sử.

II.2 Nếp sống và tư-tưởng truyện Kiều cũng phản ảnh nếp sống và tư-tưởng binh-dân. Lấy một thí-dụ : Việc nàng Kiều đang đêm sang nhà Kim-Trọng thể-thốt thường bị các nhà nho phê-bình nghiêm-khắc. Tôi không nghĩ việc biền-minh cho nàng Kiều là cần thiết mà chỉ muốn nói rằng theo phong-tục binh dân, người thiếu-nữ rất tự-do trong việc tổ-tinh và có quyền khá rộng rãi trong việc tự-ý lựa chọn ý trung nhân. Ca-dao chẳng đã từng khuyên :

*Chim khôn đậu óc nhà quan,*

*Trai khôn tìm vợ gái ngoan tìm chồng.*

Và việc người thiếu nữ ngõ tình trước người con trai mình thương trong dân-gian không phải là điều hiếm thấy :

*Hỡi anh đi đường cái quan,*

*Dừng chân đứng lại cho em than đời lìa.*

Về phương diện tư-tưởng, tôi không dám dài lời bàn luận về vấn-đề tam giáo trong truyện Kiều mà chỉ xin nhấn-mạnh rằng tam giáo đã được dãi lọc theo tinh thần tổng hợp và dung hòa, cho phù hợp với tư-tưởng binh-dân Việt-Nam. Tam giáo trong Kiều nói riêng và tư-tưởng trong Kiều nói chung là tư tưởng binh-dân do đó đã được giới binh-dân hấp-thụ dễ dàng và đón nhận nồng nhiệt.

II.3 Sau chót, xã-hội truyện Kiều đã được mô tả là xã-hội bất-công, phi-ly, nhiều tệ-đoan. Giới cầm quyền đã có những hành-vi bất-chấp ý-dân, quyền-dân, đã tỏ ra độc tài tàn bạo (thí-dụ : trường-hợp gia-đình Kiều tan nát chỉ vì lời cáo gian của một anh bán tơ, trường hợp Hoạn-thư cậy mình con quan cho tay chân đốt nhà bắt người hành-hạ chỉ vì việc tư...). Phải chăng người binh-dân Triều Nguyễn nói riêng cũng như người dân sống dưới chế độ bất tài nào nói chung, đều đã thấy ở Truyện Kiều một đại-diện thay mặt mình nói lên nỗi lòng phẫn-uất cùng là sự ước-mơ những cải cách hầu có thể có một đời sống tốt đẹp hơn.

Đọc tiểu-sử Nguyễn-Du ai cũng nhận thấy dường như ông có tâm-sự gì u-uất-khó nói, và luôn luôn có thái độ bất-như-ý với nhà cầm-quyền đương thời. Suốt bao năm trong Triều không hề nói một lời, khi đau yếu không uống-thuốc mà nằm chờ chết... những thái độ đó đã một thời được giải-thích là thái-độ hoài Lê. Giả-thuyết này đến nay không còn đứng vững vì người ta đã rõ cả họ Nguyễn-Du thờ Chúa Trịnh, kẻ thù của Vua Lê, không có lý Nguyễn-Du lại hoài Lê ?

• Vậy, phải giải-thích thế nào sự chống đối âm-thầm của Nguyễn-Du

với Triều Nguyễn nếu không muốn nói rằng đó chính là sự chống đối của đại-biểu dân-tộc với một chế-độ có những bằng chứng phi dân-tộc.

Thực vậy Triều Nguyễn là Triều Vua cuối cùng, trong suốt dòng lịch sử đáng lý phải chịu ít ảnh-hưởng nhất của thời Bắc-thuộc, thì ngược lại, lại là triều vua xa cách nhất với tinh-thần dân-tộc.

Những sự cải-cách của Triều Nguyễn, từ chính-trị đến hành-chánh, luật-pháp đều là cải-cách thụt-lùi, ít nhiều mô-phỏng phương-thức Trung-Hoa có tính-cách tù-túng kiềm hãm trái với tinh-thần phóng khoáng của dân-tộc. Nhất là không-khí ngột-ngạt bao trùm những nghi-kỵ cùng thái-độ xa-cách của Triều Nguyễn đã khác hẳn với không khí cởi mở Triều Lê, tinh-thần dân-chủ đời Trần, và độ lượng bao dung nhân ái đời Lý, khiến đã gây ra biết bao án-mạng oan khốc trong dân-gian, và ngay cả trong hàng-ngũ các cận-thần Triều Nguyễn. Trùng-hợp những người khai quốc công thần như Nguyễn-văn-Thành, Đặng-trần-Thường còn bị bức-tử đến chết thì đủ biết sự áp-đảo tinh-thần của các Vua Triều Nguyễn khốc-liệt đến thế nào.

Bởi vậy, một người có tinh-thần dân-tộc mạnh-mẽ như Nguyễn-Du không thể không có thái-độ với Triều Nguyễn. Truyện Kiều chính là thái-độ chống-đối kín đáo của Nguyễn-Du. Thái-độ này phù-hợp với ý-nguyện thâm-lặng của dân-gian. Theo thiên ý chúng tôi đó là lý do, ngoài những lý do về văn-chương và tư-tưởng như vừa kể đã khiến chuyện Kiều được phổ biến sâu-rộng và có ảnh hưởng vô-cùng quan-trọng trong đời-sống bình-dân, đời-sống dân-tộc vậy.

XUÂN-PHONG  
NGUYỄN-NGỌC-CÀM

## cảm xuân thời loạn

*Xuân lại trở về trên đất Việt,  
Vẫn thời khói lửa nhuộm non sông.*

Nhìn những cánh mai vàng rung-rinh trước gió, bên những cành lan khóm cúc đương thì nhau đua nở khắp vườn, cảnh sắc ấy như báo hiệu mùa xuân đã tới! Mặc dầu non sông đất nước này vẫn còn sắc mùi khói-lửa, dân-tộc này vẫn đương sống trong muôn vàn đau-khổ, chìm đắm trong thê-lương!

Hồi tưởng bốn mùa xuân năm trước, trong dịp đón Xuân giữa ngày huru-chiến của Tết Mậu-Thân (1968) lòng ta sao khỏi bồi ngùi xót đau cho đồng-bào vô tội chịu bao nỗi bi-thương vì cơn lửa đạn trong những giờ phút thiêng-liêng của ngày « huru-chiến » đã biến thành tác-chiến :

*Đấy ngày huru-chiến tình hay mơ ?  
Tiếng súng mừng Xuân thực chẳng ngờ !  
Gió lộng cờ bay miền Bến-Hải,  
Súng rền bụi cuốn chốn Thành-đô.  
Bao ngàn quân-sĩ thầy chổng chấu,  
Ngót triệu đồng-bào sống vất-vơ.  
Khắp nẻo non-sông bừng khói lửa,  
Ai người yêu-nước động lòng chưa ?*

(Trời Nam Khói Lửa)

Ai người yêu nước thương dân ? Họ cảm nghĩ gì trước cảnh xương rơi máu chảy ! trước cảnh nòi da xác thịt ! cốt nhục tương tàn ! giữa khi nọ Xuân vừa chớm nở, bóng thiếu-quang vừa ló rạng lúc bình minh :

Trời Nam vừa hé ánh Xuân dương,  
 Pháo nổ bom rơi rộn-rã đường!  
 Khắp nẻo non-sông thành chiến-địa,  
 Bao nơi đô-thị biển sa-trường.  
 Nhọc lòng tướng-sĩ trên yên ngựa,  
 Xót cảnh nhân-dân dưới nắng sương.  
 Viễn tượng Hòa-Bình tươi tốt nhĩ,  
 Ôi ngày hưu-chiến trái thê-lương!

(Trời Nam Khói Lửa)

Thật là náo-nùng, thật là đau xót cho những ai bấy lâu hằng ấp-ủ  
 mộng Hòa-Bình! Mộng ấy đã tan-tành như mây khói. Bởi tại số người vong-  
 bản, đi theo cuồng-vọng! Mất hết lương-tri! Chẳng còn nghĩ gì đến tinh thần  
 Quốc-gia Dân-tộc. Chẳng nghĩ gì đến sự tồn-vong của giống-nòi Bách-Việt.

— Sự tàn phá phũ-phàng, khốc-liệt và tang-thương hơn hết khiến cho  
 ai cũng cảm thấy đau lòng, đó là cảnh Huế kinh-khủng trong những ngày  
 lửa đạn!

Ôi! xứ Huế nơi cổ-đô đầy thơ-mộng! nơi di-tích của lịch-sử ngàn  
 năm, thế mà bỗng chốc đã biến thành chiến-địa, gây nên bao cảnh thảm-thê  
 trong mùa xuân thời loạn! Giờ đây mỗi độ Xuân sang, nhìn hoa mai nở, hỏi  
 ai không chạnh lòng hoài-cảm, thương tiếc cho Huế đô năm ấy:

Nhìn nước Hương-Giang, núi Ngự-Bình,  
 Xuân thời ly-loạn cảnh điêu-linh.  
 Cung vàng điện ngọc "chừ" oanh tạc,  
 Hồ-Tĩnh chùa Thiên cũng động binh.  
 Làn sóng xâm-lãng giàn một trận,  
 Lá cờ cự-địch phất trên Thành,  
 Nào đâu xứ Huế đầy thơ mộng?  
 Chỉ thấy lửa hồng ngút Đệ kinh.

(Trời Nam Khói Lửa)

Ngọn lửa hồng cháy thiêu Kinh-thành Huế năm xưa, đến nay vẫn còn  
 trong ký-ức mọi người với lòng đau xót vô biên! Và thời-gian đã theo ngày  
 tháng lần trôi, cảnh tàn phá ấy, người dân mình cảm thấy như đã trải qua cơn  
 ác mộng!

Ta thầm nghĩ: Lễ thường-biến của tạo-vật, lễ thịnh-suy của thế-nhân  
 cùng sự hưng-vong của Dân-tộc, đó là định-luật của Hóa-công? Nước ta loạn  
 mãi rồi cũng có hồi Thái-bình thịnh-trị, dân ta khổ mãi tất có ngày được  
 sung-sướng ấm-no, cảnh chia-ly kia mãi tất nhiên phải có ngày đoàn tụ, cho  
 nên lòng hằng mong-trước và hy vọng mùa Xuân tới quốc-gia sớm văn-hồi  
 hòa-bình cho thỏa-niềm khát-vọng của toàn dân, nhất là những ai bấy lâu  
 trong cảnh ly-hương:

Xuân đi Xuân lại đã bao lần,  
 Mươi mấy Xuân rồi lại thấy Xuân.  
 Cánh cửa Hòa-Bình như hé mở,  
 Cờ cờ chinh chiến sắp tan dần.  
 Mong ngày hội-ngộ tình Nam-Bắc.  
 Bỏ lúc phân-chia cảnh Sở-Tần,  
 Hy vọng biết bao người ngóng đợi;  
 Reo mừng tiếng pháo đón mừng Xuân..

(Trời Nam Khói Lửa)

Trông đợi mùa Xuân, reo mừng pháo nổ! đó là niềm thiết-tha mong  
 ước, lòng khát vọng của Dân ta! Và người mong mỏi hơn cả phải chăng là  
 những kẻ tha-hương như mình:

Mười mấy Xuân rồi trải gió sương,  
 Thanh-bình gởi mộng, hận canh trường.  
 Mỗi lần mai nở nghe oanh hót,  
 Ngơ-ngẩn trông với nẻo cố-hương.

Quê hương thăm thăm xa ngàn dặm,  
Mây nước chơi-vơi cách Hải-Tân.  
Hoàn-kiếm mơ-màng in dáng liễu,  
Tây-Hồ biết có ánh trăng ngân!

Trăng ngân nhớ lại thuở nào,  
Dưới trăng đón gió, vin đào, thưởng hoa.  
Tây-Hồ mây nước bao la,  
Mặt dòng lấp-lánh như là sắc gương!  
Cố hương!

Hỡi cố hương!  
Mười mấy năm qua, mấy đoạn trường?  
Thăng-Long thành cũ tình man-mác,  
Hải-cảng quê nhà dạ vấn-vương...

Vấn-vương theo mãi khách Sông-Hồ,  
Mỗi độ Xuân về lại ngàn-ngo!  
Cách nhạn phương trời, mòn mỏi mắt,  
Bao lần mai nở ngóng tin Thơ...

Sự mong đợi đã mười mấy mùa Xuân đi qua, cứ mỗi độ Xuân về, kẻ tha-hương nhìn cánh mai vàng của miền Nam đua nở, sao khỏi chạnh-niềm cố-quận. Trông ngóng tin thư nơi xứ Bắc xa xăm! Nghĩ tới đây như gọi mối tru tư, cõi lòng mình cảm thấy bồi-hồi, thao-thức rồi liên tưởng đến bài thơ « Xuân Vọng » của thi hào Đỗ-Phủ xưa kia:

Quốc phá Sơn Hà tại,  
Thành Xuân thảo mộc thâm.  
Cầm thời hoa tiễn lệ,  
Hận biệt điều kinh tâm.  
Phong hỏa liên tam nguyệt,  
Gia thư đề vạn cầm,  
Bạch đầu tao cánh đoãn,  
Hồn dục bất thăng trâm.

Bài thơ đã nói lên cảnh nước non tan-tác vì chiến-họa! những nỗi niềm bàng khuâng và tê-tái của kẻ mang mối sầu lữ-thứ, ngóng đợi tin nhà mỗi khi mùa Xuân trở lại...

Bài thơ rất hợp tình hợp cảnh ấy đã khiến mình diễn dịch ra Việt thi in trong tập Trời Nam Khói Lửa trong năm qua:

Nước tan sông núi vẫn còn,  
Khắp miền cây cỏ xanh rờn Thành Xuân.  
Cầm thời hoa cũng lệ tuôn,  
Biệt ly túi hận chìm muôn nỗi lòng.  
Lửa binh ba tháng đã rông,  
Vàng muôn khôn đời một phong thư nhà.  
Gãi đầu tóc ngắn trắng ngà,  
Dường như hết thầy khó mà cài trâm.

Thời gian đi mau chóng thật! chẳng thể mà người xưa thường ví thời gian như « bóng câu qua cửa sổ », mới ngày nào mình cất bước di cư, tính đến nay đã mười tám năm trường đằng đẵng trôi qua và đã mười tám lần nhìn hoa Xuân nở trong thời khói lửa!

Bấy lâu lưu lạc phong trần,  
Tóc mai đã điểm mấy phần tuyết sương!

Sợi gương nhìn mái tóc trên đầu đã điểm bạc, ta thấy cảm thông và thấm thía về bài « Vọng Xuân » của Đỗ Phủ trong Đường Thi, cũng như khi gần giáp Tết thấy ngày tháng đi quá mau; ta lại liên tưởng đến văn thơ của cố thi hữu Phạm-ngọc-Khuê từng viết trong cuốn Văn Nghệ Tinh Hoa, tập thi tuyển mà mình đứng chủ trương biên soạn năm nọ:

Tết tựa con tàu xinh xích tới,  
Ngày như dòng nước lững lờ trôi!



Hỏi ai phiêu bạt trong sương gió,  
Nghĩ đến quê-hương có ngậm ngùi ?

(Phạm-ngọc-Khue)

Ôi thật là bàng khuâng và tê tái trong niềm hiu quạnh, của kẻ tha hương.

Hôm nay trước cảnh Xuân về, hương Xuân tuy bát ngát, gió Xuân tuy êm dịu, nhưng vẫn vắng tiếng Pháo Nghinh Xuân ! vì " hưu chiến " nhưng chưa đình chiến.

Vậy nên ta ước mong sao ở mùa Xuân kế tiếp sẽ là ngày Xuân Hòa Bình thực sự của Dân-tộc Việt-Nam, và những dòng tùy bút của mình khi ấy chỉ để cảm ghi những sắc thái của mùa Xuân tươi thắm huy hoàng theo với những nụ cười cời mở của hai miền Nam Bắc.

— Có vậy mùa Xuân mới không trở thành vô vị,

— Có vậy mùa Xuân mới đáng để cho mọi người dân ta chào đón một cách hân hoan.

Tùy bút của XUÂN-PHONG  
NGUYỄN-NGỌC-CÀM

(Tác-giả thi-tập TRỜI NAM KHÓI LỬA)



TA-QUANG-PHÁT

## kinh thi nước việt (viết sử dân ca)

(x n đọc VHHS số 2, 1971)

6

Xem lên trăng bạch trời hồng.

Đạo miền sơn thủy bẽ bồng thái bình.

Trăng bạch trời hồng, chữ 月 nguyệt là mặt trăng màu trắng bạch, chữ 日 nhật là mặt trời sắc đỏ hồng. Hai chữ nhật và nguyệt hợp lại thành chữ 明 minh (là sáng) tức là tôn hiệu Đại-thắng Minh hoàng-đế (vua sáng-suốt đã chiến-thắng lớn-lao) của quần-thần dâng lên vua Đinh-tiên-Hoàng. Xem lên trăng bạch trời hồng, ý nói trông lên thì thấy Đại-thắng Minh hoàng đế trị vì. Đạo miền sơn thủy, nói vua Đinh-Tiên-Hoàng đem quân đi đạo khắp sơn-hà dẹp trừ các sứ-quân đê gom thiên hạ về một mối. Bẽ bồng thái bình, hái hoa đẹp của đời thịnh-trị trong niên-hiệu Thái-bình mà thường-thức cảnh an-cư lạc-nghiệp sau bao nhiêu năm loạn-lạc của thời Thập-nhị sứ quân.

Đinh Bộ-Linh người động Hoa-Lư (huyện Gia-viễn tỉnh Ninh-bình) con của Thái-sứ Hoan-Châu Đinh-Công-Trứ và bà họ Đàm.

Một hôm Đàm-thị nằm mộng thấy một người lớn tay cầm cái ấn vua đến xin làm con. Từ đấy Đàm thị thụ thai và sinh ra Đinh-bộ-Linh.

Ngài theo thân phụ vào vào ở trong động chơi với trẻ chăn trâu. Mỗi khi chơi đùa, ngài bắt lũ trẻ giao tay nhau mà nắm làm kiệu khiêng ngài đi giữa đám trẻ cầm bông lau làm cờ giàn ra hai bên như nghi trượng của thiên-tử.

Thừa lúc mẹ đi vắng, ngài cho làm thịt con lợn đang nuôi để khao lũ trẻ bộ hạ rồi di cư vào sách Đào-úc. Bà mẹ sợ, đem chuyện nói với chú là Đinh-Dự. Dự cho là trẻ nghịch cầm dao đi tìm. Ngài chạy trốn theo bọn chài lưới làm nghề đánh cá.

Một hôm ngài buông lưới chài được ngọc khuê to, Chí hùng của ngài khởi lên từ đấy. Ngài đến nương-tựa Trần-minh-Công, bạn cũ của thân phụ và được Minh Công trọng dụng cho giữ-binh quyền. Sau khi Minh-Công mất, ngài thống lĩnh quân đội và đem binh về giữ Hoa-Lư, chiêu mộ anh-hùng hào-kiệt hùng cứ một phương. Nam-Tấn vương và Thiên-Sách vương nhà Hậu Ngô vương có đem binh đến đánh Hoa-Lư nhưng không thành-công. Sau khi nhà Ngô mất rồi, Ngài dẹp sứ-quân Phạm-Phòng-Ất, phá Đổ động của Đổ-Cảnh-Thạc. Từ đấy ngài đánh đầu thắng đầu và chỉ trong một năm ngài bình xong các Sứ-quân lập thành nghiệp đế.

Niên-hiệu Thái-bình thứ nhất, ngài lên ngôi hoang-đế, đặt quốc-hiệu là Đại-Cồ-Việt, đóng đô ở Hoa-Lư. Quân thần lay mừng và dâng tôn-hiệu Đại-thắng Minh Hoàng-đế. Từ đấy nước nhà thịnh trị, nhân dân an cư lạc nghiệp hưởng phúc thái bình.

## 7

*Con ai đem bỏ chùa này?*

*Nam-mô đi Phật, con thầy thầy nuôi.*

Con ai, chỉ Lý-Công-Uân lúc còn bé — thầy, chỉ sư Lý-Khánh-Vân.

Ngôi chùa Tiêu-sơn ở phủ Từ-sơn tỉnh Bắc-ninh là một danh-lam. Sư trụ-trì chùa ấy là Lý-Khánh-Vân. Có người con gái họ Phạm một hôm đi chơi chùa Tiêu-sơn ngụ ở trai phòng bên chùa thấy thần-nhân đến giao-hợp. Từ đấy nàng thụ thai rồi sanh ra một đứa con trai nhằm ngày tháng hai năm Giáp-tuất, niên-hiệu Thái-bình thứ 5 nhà Đinh. Nàng liền bồng đứa trẻ đến cho sư Lý-Khánh-Vân trụ-trì chùa Tiêu-sơn làm con nuôi.

Sư họ Lý mới lấy họ mình và đặt thêm tên cho đứa trẻ ấy là Lý-Công-Uân. Lý-Công-Uân rất thông-minh, thần thái khác lạ. Sư Vạn-Hạnh quý trọng khác thường. Lớn lên Lý-Công-Uân vào Hoa-lư làm quan cho nhà Tiền-Lê đến chức Tả-thân-vệ Điện-tiền Chi-huy-sứ.

Lê-Long-Đĩnh tàn ác đa dâm bằng Kiệt Trụ khiến nhân-dân đều oán hận, làm vua được 4 năm thì băng. Triều-thần lúc bấy giờ có Đào-Cam-Mộc và Sư Vạn-Hạnh chủ-trương suy-tôn Lý-Công-Uân lên làm vua. Nhà Lý khai-nguyên từ đấy và có cả thiên-hạ, truyền ngôi được 9 đời hưởng lộc được 216 năm mới hết.

Theo tục-truyền kể-trên, Lý-Công-Uân không có cha. Nhưng đó là việc vô lý. Người ta bày bịa việc thần-nhân giao-hợp để thần thánh hóa vua Thái-tò nhà Lý. Bằng chứng là câu ca-dao:

*Con ai đem bỏ chùa này?*

*Nam-mô đi Phật, con thầy thầy nuôi.*

tổ-cáo đứa trẻ của Phạm thị là con của thầy Lý-Khánh-Vân, cho nên thầy nhận nuôi ngay khi Phạm thị đem con bỏ ở chùa.

Một hôm người con gái họ Phạm đi chơi chùa Tiêu-Sơn, nàng làm công-quả cho chùa mà chiều tối không hay. Vì đường xa băng qua rừng bụi nhiều ác thú và trộm cướp, nàng đành ngụ lại trai phòng bên chùa. Thấy nàng có sắc đẹp, sư trụ-trì Lý-Khánh-Vân không bỏ qua dịp may ít có.

Do một đêm ngủ ở trai phòng nhà chùa, Phạm thị có thai. Nàng sợ làng xã bắt tội có chữa hoang mới đến vấn-kế ở sư ông phạm-giới. Sư họ Lý liền bày kế dạy nàng cứ nói là do một đêm trú ngụ ở chùa mình bị một thần nhân đến giao-hợp. Sư họ Lý lại bảo đảm cho nàng: trẻ sinh ra sư ông sẽ nhận làm con nuôi dưỡng cho khôn lớn nên người.

Cho nên khi đã sinh nở cứng-cát, Phạm thị liền bồng đứa trẻ, cục nợ đời đến bỏ ở cửa tam-quan mặc cho sư ông nuôi dưỡng.

Câu ca-đạo :

*Con ai đem bỏ chùa này ?*

*Nam-mô di Phật, con thầy thầy nuôi.*

đúng là một câu hài-hước biếm nhẽ sư ông, miệng tụng Nam-mô A-di-đà Phật mà tay thì lo bồng con vào trong liêu nuôi dưỡng.

## 8

*Ta trong quả khế ta ra,*

*Minh còn cạnh khế chi ta hỏi mình ?*

Ta, chỉ Lý-Công-Uân tức vua Lý-Thái-Tổ. Quả khế, trong trái khế của vua Lê-Long-Đĩnh ăn có hạt lý (hột mận). Hạt lý trong quả khế ám chỉ Lý-Công-Uân sẽ lên làm vua. Minh, tiếng vợ chồng thân mật gọi nhau, ở đây là tiếng của bề tôi Lý-Công-Uân gọi Vua Lê-Long-Đĩnh, vì vua và tôi được ví như chồng với vợ. Minh còn cạnh khế chi ta hỏi mình ? nói Bệ-hạ còn ở bên cạnh bề tôi họ Lý này mà Bệ-hạ có làm hại chi đến ta đâu.

Cây đa trước chùa Cồ-Pháp (chỗ sư trụ-tri Lý-Khánh-Vân nuôi dưỡng Lý Công-Uân) một hôm bị sét đánh ngã. Trong ruột cây đa có chữ rằng :

1. Thụ căn liễu liễu,
2. Mộc biểu thanh thanh.
3. Hòa đao mộc lạc,
4. Thập bát tử thành.
5. Đông-a nhập địa,
6. Di mộc tái sinh.
7. Chấn cung xuất nhật,
8. Đoài cung ẩn tinh.
9. Lục thất niên gian,
10. Thiên hạ thái bình.

## DỊCH NGHĨA

1 Gốc cây to rồi,

2 Lá cây xanh xanh.

3 Chữ 禾 hòa, chữ 刀 đao, chữ 木 mộc hợp lại thành chữ 柔 le, Nhà Tiền Lê rơi xuống.

4 Chữ 十 thập, chữ 八 bát, chữ 子 tử hợp lại thành chữ 李 lý, Nhà Lý thành thiên-tử.

5 Chữ 東 đông, chữ 阝 a hợp lại thành chữ 陳 trần. Nhà Trần làm vua trong đất nước.

6 Giống cây lạ sinh ra một lần nữa. Nhà Hậu Lê làm vua một lần nữa.

7 Mặt trời mọc ở cung chấn. Mặt trời là chữ 日 nhật. Chấn thuộc phương đông, mà đông thuộc mộc trong ngũ hành. Mộc là cỏ cây tức chữ 莽 măng là cỏ cây rậm-rạp. Chữ 日 nhật và chữ 莽 măng hợp lại thành chữ 莫 mạc. Nhà Mạc làm vua.

8 Ngôi sao ẩn ở cung đoài. Đoài là phương tây, tứ-chữ 西 tây. Ngôi sao là chữ 晶 tinh có ba chữ 日 nhật, chỉ ba anh em Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Lữ khởi nghĩa ở Tây-sơn làm vua.

9 Trong khoảng sáu bảy năm. Sáu là chữ 六 lục, bảy là chữ 七 thất theo cổ văn cùng hợp lại giống chữ 阮 nguyên. Nhà Nguyễn làm vua.

10 Thiên hạ được thái bình.

Sư Vạn-hạnh ở làng Cồ-pháp có tài tiên tri, biết việc vị lai ngàn năm sau, mới đặt ra câu sấm trên, rồi nhân cây đa bị sét đánh ngã lên đặt vào trong ruột đa để tặng về huyền bí.

Sư Vạn-hạnh nói với Lý-Công-Uân :

— Cứ theo lời sấm này họ Lý phải làm vua. Hiện nay không có ai bằng ông cả.

Lý-Công-Uân lúc ấy đang làm chức Tả thân-vệ Điện-tiền chi-huy sứ, thấy Vua Lê Long-Đĩnh bạo ngược giết anh để đoạt ngôi, lại tàn ác hơn Kiệt Trụ thì có lòng muốn lên ngôi chỉ còn để sửa lại mối giềng thiên-hạ. Thoạt nghe sư Vạn-Hạnh nói, Lý-Công-Uân kinh hãi, sợ lời ấy lậu ra ngoài thì nguy to, liền sai người đem giấu sư Vạn-hạnh ở trong núi Tiêu-Sơn.

Một hôm Vua Lê Long-Đĩnh ăn trái khế thấy trong ruột có hạt lý (hột mận), lại nghe phong thanh câu sấm *Thập bát tử thành* (Họ Lý thành thiên-tử) liền mật sai quan chức đi tìm người họ Lý mà giết đi để trừ cái họa đoạt ngôi. Nhưng nhà vua ở bên cạnh đại tướng-quân họ Lý mà không dám làm hại chi Lý-Công-Uân cả, vì Lý-Công-Uân quyền cao tước cả nhất triều, lại kín mật thận trọng.

Triều thần lúc bấy giờ đều hiểu biết như thế, lại không phục vua Lê Long-Đĩnh đa dâm tàn ác, mới bày lời bí-mật mà hát rằng :

*Ta trong quả khế ta ra,  
Minh còn cạnh khế chi ta hỡi mình?*

để trêu tức Vua Lê Long-Đĩnh, thử xem ông vua Ngôa triều này có dám làm gì Lý tướng-quân không.

Tả thân-vệ Điện-tiền Chi-huy sứ Lý-Công-Uân rất khôn ngoan, muốn làm vua mà không muốn mang tiếng xấu đoạt ngôi, chỉ thích nhận ngôi của triều thần dâng hiến.

Đào-Cam-Mộc dò biết ý chí ấy mới nói lên với Lý-Công-Uân :

— Lòng dân ngong ngóng muốn có bậc chân chúa, sao Ông không

nhân lúc này theo gương vua Thang vua Vũ, bắt chước nhà Đinh nhà Lê, lại chỉ khur khur giữ tiêu tiết làm gì ?

Lý-Công-Uân giả cách từ chối và hăm dọa :

— Sao lại nói thế ? Ta phải bắt anh giải vào quan mới được.

— Tôi thấy thiên thời nhân sự nên tôi nói. Ông cứ tố giác, tôi không sợ chết đâu.

— Tôi nhớ nào lại làm thế, tôi sợ câu nói ấy tiết lộ đấy thôi.

— Người trong nước ai cũng biết rồi, còn ngờ gì nữa ?

Kịp khi Vua Ngôa-triều Long-Đĩnh hoang dâm vô độ mắc bệnh không ngồi được mà băng, Đào-Cam-Mộc nói với các quan đang họp châu rằng : « Quan Tả thân-vệ Điện-tiền Chi-huy sứ là người độ lượng nhân từ, lòng dân đã thuận phục với Ông ấy rồi. »

Các quan đồng thanh tương ứng, tâu lên Thái-hậu rõ rồi diu quan Tả thân-vệ lên ngôi. Lý-Công-Uân lên làm vua dứt nhà Tiền Lê mà không mang tiếng soán đoạt, chỉ vì Ông biết chờ thời cơ, thấy vua Lê Long-Đĩnh hoang dâm tàn ác nằm liệt giữa triều đường và hoàng trường-tử còn bé thì biết vận nhà Tiền Lê chẳng còn được bao ngày, rồi Ông bèn chỉ đợi thời mà nhận mệnh trời rất hợp lòng dân.

*Dầu ai sang cả mặc ai,  
Thân này nước chảy hoa trôi số gì.*

Dầu vua nước Nam có sang cả đường đường uy nghi, trong chiến thắng thì cũng mặc. Thân này phận vương phi thất thế hèn mọn trong nguy biến vua bại vong, nước mất, dân tan, thì cũng liệu cho nước cuốn, chẳng tiếc gì !

Nước Chiêm-thành nghênh-ngang không chịu nộp cống theo lệ cũ từ triều vua Lê-Đại-Hành, lại cứ đem quân quấy-nhiều ở các vùng duyên-hải. Năm Giáp-thân (1044) vua Lý Thái-tông ngự giá thân-chinh đánh nước Chiêm-thành. Quân Chiêm-thành dấn trận ở phía Nam sông Ngũ-bồ. Lý Thái-tông thúc quân hăng-hái đánh tràn sang. Quân Chiêm-thành chống không nổi phải bỏ chạy. Quân ta đuổi theo bắt được hơn năm ngàn người và ba mươi thớt voi rồi dừng mảnh tiến xuống.

Tướng Chiêm-thành Quách-Gia-Di thấy thế nguy cấp bèn chém Quốc-vương Sạ-Đầu đem thủ-cấp sang xin hàng-phục.

Vua Lý Thái-tông xuống lệnh cấm quân ta chém giết quá nhiều người Chiêm-thành, vì ngài thấy cảnh thây núi máu sông mà động lòng, nhưng vẫn tiến binh vào quốc-đô là thành Phật-thệ. Vua Lý Thái-tông vào quốc-đô Chiêm-thành bắt được vương-phi Mị-Ê của Quốc-vương Sạ-Đầu và các cung-nữ đem về.

Binh Chiêm trừ được mối hại xong, đoàn chiến-thuyền của nhà Lý khải-hoàn rút về gần đến sông Lý-nhân, vua Thái-tông cho đòi vương-phi Mị-Ê sang chầu bên thuyền ngự.

Vương-phi Mị-Ê vẫn tưởng số phận mình đồng như của năm ngàn đồng bào khác sẽ được ban cho ruộng đất thành-lập phường ấp làm ăn. Nhưng dung-nhau mặt-mà của nàng lại đưa nàng vào đường tử nhục.

Mối hận phu-vương vừa thối, nước mắt, thành tan, nhân-dân bị tàn-sát, vương-phi giờ đây chỉ còn là một cái xác không hồn. mặt ủ, mày chau, lệ tuôn, phấn rữa, thì còn vui thích gì mà gượng làm trò chơi cho người chiến-thắng ?

Nàng quần chiên vào mình rồi thừa lúc nội-giám vô ý ngồi chõu nàng gieo mình xuống sông, tự hủy đóa hoa tàn theo dòng nước chảy.

Thác trong hơn sống đục, cái chết của vương-phi đã làm nhá-dân vùng sông Lý-nhân cảm phục, họ liền lập đền thờ người quả-phụ vương-phi biết tránh cái nhục tuấn-liệt theo chồng.

(còn tiếp)

# kinh dịch với triết học

(xin đọc VHVS, số 2 năm 1971)

## A. DỊCH KINH VỚI KHOA SIÊU-HÌNH HỌC

### a) Quan-niệm nhất-thê vạn-thù.

Về phương-diện triết-học, Dịch đã khảo-sát vũ-trụ về cả hai phương-diện biến với hằng.

Dịch bản về Thái-cực tức là bản về bản-thê hằng-cửu, siêu không-gian, thời-gian.

Dịch bản về hào-quái tức là bản về vạn-vật, vạn hữu, bản về hiện-tượng (phénomènes), bản về các hình-thức biến-hóa trong trời đất, bản về sự di-động biến-thiên trong thế-giới hữu hình.

Chu-Hy viết: «Thái-cực là Đạo thuộc hình nhi thượng (tức là Thái-cực là bản-thê, là Tuyệt-đối siêu-xuất hình-tượng).

« Âm-dương là khí-dụng, thuộc hình nhi hạ (tức là thuộc hữu vi, hữu tướng).

« Cho nên, đứng về phương-diện biến-thiên, hiện tượng mà xét, thì ta thấy động-tĩnh không đồng thời, âm-dương không đồng-vị, nhưng Thái-cực thì ở đâu cũng có.

« Đứng về phương-diện siêu-vi mà xét, thì tịch-nhiên không dấu-vết

nhưng nguyên-lý về âm-dương, động-tĩnh đều đã hàm-ngụ đầy-đủ bên trong » (1).

Tiền-nho cho rằng:

Khi bản-thê còn tịch-nhiên chưa hiện-dương, chưa biến-hóa thì gọi là « tiên thiên » (2).

Khi đã phát-lộ thành hình-tượng thì gọi là « hậu thiên ». (3)

Theo luận-cứ này, thì Thái-cực thuộc « tiên thiên ».

Vạn tượng, hay âm-dương hào-quái thuộc « hậu thiên ».

Tiên thiên vô hình tượng, hậu thiên hữu hình, hữu tướng (4).

Ta có thể cùng với Phùng-hữu-Lan, dùng từ-ngữ triết-học hiện-đại mà phân-tách như sau:

(1) Trung-quốc triết-học sử Phùng-hữu-Lan—trang 901.

« Thái-cực hình nhi thượng chi đạo dã, âm-dương hình nhi hạ chi khí dã. Thị sở tự kỳ trú giả nhi quan chi, tắc động-tĩnh bất đồng thời, âm-dương bất đồng vị nhi Thái-cực vô bất tại yên. Tự kỳ vi giả nhi quan chi, tắc sung mạc vô trãm, nhi động-tĩnh âm-dương chi lý, tất cụ ư kỳ trung hỹ.

(2) Phù đái đạo chi vi vật bản vô thủy, nhất nguyên chân khí, di luân vũ trụ, hồng-mông vị phán chi thời, Đạo tự ư khí; khí nãi Đạo chi bản-thê. Đạo gia vị chi « tiên thiên ». Tiên thiên giả, chí thanh chí tịnh, vô thanh, vô xử, bất khả dĩ danh, bất khả dĩ hình, vô tích tượng chi khả kiến, vô sinh diệt chi khả ngôn. Kinh trung sở vị Chân thượng giả, tức chi thứ dã...

Văn-Đạo tử, Giảng-đạo tinh-hoa-lục, quyển 3, 39

(3) Hình nãi đạo chi biến-hóa. Đạo gia vị chi « hậu thiên », hậu thiên giả, hình sắc ký trú, tích tượng ký chiêu.

(4) Tiên thiên biểu lý, hậu thiên biểu sự.

— Tiên thiên nãi đối đãi chi thê, hậu thiên nãi lưu hành chi dụng.

— Tiên thiên ngôn khí, hậu thiên ngôn hóa.

— Tiên thiên vi nhân tâm cầu tích chi học, hậu thiên vi nhân tích cầu tâm chi học.

(Cf. Nguyễn-ân-Trường, Tạo hóa thông, trang 59)

— Tiên thiên vi hậu thiên chi thê. Hậu thiên vi tiên thiên chi dụng.

Chu Dịch xiển châu, trang 15

— Thần vi tiên thiên, hình vi hậu thiên.

Kim Đơn yếu quyết, trang 26

1. Thái-cực (Vô-cực), hay Lý là bản-thể muôn vật, tuyệt-đối, siêu thời không, tiềm-tồn (Substance, Forme, Essence, Noumène, «Ousia» (Phùng-hữu-Lan dùng chữ Subsist).

2. Âm-dương nhị khí, hào-quái tượng-trung cho vạn vật, vạn tượng thuộc hình-nhi hạ, là phần khí-dụng, là hiện-tượng biến-thiên, lệ-thuộc không-gian, thời-gian. (Accident, contingent, phénomène, existence, matière. Phùng-hữu-Lan dùng chữ Exist) (1).

Nói cách khác, Dịch cho rằng dưới mọi hình-thức biến-thiên của vũ-trụ, còn có một bản-thể bất-biến. Đó là Vô-cực, hay Thái-cực.

Vạn vật biến-thiên bên ngoài chẳng qua là những hình-thái của bản-thể ấy (2).

Từ một bản-thể, vạn vật càng ngày càng sinh-hóa, càng ngày càng phân-tán, càng ngày càng trở nên phiền-toái phức-tạp, sinh ra muôn ngàn lưu-phái, muôn ngàn chi-diệp, tung-tỏa ra cùng khắp đất trời.

Tuy nhiên muôn muôn ngàn ngàn hình-thức thù-tạp bên ngoài ấy vẫn cùng chung một gốc-gác mà thôi. Các đồ-bản của Dịch, hoặc viên đồ, hoặc hoành-đồ cũng đều gọi cho ta ý-niệm ấy (3).

Đề mô-tả quan-niệm « Một bản-thể duy-nhất sinh vạn tượng, vạn-hữu » Dịch dùng hai phương-pháp :

1) Từ-ngữ.

2) Biểu-tượng.

Về từ-ngữ, Dịch chỉ nói vắn-tắt như sau : « Dịch hữu Thái-cực, thị sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng v.v... (Hệ từ thượng chương XI).

(1) Dĩ hiện tại triết-học trung chi thuật-ngữ ngôn chi, tác sở vị hình nhi thượng giả siêu thời không nhi tiềm tồn (subsist) giả dã. Sở vị hình nhi hạ giả, tại thời không nhi tồn tại (Exist) giả dã. Siêu thời không giả, vô hình tượng khả kiến cố sở vị Thái-cực.

Phùng-hữu-Lan, Trung-quốc triết học sử, trang 896 và 903

(2) Căn-bản nguyên do trung. Cứu kỳ căn-bản, thật do ở trung, hiện hồ ngoại giới bản hồ nội, chiếu hồ dụng giả, do hồ bản dã.

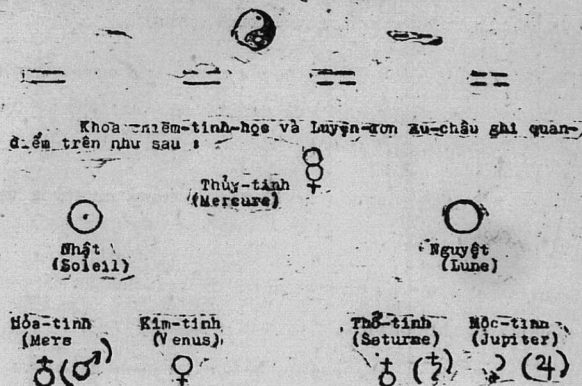
Đại đồng chân kinh, quyển hạ trang 11b

(3) Giống bản lưu một, chi phân, phái biệt, sung tác vũ-trụ, nhiên vạn thù-bất ngoại ở nhất bản, chủ tề nhưng qui ở Thái nhất.

Đại-Đồng chân kinh, quyển trung, trang 5b

Khoa Luyện-đơn cổ Ai-Cập cũng có quan-niệm tương-tự. Ai-Cập xưa cũng chủ-trương : Thoạt kỳ thủy, có một nguyên-chất bất-diệt làm căn-bản cho vạn-vật. Nguyên-chất ấy sinh ra hai chất gọi là Diêm (Soufre), và Công (Mercure). Diêm, công sinh tứ tượng là Địa, Thủy, Hỏa, Khí (1).

Dịch ghi quan-diêm trên bảng biểu-tượng sau (2).



(1) A l'origine de toute substance se trouvait la matière première indestructible, composant l'étoffe pour ainsi dire de tous les corps. De cette matière unique, découlaient deux principes : Le Soufre et le Mercure philosophiques dont l'union produisait les 4 éléments : la terre, le feu, l'eau et l'air.

Toutefois ces appellations n'ont rien de commun avec les substances vulgaires décorées de ce nom. Ce ne sont que des symboles philosophiques.

Abbé Th. Moreux, L'Alchimie moderne p.20

(2) Jean Dée, un célèbre alchimiste de la fin du Moyen-âge détermine que chacun de ces signes hiéroglyphiques était orné par trois éléments constitutifs :

a) La croix, indice de la rencontre des lignes équinoxiales et des lignes de l'écliptique, et se rapportant aux quatre éléments de la science antique figurant la Terre.

b) Le soleil, indiqué hiéroglyphiquement par un cercle.

c) La Lune, indiqué hiéroglyphiquement par un croissant.

Ainsi, l'hiéroglyphe de Saturne indique la croix dominant le croissant lunaire. Jupiter est, au contraire, marqué par le croissant lunaire dominant la croix, Mars est indiqué par le disque solaire dominé par la croix transformée en flèche ; le Soleil a comme signe le cercle avec le point au Centre ; Venus est indiqué par le Soleil dominant la croix ; Mercure comme hiéroglyphe la Lune dominant le soleil qui lui-même, domine la croix ; enfin la Lune a comme indication le croissant bien connu.

Papus, AB<sup>2</sup> illustré d'Occultisme, pages

Cả hai đồ-bản trên cũng vẫn chỉ là: Thái-cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng...

Từ hơn một thế-kỷ nay quan-niệm nhất thể vạn-thù của Đông-phương đã lan-tràn vào lãnh-vực triết-học, khoa-học Âu-châu.

Thuyết tiến-hóa của Lamarck, Darwin căn-cứ trên nguyên-lý nhất-thể, vạn-thù, để biện-minh rằng vạn-hữu đã tiến tới ngày nay nhờ sự biến-hóa từ một sinh-cơ, sinh-vật đầu tiên (1).

Weissmann chủ-trương vạn sự đã tiềm-àn trong cái trứng nguyên-thủy (2).

Georges Lemaitre chủ-trương vũ-trụ đã xuất-sinh từ một hỗn-khối nguyên-thủy mà ông mệnh-danh là nguyên-tử nguyên-thủy (3).

Werner Heisenberg, một nhà vật-lý-học trứ-danh chủ-trương trong

(1) *L'homme physique ne peut être considéré que à l'aboutissement d'une série ininterrompue d'organismes qui remontent jusqu'aux formes les plus élémentaires de la vie.*

Lecomte du Nouy—L'Avenir de l'Esprit, page 106

— D'après Donald Cubross Peattie, l'ancêtre le plus ancien, antérieur aux algues serait une sorte de bactérie... qui vivait autrefois aux temps les plus reculés qu'on appelle tantôt Précambrien, tantôt Algonkien, tantôt Archéozoïque, dans les grands océans d'eau douce... C'est le Leptothrix 1b. 86.

(2) *Préformation absolue et complète dans l'être original. Tout le futur inscrit dans le premier oeuf (Weissmann).*

L'Avenir de l'Esprit, page 163

(3) Pierre Rousseau, Histoire de la Science—page 769.

Of. Georges Lemaitre, L'Hypothèse de l'atome primitif.

quyển « La nature dans la physique contemporaine » đại-khái như sau :

Vũ-trụ vạn-vật tuy có 92 nguyên-tố khác nhau, nhưng rút cục lại chỉ có ba là:

Dương-điện-tử (positron)

Âm-điện-tử (électron)

Trung-hòa-tử (neutron) (1).

Nhưng Dương-điện-tử, Âm-điện-tử, Trung-hòa-tử chung qui vẫn chỉ là một nguyên-khí.

Cho nên vũ-trụ thực ra chỉ có một nguyên-khí, nguyên-chất nhưng có thể ở trong nhiều trạng-thái khác nhau (3).

#### b. Quan-niệm vạn-vật tuần-hoàn chung nhi phục thủy của Kinh Dịch

Nếu Dịch chỉ chủ-trương có một chiều biến-hóa từ Thái-cực đến vạn-hữu, từ nhất đến vạn, từ giản đến phiến thối, thì chẳng có gì là cao-đẹp, vì đó chỉ mới là chiều sa-đọa, phá-tán, tử-vong của trời đất, chưa nói lên được chiều hòa-hợp, đoàn-tụ, siêu-thăng, sinh-tồn của vạn-vật, chưa nói lên được nỗ-lực của vạn-hữu luôn luôn muốn vươn lên để trở về với Thái-cực.

(1) *De fait, il s'est avéré au cours des cinquante dernières années que les atomes chimiques sont composés et qu'ils sont constitués par seulement trois éléments de base que nous appelons protons, neutrons et électrons.*

Werner Heisenberg—La nature dans la physique contemporaine—page 52.

(2)... *De ce fait, le nombre trois des éléments de base se réduit encore une fois au nombre un. Il n'y a qu'une seule matière homogène mais celle-ci peut exister sous divers états discrets et stationnaires. Certains de ces états sont stables, à savoir proton, neutron et lepton et beaucoup d'autres sont instables.*



Nhưng thực ra, Dịch không quan-niệm biến-hóa một chiều, và cho rằng khi vũ-trụ đã biến-hóa, đã phân-tán đến cực-độ, sẽ xoay chiều, đổi hướng, bước dần lên những nấc thang tinh-thần để cuối cùng lại phục-khí nguyên-bản.

Nói cách khác, vũ-trụ biến-thiên không phải là theo một đường thẳng vô cùng tận, nhưng theo hai chiều âm-dương, vật-chất tinh-thần văng-lai, phản-phức để cuối cùng lại trở về nguyên-bản.

Quan-niệm trọng-đại này đều được các tiên-hiền cả Nho lẫn Lão công-nhận.

Văn-đạo tử viết : « Mối đầu từ trong thuận hành mà sinh, cuối cùng lại trở lại để về ần-tàng tại Trung-điểm, trung-hoàng Thái-cực, tìm ra được bản-lai diện-mục của mình » (1).

Lưu-nhất-Minh viết : trong quyển « Tu chân biện nạn hậu biên tu chứng » như sau : « Dịch nói : Nguyên thủy phân chung, thế là biết lẽ từ sinh. Mạnh-Tử nói : Bậc trí-giả đề ý suy-cứu căn-do, còn thánh-nhân đề ý tìm cho ra cùng-đích cuộc đời. Cho nên đạo cả của thánh-hiền có đầu có đuôi, có gốc có ngọn. Biết được đầu, hay được cuối, khảo được gốc, cùng được ngọn, mới có thể thông-suốt tông đầu tuyệt vi, quán-triệt, đại-giác, đại-ngộ... Giả sử còn có điều mịt-mờ, thì ắt hành-động sẽ mò-mẫm, biết đã không đúng, thì làm sẽ ngắc-ngứ không thông. Học giả phải cùng kỳ lý, rồi mới có thể đem ra mà thi-hành áp-dụng. Biết đến kỳ cùng, làm tới hoàn-mỹ, đó là hai phương-diện căn yếu, không thể nào không có được. Mà lý ấy chẳng

(1) Thủy chi tự trung thuận hành nhi sinh, chung chi phục nghịch tàng qui ư Trung-hoàng, Thái-cực, nhưng kiến phụ mẫu vị sinh dĩ tiền chi diện mục.

Văn-đạo-tử, Giảng-đạo tinh-hoa-lục, trang 101

qua là Đạo của trời đất, của Tạo-hóa. Đạo của Tạo-hóa có thể, có dụng, có đầu có đuôi, là môi-trường cho âm-dương đáp đối vận-hành đổi-thay, tiêu-trường, biến-hóa ở bên trong, nhưng mà chốt-then quan-hệ nhất, khu-như của tất cả mọi biến-thiên, vẫn là chân-nguyên nhất khí, vẫn là Thái-cực Hư-vô, vô-hình, vô-tượng... Hiểu được điều này, lập tức sẽ lên tới bậc thánh-hiền, không hiểu nổi điều này, sẽ phải trầm-luân muôn kiếp. Cùng lý tức là hiểu biết thấu-đáo căn-bản này vậy... (1)

Trong-tử viết : Thái-Hư không thể không có khí. Khí không thể không tụ thành vạn-vật. Vạn-vật không thể không tán để trở thành Thái-Hư... Sự tuần-hoàn xuất-nhập bắt-buộc phải như vậy (2)

Nguyễn-ấn-Trường, tác-giả tập Tạo-hóa-thông cho rằng :

«Thái-cực là một vậy. Vạn-vật bắt đầu từ một, và kết thúc ở một. Trang-Tử gọi thế là «xuất cơ, nhập cơ...» (3)

(1) Dịch viết : Nguyên thủy phân chung, cổ tri từ sinh chi thuyết.

Mạnh-Tử viết : Thủy điều lý giả, trí chi sự. Chung điều lý giả thánh chi sự. Cái thánh-hiền đại-đạo, hữu-thủy hữu-chung, hữu-bản hữu-mật. Trí kỳ thủy, minh kỳ chung, cứu kỳ bản, cùng kỳ mật, phương hằng tông đầu chí vĩ, đại triệt đại ngộ, hữu-vàng hữu-lợi, thăng nhất sự bất minh, tức nhất sự hữu mê; trí chi bất chân, tức hành chi bất thông. Học giả tất tu cùng kỳ lý, nhi hậu khả dĩ hành kỳ lý. Trí tri lực hành, khuy nhất bất khả. Kỳ lý vi hà lý? Tức thiên địa Tạo-hóa chi đạo dã. Tạo-hóa chi đạo, hữu cạnh biến-hóa vô đoan, nhiên kỳ hữu chung, kỳ gian âm dương diệt vận, tiêu trường, hổ cạnh biến-hóa vô đoan, nhiên kỳ tới yếu xử, tông tại nhất khí. Nhất khí tông bất ngoại hồ hư vô. Giả có khu-như tử, phi sắc, phi không, phi hữu, phi vô... thuận chi tắc sinh nhân sinh vật, nghịch chi tắc thành tiên thành phật. Tính mệnh ư thủ ký, sinh tử dĩ thủ xuất. Ngộ chi giả, lập tế thánh vị, mê chi giả vạn kiếp trầm luân. Cùng lý giả tức cùng thủ lý dã...

Tu Chân Biện Nạn Hậu Biên Tham Chứng, trang 27

(2) Thái-Hư bất năng vô khí, khí bất năng bất tụ nhi vi vạn-vật. Vạn-vật bất năng bất tán nhi vi Thái-Hư. Tuần thị xuất nhập, thí giai bất đắc dĩ nhi nhiên dã.

Chính Mông Thái-Hòa-Thiên, Dịch học thảo-luận-tập, trang 117

(3) Thái-cực tức nhất dã. Vạn-vật thủy vu Nhất nhi chung vu Nhất. Tức Trang Chu xuất cơ nhập cơ chi nghĩa...

Tạo-hóa thông, trang 52

Nhìn vào hoành-Cổ của Dịch ta thấy ý-niệm Thái-cực xuất-sinh vạn-vật được phát-biểu bằng phương-thức: Thái-cực sinh lưỡng nghi; lưỡng nghi sinh tứ tượng; tứ tượng sinh bát quái; bát quái sinh lục-thập-tứ quái... Muốn suy ra chiều phản-hoàn của vạn-vật ta chỉ cần đọc ngược từ 64 quẻ trở về dần cho tới Thái-cực.

Nguyễn-án-Trường viết:

Dịch nói nguyên thủy phản chung. Thế tức là nói rằng từ những quẻ thể vô-cùng phức-tạp quay trở về 64 quẻ từ 64 trở về 8; 8 trở về 4; 4 trở về 2, 2 trở về 1; thế tức là thuận Kiền vậy, thế tức là Chân-như bản-thể vậy (1).

Nguyễn-án-Trường cho rằng vạn-vật trở về thuận-Kiền trường cũng chưa được đúng vì như vậy vẫn còn nằm trong vòng hình-tượng hào-quái. Phải trở về « Kiền-sơ », tức là phải trở về Thái-cực vô-hình-tượng, khi mà quẻ Kiền chưa từng được vạch nên hình-tượng mới đúng.

Minh-đạo thiên viết:

Xem Kiền từ thừa chứa thành hình,

Một nét thành rồi vạn-vật sinh (2).

Như vậy, cuộc biến-dịch tuần-hoàn trong vũ-trụ thực là giản-dị. Ta có thể theo dõi sự diễn-biến ấy từ đầu đến đuôi được.

(1) Dịch viết: Nguyên thủy phản chung. Cái vị do trùng trùng vô tận chỉ quẻ thể phân ư lục thập tứ quái; do lục thập tứ phân ư bát; bát phân ư tứ, tứ phân ư nhị, nhị phân ư nhất; nhất tắc thuận Kiền dã, Chân-như chi bản-thể dã.

Tạo-hóa-thông, trang 55

(2) Càn sơ giản, chỉ Càn quẻ vị hoạch chí sơ, phi vị Càn chi sơ hào.

Minh-đạo-thiên văn: Quan Càn vị hoạch thị hà hình, nhất hoạch tài thành vạn-tượng sinh. Nhiên tắc càn sơ giản, khởi phi Thái-cực Âm-dương vị phân chi tượng hồ.

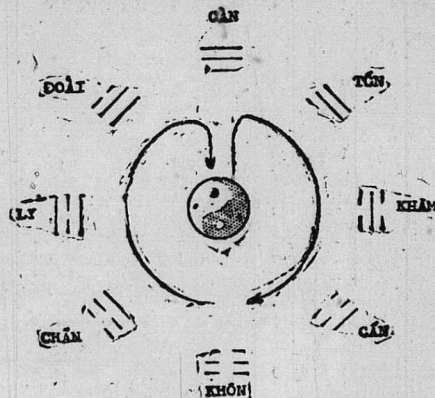
Tôn bất Nhị nữ đơn thi chú, trang 25b

Tất cả chỉ là một nguồn sinh-lực diễn-biến dần-dà từ Trung-tâm ra tới các tầng lớp bên ngoài, rồi lại chuyển-hóa xoay mình bằng qua các tầng-lớp biến-thiên từ ngoài vào trong, cho tới trung-tâm nguyên-thủy, tạo thành một vòng sinh-hóa có giới-hạn, có tiết-tấu, mạch-lạc, có nguyên-ủy, thủy chung. Vòng đại-tuần hoàn của vũ-trụ chẳng qua cũng như tình non-nước, mà Tân-Đà đã ngâm-vịnh bằng những lời thơ đẹp-đẽ như sau:

Dù cho sông cạn đá mòn,  
Còn non, còn nước, hãy còn thế xưa.  
Non cao đã biết hay chưa?  
Nước đi ra bề, lại mưa về nguồn.  
Nước-non hội-ngộ còn luôn,  
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.  
Nước kia dù hãy còn đi,  
Ngàn dâu xanh tốt, non thì cứ vui.  
Nghìn năm giao-ước kết đôi,  
Non non, nước nước chưa người lời thề.

(Tân Đà)

Dịch ghi-chú định-luật tuần-hoàn phản-phức, nhất biến vạn, vạn qui nhất bằng đồ bản Dịch tiên thiên 8 quẻ, hay 64 quẻ.



« Tu chân bát tử phương » có lời rằng : « Trước xuống sau lên đỉnh một vòng » (1). Ý muốn nói vòng tuần-hoàn của trời đất phải là âm trước, dương sau, nghĩa là mọi đầu tinh thần phải nhập thể, phải lồng vào vật-chất để biến-cải phát-huy vật-chất, thì sau này vật-chất mới giúp cho tinh-thần siêu-thăng dễ-dàng được.

Chiêm-tinh-học Âu-châu mô-tả quan-niệm trên bằng những lời-lẽ sau : « Nguyên-động-lực tự phối-ngẫu để biến từ thể tiềm-phục đến thể hiện-hiện ; từ nhất đến vạn, từ vô-tướng đến hữu-hình ; từ tinh-thần đến vật-chất, từ thể-giói vô-sắc-tướng đến thể-giói hình-tướng, từ khinh-thanh đến trọng-trọc. Trên đoạn đường thoái-hóa này, thần-khí càng ngày càng ẩn-áo sau nhiều bức màn hiện-tượng dày-dặc cho đến cùng đường vật-chất. (2).

Khi đã đến điểm thấp nhất của chu-kỳ, thần-khí hay Đạo lại lộn ngược lại, băng qua nhiều lớp-lang hình-thể càng ngày càng khinh-thanh, tiến dần về các giới vô-hình, vô-tướng, để trở về trạng thái duy-nhất bản-

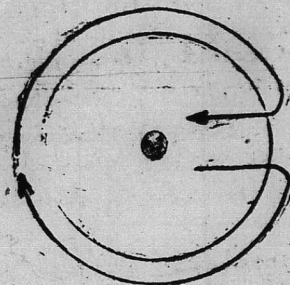
(1) Hậu thăng tiền giáng định nhất chu.

Tu chân bát tử phương, trang 113

(2) L'énergie primordiale, se fécondant elle-même passe de la potentialité à la virtualité, de l'Unité à la multiplicité, de l'impondérable au pondérable, de l'Esprit à la matière, du monde informel au monde des formes qui deviennent de plus en plus denses. Au fur et à mesure de la descente de l'Energie une ver la densité ultime, la Conscience pure s'enrobe et se dérobe dans les voiles de plus épais jusqu'au terme de son involution.

M. Sénard—Le Zodiaque—page 7

nguyên. Đó là ý-nghĩa vũ-trụ của vòng Hoàng-Đạo (1)



c. Hai áp dụng quan trọng của Dịch-lý nói trên

I.- Vạn-vật khác nhau về hình-tướng, giống nhau về bản-thể.

Như ta đã thấy vũ-trụ là do một nguyên-thể phát-sinh. Đã cùng một nguồn-gốc phát-sinh ắt phải giống nhau về bản-thể.

Đã biến-hóa nhanh chậm khác nhau, ắt phải khác nhau về hình-thức, về địa-vị, về công-việc, về dòng-gióng, về thời-gian không-gian, về trạng-thái tâm-thần.

Nho gia nói : « Nhất thể vạn thù »

Đạo-gia nói : « Nhất bản vạn thù » (2)

Dương-Hùng nói : « Đồng bản ly mật » (3)

Theo quan-niệm này thì con người và vũ-trụ đều hợp lại thành một Đại-thể, đều cùng chung một bản-thể, một Thái-cực, và vì vậy có ảnh-hưởng

(3) Puis arrivé au point le plus bas du cycle, elle prend le chemin du retour sur l'arc ascendant, elle remonte sous des formes de plus en plus subtiles, associées à des états de conscience graduellement plus étendus et plus pénétrants, vers les mondes de l'intangible et du non manifesté, tandis que la multiplicité tend à se réintégrer dans l'Unique. Tel est le sens cosmique du Zodiaque révélé par l'étude de ses éléments.

M. Sénard—Le Zodiaque page 7.

(4) Nhất bản vạn thù, thù tắc vạn thù nhi qui nhất bản.

Đại đồng thượng - trang 5a

(5) Thị vi đồng bản ly mật, thiên địa chi kinh (Dương-Hùng) Cf. Phùng-hữu-Lan, Trung-Quốc triết học sử - trang 581

mặt-thiết với nhau. Mặt trời, mặt trăng, tinh-tú biến-động, cũng làm cho đời sống con người biến-động, đổi thay (1)

II. Lịch-sử con người cũng diễn-biến theo hai chiều, thuận-nghịch để cuối cùng lại phục-hồi nguyên-thê.

Áp-dụng dịch-lý tuần-hoàn vào lịch-sử con người, ta thấy rằng, nếu con người từ nguyên-thê phát-sinh ắt sẽ phải biến-thiên tiến-hóa qua nhiều giai-đoạn lịch-sử thăng-trầm, vãng-lai phản-phúc để cuối cùng có thể phục-hồi nguyên-bản.

Sự biến-dịch trong trời đất và của nhân-quần như vậy sẽ có một ý-nghĩa vô-cùng cao-đẹp, là biến-hóa để phát-triển, phát-triển để cải-thiện, cải-thiện để đạt tới hoàn-thiện, trở về nguyên-thủy hoàn-thiện.

Dịch viết : « Cần đạo biến hóa các chính tính-mệnh bảo-hợp Thái-hòa « Đạo Trời biến-hóa để thực hiện thiên-tính, thiên-mệnh, rớt-ráo là để hợp-nhất với Thái-Hòa » (2).

(1) La science de l'homme ne saurait se désintéresser aujourd'hui de l'Univers. Une biologie ne saurait se passer d'une cosmologie. L'étude du partiel postule du total..

L'action des "influx" astraux sur notre système organique est donc probable et mérite d'être étudiée scientifiquement. Des expériences nombreuses, faisant suite aux initiatives hardies d'Arrhénius et de Friedlander, ont d'ailleurs été tentées dans ce sens par des physiiciens, ces naturalistes, des médecins, des sociologues...

Ainsi les courbes de l'activité solaire peuvent être mises en relation non seulement avec certains phénomènes atmosphériques (et par là avec des phénomènes agraires) mais aussi avec des phénomènes d'ordre biologique et psychologique, comme les épizooties, les épidémies, les psychoses et les crises sociales...

Cyrille Wiczowski L'Homme et le Zodiaque pages 17-18

(2) Dịch, Cần quí.

Cố vấn Đắc Nhất, như thờ tặc tu tính dưỡng thần chi đạo, giai hợp ư Thái-hòa hý.

Lão-Tử—thuyết ngũ-trù Kinh Chú—trang 1

Tính-mệnh pháp-quyết minh chỉ cho rằng : Vạn hữu rồi ra cũng đi đến sự hiệp-hòa, đồng qui nhất thể (1).

Lão-Tử cũng viết :

« Muôn loài sinh-hóa đa-đoan,

Rồi ra sẽ phải lai-hoàn bản-nguyên » (2).

Huỳnh-đình-Kinh giải cho rằng :

« Nhất bản phân-tán ra thành muôn ngàn thù-tạp, thù-tạp rồi ra cũng quay về một gốc. Như vậy cả hình lẫn thần đều được phi-nguyên và con người sẽ hợp nhất với Đạo-thê, Chân-thê. Dầu biến-hóa mấy rồi cũng trở về Trung-điểm, về Thái-nhất về thần (3).

Hegel cho rằng vũ-trụ chỉ là sự phát-triển của ý-thức.

Ý-thức thì hằng cửu, nhưng nhân-loại muốn tiến tới ý-thức hằng-cửu phải phát-triển phải biến-thiên, tức là phải có một lịch-trình, lịch-sử (4).

(1) Hòa-hợp qui tịnh nhất xứ, cường đờ viết : O

Tính mệnh Pháp-quyết Minh chỉ quyển 7 trang 3

(2) Phù vật vân vân  
Các qui kỳ căn

Lão-Tử, Đạo-đức Kinh XV

(3) Nhất bản tán nhi vi vạn thù, vạn-thù qui nhi vi nhất bản ; hình thần câu diệu, đờ Đạo hợp chân ; thiên biến vạn-hóa, tông thị nhất trung, tông thị nhất Thần.

Huỳnh-đình-Kinh giải trang 1

(4) Pour Hegel l'univers tout entier n'est que développement, développement de l'Idée... L'Idée est éternelle ; et pourtant l'humanité ne peut arriver jusqu'à elle que par un développement, par l'histoire...

L'histoire est manifestation de l'Idée éternelle, et l'Idée éternelle à laquelle aboutit l'histoire, existe antérieurement et postérieurement à elle, puisqu'elle est éternelle.

Jean Wahl—Traité de métaphysique page 36

Như vậy Dịch không quan-niệm vũ-trụ một cách cá-nhân, cá-tính, vụn-vặt mà quên đại-thể, toàn-thể (1) cũng như không quan-niệm vũ-trụ một cách toàn-thể, đại-thể mà quên cá-nhân, cá-tính (2).

Trái lại Dịch bao-quát cả hai phương-diện toàn-thể và chi-tiết, tĩnh và động. Toàn-thể là Thái-cực, chi-tiết là vạn-vật, là hào quái : Tĩnh là những nấc thang giá-trị tinh-thần và vật-chất, động là sự tiến-triển biến-hóa qua các nấc thang giá-trị ấy.

Toàn-thể và chi-tiết, vũ-trụ, xã-hội và cá-nhân hỗ-tương ảnh-hưởng để đạt tới Thái-hòa (3).

(còn tiếp)

(1) *Les philosophies individualistes et atomistes dont les catégories principales sont sur le plus éthique : l'individu et la liberté, sur le plan cosmologique l'atome ou la monade, sur le plan psychologique la sensation et l'image...*

*Comme principaux représentants de ces visions du monde, on pourrait nommer Descartes, Leibnitz, Locke, Hume, en partie Fichte, dans les temps modernes, les néokantiens (y compris Lask et les socialistes comme Max Adler) et pour les courants empiristes, l'école de Vienne.*

Lucien Goldmann - La communauté humaine et l'univers chez Kant, page 28

(2) *Les visions totalitaires du monde dont les catégories fondamentales sont le tout, l'univers, et sur le plan social la collectivité...*

*Leur principale catégorie éthique est le plus souvent le sentiment sous ses aspects multiples, révélation, intuition, enthousiasme, etc... leur catégorie physique, le "principe vital" dans ses formes les plus diverses, âme de l'univers, élan vital etc...*

*Ses formes principales sont les philosophies mystiques du sentiment et de l'intuition depuis Jakob Bohme en passant par Jacobi Schelling et les romantiques, jusqu'à Bergson, Scheler, Heidegger...*

(3) *Enfin la vision du monde pour laquelle selon l'expression de Kant, l'univers et la communauté humaine forment un tout "dont les parties dans la possibilité même de leur existence supposent déjà leur union dans l'ensemble" où l'autonomie des parties et la réalité du tout sont non seulement conciliées mais constituent des conditions réciproques.*

Lucien Goldmann - La communauté humaine et l'univers chez Kant - page 31

DÃ-LAN

NGUYỄN-ĐỨC-DỰ

## ngành phả học âu-châu

(x.n đợc VHVS số 2, 1971)

### SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHƯƠNG PHÁP TẠO DỰNG

Bản về gia phả Việt-Nam, mà không đọc qua gia phả nước người thì khó lòng mà nhận biết được cái sắc thái riêng biệt của nó. Vì vậy, để tiện việc so sánh xem gia phả nước ta hơn kém gia phả Tây-phương ở những điểm nào và gia phả Tây-phương khoa học hóa ở những điểm nào thì ta cần phải xem xét cả hai.

Muốn so sánh cho thật đúng những điểm tương đồng và dị biệt giữa hai ngành gia phả Đông và Tây thì điều cần đề ý trước nhất là ta nên tìm hiểu xem sự phát triển của môn phả học Âu-châu cùng phương pháp tạo dựng của họ như thế nào. Có thể thì nhiên hậu ta mới xác định rõ được quan điểm khác biệt của ta và của người trong vấn đề gia phả.

Vậy thì, đề cập tới ngành phả học Tây-phương, chúng tôi không có tham vọng làm một công cuộc khảo cứu về gia phả của Tây-phương, mà chủ đích là chỉ cốt làm một vòng nhận định tổng quát về ngành học thuật đó để xem có chỗ nào khác biệt với gia phả của ta không đồng thời đề quốc dân thấy rõ sự tiến bộ của nền phả học nước người mà suy ngẫm tới thực trạng đáng buồn của ngành gia phả nước nhà. Nhưng dầu sao thì nhận định của tác giả cũng có chỗ chưa chắc đã đồng quan điểm với người đọc. Sau đây

chúng tôi sẽ tuân tự trình bày từng điểm một, nhưng chỉ nêu những nét đại cương mà không đi sâu vào chi tiết, vì ngành phả học của Âu-châu quá phức tạp và man mác không thể chỉ tóm tắt trong vài trang sách mà hết được.

\*

### I. SỰ PHÁT TRIỂN

Thoạt đầu, người ta tưởng là người dân Âu-châu không quan tâm đến vấn-đề gia phả cho lắm. Nhưng thật ra thì không phải như vậy. Họ đã làm gia phả một cách rành rẽ và rất khoa học mà họ không biết. Theo Pierre Durye, tác giả cuốn « La Généalogie » kể lại thì một người dân Pháp khi nuôi gia súc, họ biết rõ con vật nào sinh ngày tháng nào, gốc tích lai lịch của nó ra sao, nhưng về năm sinh tháng đẻ của chính con cái họ hay là nguồn gốc của ông bà tổ tiên họ thì họ lại không mấy may đề ý và trái lại họ còn cho rằng điều đó chỉ cần thiết và hữu ích đối với loài vật mà thôi. Đến đây chúng tôi xin mở một dấu ngoặc: Riêng về điểm này thì người Việt-Nam lại hơn hẳn người Tây-phương. Ở trong các gia-đình Việt-Nam, những đứa bé khi mới học nói hàng ngày nó thường được người lớn hỏi và tập đề cho đứa nhỏ trả lời những câu ngắn, chẳng hạn như : « Bé là con ai » ? — « Bé là con ba » — « Ai sinh ra bé » ? — « Má sinh ra bé » — « Bé là cháu ai » ? — « Bé là cháu ông, cháu bà », v.v... Nhờ vậy, đứa nhỏ ngay từ thuở còn măng sữa đã nhận biết được thế nào là nguồn gốc con người rồi.

Mặc dầu người dân Pháp không quan tâm tới gia phả nhưng ngược lại một vài nước bên Âu-châu lại rất chú trọng tới vấn đề này. Người ta có thể nhắc tới công cuộc khảo cứu của nhà học giả xứ Normandie là Are le Savant (1067-1148), vào thế kỷ thứ XI, nhưng công cuộc đó ít ai đề ý tới nước Pháp. Hai thế kỷ sau Are le Savant, nước Bồ-đào-nha cũng nổi tiếng về môn này với lịch sử các nhà đại gia trong nước do con Vua Denis chết năm 1325 là Pierre, Bá-trước thành Barcelone biên soạn.

Tuy nhiên, phải chờ mãi đến năm 1865, tức là ngót một thế kỷ sau, khi một tu sĩ người Áo là Grégor Mendel khám phá ra được định luật của sự di truyền thì từ đó ngành phả học Âu-châu mới thực sự tiến bộ. Ngoài nước Pháp, ở các nước khác như Anh, Đức, Bỉ, Áo, Y-pha-nho v.v.. môn phả học được công nhận như là một khoa học thuần túy nhất, một khoa học khảo cứu về lịch sử các giòng họ cũng như khoa « Tính thị khảo » bên Trung-quốc. Người dân Tây-phương quan niệm rằng tất cả các giòng họ, gồm đủ thành phần sang hèn tiện phú, là nền tảng của xã hội mà trong đó sự quan hệ là mọi người phải được đối xử đồng đều, vì họ nào thì cũng có người sang kẻ hèn.

Riêng ở nước Pháp, công cuộc sưu tầm phả học chỉ thực sự bắt đầu vào thời kỳ Văn nghệ phục hưng và Nhân bản chủ nghĩa (về thế kỷ thứ XV, XVI). Cuộc Cách mạng tư tưởng ấy hướng ngành gia phả Âu-châu vào một ý nghĩa mới mẻ hơn, vì nó rất quan hệ tới con người. Do đó, vào thời kỳ Âu-châu phục hưng, các sử gia Tây-phương liền quay về việc sưu tầm gia phả.

Năm 1556, ở Ba-lê, một phả gia Thụy-sĩ là Jean Héroid công bố một tập phả miêu tả về Hoàng-gia Pháp và các nhà đại gia khác, và một sử gia Bỉ, Schohier cũng cho in ở Bruxelles vào năm 1597 cuốn « Phương pháp dựng Phả ». Nhưng vị danh sư lừng lẫy về ngành phả học thời ấy phải kể tới Etienne de Chypre hay là Delusignan, một nhà tu người Pháp ở vương quốc Chypre cho xuất bản cuốn « Lịch sử tổng quát các vương quốc Jérusalem, Cypre, Arménie... » từ năm 1572 tới năm 1579 khảo về nguồn gốc các vua chúa, thân vương và các nhà đại quý tộc, và năm 1586, ấn hành cuốn « Gia phả của 67 nhà quý phái đại gia » Pháp và ngoại quốc.

Ngành phả học Âu-châu, từ đầu thế kỷ thứ XVIII bắt đầu phát-triển, qua tới thế kỷ thứ XIX là thời kỳ cực thịnh. Vào thế kỷ thứ XVII, sự xuất hiện các phương pháp phê bình về sử học, nhất là với Mabillon và Du

Cange, đã góp công mở mang và cải thiện nền pháp học với cuốn « Lịch sử Hoàng-gia và các giòng họ quan trọng thời phong kiến ». Người ta có thể kể trước tiên André du Chesne, Du Bouchet, Gilles André de la Rocque, Du Cange đều là những pháp gia nổi tiếng, nhất là Anselme, Claude François Ménestrier và Jean Le Laboureur đã xuất bản trong năm 1683, cuốn Khái luận về nguồn gốc và cách sử dụng các đời trong một giòng họ, chỉ dẫn cho ta biết sự quan trọng của toàn thể tổ tiên cụ kỵ nội ngoại. Chính Claude François Ménestrier (1631-1705) và Jean Le Laboureur đã có công làm cho nước Pháp có nhiều ưu thế trong ngành pháp học Âu-châu. Hai nhân vật này được kể là lỗi lạc nhất thời ấy và được dân Châu Âu coi như là các ông Tổ của ngành gia phả canh tân. Họ đào luyện được rất nhiều môn sinh xuất sắc về ngành đó.

Hãy nói qua về ngành pháp học của Pháp. Vào thế kỷ thứ XVII, dựa vào đạo luật La-mã với mục đích bảo vệ quốc tịch cho các vua chúa Pháp và dành ưu-tiên trong việc phong tước cho ngành Nội, lúc ấy chỉ chú trọng đến giới quý tộc là một giai cấp có quyền thế tập và được hưởng nhiều ân sủng của nhà Vua, cho nên hồi ấy các pháp-gia Pháp chỉ đề ý nhiều nhất đến ngành nội của chừng 20.000 gia đình quý phái Pháp để được tiếp kiến nơi triều nội, được hưởng vào làm việc dưới quyền Đức Vua, được vào học trong các trường Hoàng tộc dành riêng cho con cháu các nhà quý phái. Hay nói một cách dễ hiểu hơn, là để được hưởng toàn quyền về các sắc thuế như thuế thân, thuế đóng các thái ấp v.v... Còn một số người khác thì làm cho Chính phủ, một số soạn gia-phả theo chính thể của nhà vua lập ra từ năm 1595 (cũng giống như việc soạn Ngọc phả, Ngọc điệp của các quan ta dưới đời nhà Lý, nhà Trần), trong đó có những nhà soạn phả danh tiếng như Edme Berthier, Pierre de Clairembault (1685-1740), Bernard Chérin (1772-1765), Pierre D'Ho-zier (1641-1660)... Các bản gia phả ấy hoàn toàn chép tay lưu trữ tại Thư viện và Sở Văn thư Pháp-quốc và đều là những tác phẩm tuyệt tác cả. Ngoài ra, còn có pháp gia Chasot de Nantigny viết tập « Phả sử » từ năm 1736 tới năm

1738. Riêng bản thống kê các phả liệu thì có cuốn sách của Fevret de Fontette viết năm 1771, do Thư viện Sử học Pháp-quốc ấn hành, và bên cạnh bản thống kê cách sách phê bình về một số tác phẩm từ thế kỷ thứ XVI, người ta thấy có bản danh sách các ấn bản và thủ bản của gần 4000 gia phả các giòng họ.

Vào bán thế kỷ thứ XVIII, trong khi các pháp-gia Pháp không chịu hoạt động, vì quan niệm rằng ngành pháp học chỉ là một môn học có tính cách xu nịnh khoe khoang, cốt để duy trì một trật tự xã hội đã lỗi thời, nó là kết quả của một chính sách ngu dân từ bao nhiêu đời, thì ở nước Đức ngành gia phả bành trướng mãnh liệt: Selfert từ năm 1715 tới năm 1722 cho in tập « Danh sách tổ tiên », Hunber từ năm 1725 tới năm 1733 xuất bản tập « Bản kê gia phả »... đồng thời các nước khác như Hòa-Lan, Anh, Bồ-đào-nha cũng quan tâm đến giòng họ nguồn gốc và các nhà soạn phả đã hoàn thành những tác phẩm khá đặc sắc.

Sau cuộc Cách mạng Pháp năm 1789, bỗng xuất hiện những nhà viết phả mượn chuyên môn tạo dựng những cuốn gia phả tưởng tượng với những tổ tiên lấy lừng để gạt dân chúng lấy tiền. Là vì người dân Pháp, sau cuộc Cách mạng đẫm máu, thường ước ao cái gì họ không có và luyện tiếc những gì về dĩ vãng khiến họ xô nhau đi tìm kiếm truy tầm các gốc gác giòng dõi của mình, vì vậy thời ấy có một phong trào ngụy tạo gia phả bành trướng rất mãnh liệt trong dân chúng Pháp. Tuy nhiên, người dân Âu-châu vẫn không thể không công nhận sự ích lợi của môn pháp học. Ngoài việc khảo cứu nguồn gốc cùng những giòng họ danh tiếng không những rất hữu ích đối với lịch sử xã hội, còn ích lợi trong nhiều lãnh vực khác, cho nên bên cạnh đám người chuyên bịp bợm để trục lợi vẫn có nhiều tác phẩm phả liệu rất có giá trị của những gia phả chân chính: Posapée Litta, J. Burke, G. Anrep, Camille Von Behz, Brömmel v.v...

Nhờ sự khám phá ra định luật di truyền của Naudin và Grégor Mendel với sự khai thác và trắc nghiệm lại định luật di truyền và khoa di truyền học của các nhà thực vật học Hugo De Vries, C. Correns và E. Von Tschermak

cùng với nhiều công cuộc khảo cứu khác, ngành phả học Âu-châu tiến những bước tiến vĩ đại. Năm 1909, Edouard Heydebreuch xuất bản cuốn « Nguồn gốc lịch sử giòng họ », Hager thì đặc biệt chú ý đến bảng kê các con cháu, và Nam trước O. Von Dungern khảo cứu về khoa di truyền học và những liên lạc của khoa này với môn phả học. Người tài ba hơn cả là Stéphane Kekule Von Stradonitz đã để lại cho Âu-châu một cuốn sách cùng với 32 giòng họ các vị lãnh tụ, những vua chúa của châu Âu, trong đó tác giả lại dùng phương pháp cũ của Jerome Sosa là đánh số những tổ tiên cụ kỷ. Từ đó, môn phả học không phải chỉ sắp xếp theo thứ tự những tổ tiên, con cháu, anh em họ hàng còn cần giải thích những sự giống nhau, những cá tính và cả lịch sử các gia đình, vừa cung cấp cho khoa sinh vật học và nhân khẩu học những nguồn gốc vĩ đại. Và cũng từ đó, ngành gia phả châu Âu cùng tiến bộ với nhiều cuốn phả giá trị với những tài liệu phả học rất phong phú của nhiều nhà bác học, giáo sư danh tiếng ở khắp các nước như : Ý-đại-lợi, Na-uy, Hòa-lan, Bồ-đào-nha, Pháp, Đức, Anh, Mỹ, Gia-nã-đại... Tất cả đều đổ xô đi sưu tầm khảo cứu nguồn gốc giòng dõi và lịch sử giòng họ của các gia đình với những phương pháp cực kỳ mới mẻ và xác thực dựa trên định luật di truyền và các khoa học phụ trợ như y, luật, sinh vật, xã hội, nhân khẩu học. Đáng kể nhất có cuốn « Bảng kê các giòng cháu chắt để hiểu biết lịch sử các nước bên châu Âu » của Hoàng tử Wilhelm-Karl Von Isenburg đã tái bản tới lần thứ hai vào năm 1953, trong đó có—cùng với bản thống kê tên sách—198 bản giòng dõi họ nội những vua chúa Đế quốc Đức và các tiểu bang Đức, cùng với 144 bản tương tự nói về các vua chúa những nước khác ở châu Âu. Tiếp, là cuốn « Gia phả về giòng họ nhà soạn phả Na-uy từ năm 1509 tới năm 1928 » xuất bản năm 1927. Đó thật là một sự khảo cứu tuyệt mỹ về một giòng họ, còn hay hơn tập gia phả của giòng họ Blake do một người Anh là Martin J. Blake biên soạn năm 1902.

Theo gương nước Đức, những nhà thông thái của mỗi nước đều dành cho môn phả học một sự tiến triển vĩ đại. Riêng nước Bỉ, ngoài các phả

gia xuất sắc, có Joseph Jacquart nổi tiếng với các tác phẩm, các bài xã thuyết và những bản thống kê. Năm 1959, ở Bruxelles thiết lập một thư viện của các nhà thích sưu tầm phả học và luôn luôn tranh đấu để ngành này được coi như một khoa học riêng biệt, một khoa học khảo cứu về lịch sử các giòng họ. Còn Gia-nã-đại thì có Jacques Rousseau, biên soạn cuốn « Di truyền và Con Người » xuất bản năm 1945 và Pierre Georges Roy, Jeanne Gregoire, tác giả cuốn « Tìm tòi dẫn tích tổ tiên » xuất bản năm 1957. Trong các nước Scandinaves (Phần-lan, Thụy-điền, Na-uy, Đan-mạch) cũng có nhiều lý thuyết gia danh tiếng. Đáng chú ý hơn cả là ngay ở những nước cộng-sản họ cũng quan tâm đến gia phả. Ở Ba-lan, Izy Vldzimierz Dworzaczek cho in vào năm 1959 một cuốn phả dưới sự bảo trợ của Viện Sử học thuộc Hàn lâm viện khoa học Ba-lan.

Những sự cố gắng đó không phải chỉ bành trướng riêng trong địa hạt Âu-châu hay ở một vài giòng người khác. Thật vậy, A.M. Stokvis, người Hòa-lan, trong năm 1888-1891, đã cho ra một cuốn giáo khoa về lịch sử phả học, trong đó, ở bên cạnh các giòng Hoàng gia châu Âu, lại cũng có gia phả các Hoàng đế Phi-châu, Ả-rập, Thổ-nhĩ-kỳ, Mông-cổ, Thát-đát, gia phả giòng Azteque ở Mễ tây Cơ, các tiểu vương Tahiti và ở cả Bora-Bora. Thậm chí cả gia phả nước Nhật-bản do L. Van de Polder biên soạn năm 1885 và gia phả con cháu Thành-Cát Tư-Hãn cũng được kê cứu kỹ lưỡng năm 1945 trong tập phụ trương của cuốn Tạp chí thứ 38 của các nhà Hán học T' Oung-Pao. Nói tóm lại là hầu hết khắp thế giới, ngành phả học đã lan truyền từ Âu-châu, Mỹ-châu; Phi-châu, miền Bắc-Âu, miền Trung-đông cho tới Do-thái, có điều chỉ có Âu-châu là tiến bộ và phát triển mạnh hơn cả các nơi khác, vì Âu-châu quy tụ được nhiều nhà bác học và các nhà thông thái uyên bác. Ở Pháp, một phả gia trứ danh là Gustave Chaix D'Est-Ange, trong cuốn tự điển của tác giả nói về các giòng họ quý phái (1903-1929) gồm 20 cuốn, đã khảo cứu hàng trăm giòng họ hiện hữu, là một tác phẩm độc đáo và quý giá đối với môn lịch sử xã hội. Jouglé de Morenas và Raoul de Warren cũng xuất bản một cuốn sách in huy hiệu vĩ đại của nước Pháp (1934-1952) trong đó có hơn 40.000



tên các giòng họ quý phái và 7.000 tập phả từng phần riêng biệt. Trong một cuốn sách của Bá tước H. Frotier de la Messelière, ngoài phần con cháu giòng họ còn có cả những chi dẫn xác thực những nơi và những ngày thăng sinh, tử, giá thú, thật là một sự cải cách kỳ lạ.

Theo sau những người đi tiên phong trong việc sửa đổi cải cách môn phả học, ở nước Pháp lại nổi lên « một làn sóng mới » những nhà phả học. Họ bắt đầu viết những sách giáo khoa và những tập khái luận thực hành. Nhân vật đầu tiên nổi danh là Nam tước A. De Mari-Court, với cuốn « Gia đình và Phả hệ » (1943), tiếp đến Tử tước De Marsay, tác giả cuốn « Phương pháp phê bình phả học » (1945). Ngoài ra, còn rất nhiều tác phẩm khảo cứu riêng về phả học. Và sau cùng, năm 1957, Lucien P. Royer cho in tập « Khái luận thực hành khảo cứu phả học » chuyên chú về việc nghiên cứu những nguồn gốc họ tịch tại Pháp và tại các nước khác cũng là nghiên cứu kỹ thuật chuyên môn lập những thế phả hệ có thể khoan lỗ để để kiểm các tên hay các mục.

Trong khi những lý thuyết gia cố gắng lôi cuốn tất cả mọi tầng lớp trong xã hội vào môn phả học thì những nhà thực hành đồng thời cho ra nhiều tác phẩm trong đó họ nghiên cứu rất tỉ mỉ lịch sử các giòng họ, khám phá ra sự tiệm tiến trên nấc thang danh vọng trong xã hội của nhiều giòng họ với nhiều hình ảnh, tài liệu vô cùng phong phú như tập gia phả giòng họ Bernard (1954) của Henri Bernard, cuốn « Gia đình chúng ta » (1959) của Đại tá Parent Du Chatelet, những cuốn « Lịch sử giòng họ Maupeou », « Gia đình Thoisy »... trong đó họ nghiên cứu từ địa vị trung lưu lên đến chỗ tột đỉnh của sự giàu sang quý phái. Bên cạnh những sử gia đặc sắc về từng giòng họ, còn thấy một tác phẩm tuyệt tác của André Delavenne sưu tập các giai cấp trưởng giả xưa, gia phả của trăm ngàn giòng họ danh tiếng, những giòng họ đã và hiện có những địa vị lớn lao tại Pháp trong các thế kỷ thứ XIX, XX. Vượt qua giới hạn lịch sử của một hay nhiều giòng họ, năm 1913 một toán phả học cho xuất bản tập sưu tầm các con cháu (1610-1910), « Con cháu De la Rochejacquelein » (1930) của Arlot de Saint-Saud, những gia phả khảo cứu giòng họ những Thống chế của Đế nhất Đế quốc và con cháu, những vị

Hoàng tử Quận công không làm Thống chế với gia đình con cháu, trong đó những con cháu trai, các anh, các chị của mỗi nhân vật, tất cả cháu chắt đều được khảo cứu rất tỉ mỉ. Đó là thời kỳ phục hưng nền phả học nước Pháp. Cũng nên kể thêm tập Bách khoa toàn thư của bác sĩ Gaston Sirjean bắt đầu soạn từ năm 1959, khảo cứu về phả hệ của các Hoàng gia trên khắp thế giới. Trung tá Arnaud cũng đã ghi vào mục lục hơn 40 000 gia phả hoặc từng phần gia phả gồm có ít nhất là 3 đời và dự định xuất bản tác phẩm quý báu ấy dưới nhan đề « Vựng tập các gia phả ấn loát ».

Một trong những nét đặc biệt về sự bành trướng ngành gia phả thế giới trong khoảng năm chục năm là sự tập trung và khai thác chung những thế thức của nó. Trước một lãnh vực bao la như thế, để sự khai thác khỏi ứ đọng, tất cả các nhà soạn phả liền hợp nhau lại thành những đoàn thể toàn quốc hay từng tỉnh một và tập trung các bạn đồng nghiệp khắp các nước để tổ chức những Hội nghị. Đầu thế kỷ thứ XX, người Đức sáng lập ra Hội Zentralstelle für deutsche Personen Und Familien Geschichte xuất bản cuốn Bảng kê cháu chắt những người Đức danh tiếng. Nhưng đến 20 năm sau thì đã phát triển những đoàn thể phả học thực sự. Ở Đức có Hội tập trung việc thống nhất gia phả, thành lập năm 1948, và Hội đoàn thể Tây-Đức để tìm hiểu lịch sử các gia đình. Nhiều nước khác như Mỹ, Gia-nã-đại, Bỉ cũng thành lập những hội tương tự. Còn ở Pháp thì có Trung tâm Phả học Ba-lê thành lập năm 1955 và Trung tâm Hồ tương phả học cũng cho phát hành những tạp chí khảo cứu về nguồn gốc cùng những tài liệu phả học nhằm mục đích giúp đỡ chỉ dẫn các nhà làm phả trong việc sưu tầm nghiên cứu phả học. Mục đích của các đoàn thể phả học là để các nhà khảo cứu này được gặp gỡ nhau và còn cho họ sử dụng một thư viện tàng trữ những phả hệ cùng tài liệu họ tịch tương đối đầy đủ. Nhưng thành công hơn cả là Hội Phả học của giáo phái Mormons ở Mỹ vì Hội này có nhiều phương tiện hơn. Giáo phái này cho rằng muốn tạo hạnh phúc vĩnh viễn cho những kẻ quá cố liên hệ đến họ thì phải biết rõ tên tuổi. Chính nhờ vào nguyên tắc đó mà giáo phái Mormons đã kiểm soát tìm tòi

rộng lớn tất cả các số hộ tịch ở châu Âu, châu Mỹ và đã thu thập được hơn 300.000.000 âm bản (Clichés négatifs) của Anh-quốc, Ai-nhĩ-lan, vài nước ở Bắc Âu, Hòa-lan, Bỉ, Đức, Gia-nã-đại, Mễ-tây-cơ, Hiệp-chúng-quốc, Pháp.

Tuy nhiên, trên bình diện quốc tế, ngành phả học chưa phát triển đồng đều. Do đó, vào năm 1929, một Hội nghị phả học quốc tế đầu tiên đã họp ở Barcelone với nhiều nhà chuyên môn. Hội nghị thứ hai họp ở Naples vào năm 1953 gồm các nhà phả học, đồng nhất là người Ý và Y-pha-nho. Họ dự định thành lập Viện Quốc tế Phả học và Huy hiệu ở Madrid. Đến năm 1955, một Hội nghị thứ ba họp ở Madrid lúc ấy mới đích thực là một hội nghị quốc tế phả học khoảng đại với 408 hội viên thuộc 76 đoàn thể của 31 quốc gia. Trong Hội nghị có những cuộc trao đổi đặc sắc. Hội nghị ấn định những quyết nghị hữu ích về các vấn đề bảo tồn, trao đổi tài liệu cùng là đưa môn phả học vào giảng dạy tại các trường Đại học. Vấn đề quan trọng nhất trong các cuộc hội nghị là tạo ra những mối liên lạc thân hữu ràng buộc hết thầy mọi hội viên. Trong các cuộc Hội nghị phả học quốc tế thứ ba và thứ tư họp ở Stockholm năm 1960 cũng vẫn duy trì thể thức ấy.

Như vậy, trong khoảng thời gian gần 400 năm, từ năm 1640 cho tới nay, môn phả học Âu-châu, dựa vào những truyền thống cổ xưa, phát sinh trên những nền tảng kiêu hãnh thuần túy, bành trướng mãi lên nhờ sự cố gắng của hàng ngàn môn đệ và được phong phong phú thêm do sự hiểu biết mới nhất của nhiều khoa học khác của nhân loại, môn phả học ấy đã trở nên một khoa học mới mẻ. Thật ra thì người ta có thể nói rằng môn phả học đã cùng đi một con đường, cũng đã chịu cùng một thời kỳ thai nghén như là y học đã thoát thai từ môn pháp thuật cổ xưa, như là hóa học đã thoát thai từ môn luyện kim thời trung cổ. Người Âu-châu cho ngành phả học rất có ích lợi cho con người, bởi vì ngành này không những là một khoa học phụ của nhiều ngành nhân loại học là còn là một môn học thuần túy, một khoa

học về lịch sử của nguồn gốc và của sự phát triển của mọi cá nhân. Những cá nhân họp lại thành những gia đình trong đó không ai chối cãi được rằng không một người nào là không tha thiết muốn hiểu rõ mình ở đâu và đi về đâu, để cắt nghĩa cái cá tính hiện tại của họ.

(còn tiếp)

TRẦN-CỬU-CHẤN

Tiến-sĩ Văn-chương

Giáo-sư Đại-Học Vạn-Hạnh

cung oán ngâm khúc

(tiếp theo VHVS số 2, 1971)

- 301 Chiều tịch tịch đã gầy bóng thỏ,
- 302 Về tiêu tao lại võ hoa đèn.
- 303 Muốn đem ca tiểu giải phiền,
- 304 Cười nên tiếng khóc hát nên giọng sầu.

BÌNH CHỮ

301 Chiều. Chiều ở đây có nghĩa là hình dáng, cái vẻ bề ngoài. (Xem thêm chú-thích chữ này trong câu thơ số 217).

Tịch tịch. Tịch 寂 là yên lặng. Tịch 寞 là không có tiếng người. Tịch tịch là danh-từ kép để nói im lặng lẽ không có một tiếng động.

Bóng thỏ. Ở đây tức là bóng trăng. (Xem thêm chú-thích chữ này trong câu thơ số 277).

Đã gầy bóng thỏ. Ở đây chữ gầy là ốm yếu, hao sức dùng rất hợp ý với chữ thỏ, có nghĩa là vầng trăng lúc này không còn tròn trịa nữa.

302 Tiêu tao. Tiêu 蕭 là vắng. Tao 寥 là buồn rầu. Tiêu tao là danh-từ kép để nói im lặng, áo não, có vẻ đau thương.

Truyện Kiều có câu thơ số 291-292 nói:

So chi những bậc tiêu tao,

Đột lòng mình cũng nao nao lòng người.

Võ. Võ là có bộ gầy ốm, trở thành yếu ớt, võ vàng.

Hoa đèn. Hoa đèn tức cái ngọn lửa đỏ cao thấp tỏ mờ hình giống cái hoa, tùy theo trong bình đèn dầu còn đầy hay cạn.

Truyện "Hoa Tiên" có câu thơ số 1107-1108 nói:

Đêm đêm vầng nguyệt hoa đèn,

Mai gầy guộc vóc liễu đen đầu mây.

Hai câu thơ số 301-302 ý nói cung-phi đêm khuya một mình quanh hiu trong phòng lòng xót xa thấy mình càng ngày khô héo lấy bóng trăng khuyết làm bạn và mượn ngọn đèn lu mờ mà hủ hỉ với số phận vô duyên.

Hai câu thơ số 301-302 đối chiếu nhau từng chữ từng câu rất hợp ý nghĩa:

chiều	—	vẻ
tịch tịch	—	tiêu tao
đã gầy	—	lại võ
bóng thỏ	—	hoa đèn

303 Ca tiểu. Ca 歌 là hát. Tiểu 笑 là cười. Ca tiểu là tiếng hát giọng cười.

Giải phiền. Giải 解 là cởi ra, gỡ ra. Phiền 煩 là sự gì làm cho ai trở nên buồn. Giải phiền là gỡ khỏi những mối ưu phiền trong lòng trí.

Hai câu thơ số 303-304 ý nói cung-phi muốn tìm cách để giải bớt cơn sầu, cho nên trong lúc buồn lòng miệng gượng cười, thì cười làm sa châu lụy, còn cất tiếng hát cho vui, thì hát đầy giọng thảm.

Trong câu thơ số 304 vài chữ có nghĩa trái ngược nhau theo cách đối ngẫu mà trong văn Pháp thường gọi là antithèse:

cười đối với khóc

hát đối với sầu

Câu thơ số 304 chia ra làm hai vế đối nhau từng ý từng chữ :

cười	—	hát
nên	—	nên
tiếng	—	giọng
khóc	—	sầu

\*

- 305 Ngọn tâm hỏa đốt râu nét liễu,  
 306 Giọt hồng băng thấm ráo làn son.  
 307 Dơ buồn đến cảnh còn con,  
 308 Chè chuyên nước nhất hương đồn khói đối.

#### BÌNH CHỮ

305 Tâm hỏa. Tâm (tim) 心 là lòng. Hỏa 火 là lửa. Tâm hỏa là lửa lòng, nghĩa bóng nói tâm-tình phan phui này nở như ngọn lửa cháy lên cao.

Truyện Kiều có câu thơ số 1537-1538 nói :

Lửa tâm càng dập càng nồng,  
 Trách người đen bạc ra lòng trắng hoa.

Râu. Râu do chữ sầu 愁 là cực khổ trong lòng. Ở đây có nghĩa làm mất vẻ tươi, làm mặt mày khô héo nhăn nhủ lại.

Nét liễu. Nét là đường vạch bằng bút, nghĩa bóng là cái vẻ. Liễu 柳 là cây liễu. Nét liễu tức là mày liễu.

Theo cách tô-diềm ngày xưa, đàn bà cạo lông mày, rồi lấy bút vẽ một nét mực dài, nhọn và cong như lá liễu. (Xem thêm chú-thích chữ *mày liễu* trong câu thơ số 177).

Câu thơ số 305 ý nói cung-phi trong lòng tức hận như bị ngọn lửa ún đốt làm mặt mày nhăn nhó mất vẻ xinh tươi.

306 Hồng băng. Hồng 紅 là màu đỏ. Băng 冰 là nước mùa đông đóng

cứng lại. Hồng băng là giá đông lại có màu đỏ, nghĩa rộng để nói nước mắt đã xuống có màu đỏ như máu. Giọt hồng cũng một nghĩa.

Mai chữ hồng băng mượn ý trong điển chép đời vua Văn-Đế nhà Ngụy có người con gái tên Tiết-Linh-Vân sắc đẹp như tiên, của thái-thú quận Thường-Sơn đổi hàng nghìn lạng vàng đem dâng cho vua Ngụy-văn-Đế, làm cung-phi. Khi nàng từ già cha mẹ, lòng trí phiền ức, nước mắt ròng ròng sa trên lư hương đóng lại hình viên ngọc, rồi hóa ra băng đỏ như giọt máu.

Truyện Kiều có câu thơ số 875-876 nói :

Nhìn càng lã chã giọt hồng,  
 Rỉ tại nàng mới giải lòng thấp cao.

306 Ráo. Ráo là khô ran, héo rút lại.

Làn son. Làn là bề mặt phẳng. Son do chữ đơn 丹 là màu đỏ. Làn son là vẻ má hồng tươi đẹp như son.

Câu thơ số 306 ý nói cung-phi buồn tình khóc rơi nước mắt xót xa như huyết chảy thấm vào da mặt làm lem luốc ráo khô má hồng. Trong hai câu thơ số 305-306 chữ liễu ở cuối câu thất nhất (305) phải hòa vần trắc với chữ ráo trong câu thất nhị (306), nhưng vì không đồng âm cho nên có thể coi như cưỡng-vận.

Hai câu thơ số 305-306 đối chiếu nhau từng chữ từng câu rất sát nghĩa :

ngọn	—	giọt
tâm hỏa	—	hồng băng
đốt râu	—	thấm ráo
nét liễu	—	làn son

307 Dơ buồn. Dơ (nhơ) do chữ 汚 là dơ nhuốc, lem luốc, khang sạch sẽ. Buồn do chữ 悶 悶 là lo phiền. Dơ buồn là sự thẹn thưỡng và sầu rĩ trong lòng.

*Còn con.* *Còn* là nhỏ, bé. *Còn con* là tiếng đôi để trò cái gì có hình nhỏ và hèn mọn, nghèo nàn. Có bản chép:

*Do buồn đến cảnh còn con.*

Chữ *con con* không khác gì chữ *còn con*, nhưng không thanh bằng. Câu thơ số 307 ý nói cung-phi buồn rầu và xấu hổ phận bạc, cho đến đối các thức đồ nằng dùng hàng ngày cũng mất cả mùi thú-vị riêng nữa.

508 *Chè chuyên nước nhất.* *Chè* do chữ *trà* 茶 là một loài cây nhỏ lá dùng nấu nước uống, tiếng Pháp gọi là *théier*. *Chuyên* là cái ấm nhỏ bằng đất dùng pha trà, cũng có nghĩa là rót vào, sang qua. *Nước nhất* là nước pha một lần đầu.

Bốn chữ này ý nói nước trà mới pha nước đầu mà thôi uống, nghĩa rộng để nói nước trà mới pha còn mùi thơm đậm, nhưng uống vào miệng thì nghe lạt lẽo.

Tại sao *chè chuyên nước nhất*? Vì không có người tri-kỷ ngồi chung uống với mình để khuấy sâu, cho nên chén thứ hai không muốn uống nữa.

Trong bài thơ trà ca "Tạ Mạnh đại-phu ký tân trà" 謝孟大夫寄新茶 của thi-sĩ Lư-Đông đời nhà Đường có một đoạn chép như vậy:

一 挽 喉 投 潤

Nhất uyển hầu vẫn nhuận,

二 挽 破 孤 悶

Nhị uyển phá cô muộn.

三 挽 搜 枯 澹

Tam uyển sưu khô tra

維 右 文 字 五 千 卷

Duy hữu văn tự ngũ thiên quyển.

四 挽 出 清 汗

Tứ uyển xuất thanh hãn,

平 生 不 平 事

Bình sinh bất bình sự.

一 盞 從 毛 孔 出

Tận tông mao không xuất,

五 挽 筋 骨 清

Ngũ uyển cân cốt thanh.

六 挽 通 仙 靈

Lục uyển thông tiên linh,

七 挽 蓄 不 得

Thất uyển khiết bất đắc.

解 料 兩 腋 生 清 風

Tập tập lưỡng dịch sinh thanh phong,

蓬 萊 山 在 何 處

Bồng lai sơn tại hà xứ,

玉 川 子 願 乘 清 風 欲 歸 去

Ngọc Xuyên Tử nguyện thừa thanh phong dục qui khứ.

Chén đầu cõ họng trơn trơn,

Chén hai cảm thấy nỗi buồn đã tan.

Chén ba trút tâm can mọi sự,

Năm nghìn pho văn tự còn thôi.

Chén tư rơm rốp mồ hôi,

Bất bình mọi nỗi trong đời sạch không,

Đều theo lỗ chân lông ra tuốt,

Chén năm thời gân cốt nhẹ tênh.

Uống xong sáu chén vào mình,

Nhẹ nhàng khoan khoái như hình lên tiên.

Đến chén bảy nhấp liền chẳng nới,

Nách hai bên gió thổi đã đầy.

Bồng-Lai ở chốn nào đây,

Ngọc-Xuyên muốn cưỡi gió bay mà về...

Thi-sĩ Lư ca ngợi cái đức-tính phi thường của chén trà uống vào thì thấy có sự khoái-lạc thấm đầy lòng trí, chẳng khác gì cái đức-từu mà Lý-Thái-Bạch tả trong bài « Trương tiến Tửu » 將進酒.

Ở đây Tôn-Thất-Lương chép không đúng mà đổi chữ uyển 悅 (chén nhỏ) ra thành chữ trản 盞 (cái bát).

Có bản chép :

Trà chuyên nước nhứt hương đồn khói đôi.

Ở đây chữ trà cùng một nghĩa với chữ nôm chè.

Có bản lại chép :

Chè băng nước nhứt hương đồn khói đôi.

Ở đây chữ băng thay thế chữ chuyên đề đối với chữ đồn thì có lẽ không hay về mặt đối chiếu.

Hương đồn khói đôi. Hương 香 là một chất bằng vỏ cây có mùi thơm tự nhiên, tán ra nát như bột, rồi hòa với nước mía, cất trong vũng sành, khi muốn dùng múc ra từng muỗng bạc nhỏ, rắc trên cái rá đồng trong lư hoặc trên viên than đỏ.

Nếu nắp lư chạm hình con nghê hình giống sư-tử, thì khói hương phun ra miệng nghê, cho nên gọi là kim nghệ 金倪. Nếu lư bằng đồng đen, nắp chạm hình con vịt nằm khảm kim-khí đẹp, thì gọi là bửu áp 寶鴨.

Ngày xưa hương có nhiều thứ như trầm hương, bài hương, tốc hương, kê cốt trầm hương, bạch đầu nhũ hương, các nhà quý phái ưa đốt trong phòng ngủ hoặc phòng khách lúc tiết-trời lạnh lẽo.

Đồn là nhập lại cho nhiều. Khói đôi là khói bay lên chia ra hai ngọn, tức có nhiều khói. Bốn chữ này nói rắc hương thêm mãi trong lư, làm cho khói xông lên hai ngọn cao bay nghi ngút.

Câu thơ số 308 ý nói cung-phi buồn lòng khi uống nước trà, chỉ uống nước nhất ngon thơm mà nghe chán rồi, và khi đốt hương xông phòng-the, thì cứ đồn hương muông này tới muông khác, để mong rước vua mà đốt đồn nhiều lần, nhưng không thấy ai đến.

Đinh-Xuân-Hội dẫn nghĩa rất lờ mờ câu thơ số 308 mà viết : « Chè mới chuyên lần đầu thì nước còn lại, hương đã tỏa ra nhiều ngọn mà khói gần tàn. » Không phải vậy đâu.

Trà nước nhất thì màu đậm và mùi thơm, tức là nước ngon, chớ đâu có lạt được, còn hương lên nhiều ngọn là hương đồn mãi lại, vậy khói làm sao tàn được.

Câu thơ số 308 chia ra làm hai vế đối nhau từng chữ từng ý rất hay :

chè	=	hương
chuyên	=	đồn
nước	=	khói
nhất	=	đôi

Từ câu thơ số 285 đến câu 308 tức là 24 câu, cung-phi ngao ngán tiếc cuộc đời xuân xanh của nàng bảy giờ như bị giam cầm, mất cả tự-do mà còn bị bạc đãi nữa, ở chốn đài-các mà lòng cay đắng hoài, nay muốn sống một đời thanh bần trong lều tranh như một gia-đình quê mùa thô kịch nhưng đầy hạnh phúc, thay vì ngồi một mình trong khuê-phòng dưới bóng trăng khuyết và ngọn đèn leo lét, thờ dài suốt đêm không biết tỏ cùng ai nổi tâm-huyết.

(còn nữa)

## hai bà trưng

*Liều bỏ thân đứng trong trời đất,  
Trung nghĩa gan bền với núi sông.*

### NGUỒN GỐC HAI HAI BA

Như chúng ta đều đã biết, hai Bà Trưng là hai vị nữ anh-thư hay nữ anh-hùng cứu quốc đầu tiên của dân-tộc Việt-Nam ta.

Là đôi chị em đồng bào song sinh, chị tên Trưng-Trắc, em tên Trưng-Nhị, hai Bà chào đời ngày 1 tháng 8 năm Giáp-tuất (tức năm thứ 14 sau Công-nguyên, thế-kỷ thứ 1 Tây-lịch) tại đất Mê-linh thuộc Châu-phong, tỉnh Sơn-tây).

Hai Bà là con gái cựu Lạc-tướng họ Trưng làm quan dưới triều Triệu Đà tức Triệu Võ-vương.

Thân-mẫu là Bà Man-Thiện nữ-danh Trần-thị-Đoan tức Man Hoàng-thái-hậu, cháu ngoại vua Hùng-vương thứ 18 (tức cháu ngoại của Lạc-vương).

Xuất thân trong hệ-phái quý-tộc, Man Hoàng-thái-hậu là một phụ-nhân lỗi-lạc phi thường.

Vừa sanh Hai Bà được ít năm, thì quan Lạc-tướng họ Trưng tạ thế. Man Hoàng-thái-hậu ở góa nuôi hai con đến tuổi trưởng thành.

Bà đã giáo-dục hai con không những trở thành hai con chí-hiếu, mà còn trở nên hai vị nữ anh-hùng của dân tộc, hai tấm gương trong sáng muôn đời cho nữ-giới.

Trong chương-trình Bà dạy-dỗ con, ngoài các công việc gia-đình, Bà còn khuyên bảo hai con học kỹ mấy chữ « văn ôn võ luyện », vì theo Bà lúc nào đất nước cũng cần có những người con văn võ kiêm toàn để bảo vệ non sông lãnh-thổ. Thật vậy, chính Man Hoàng-thái-hậu đã lắng nghe tiếng gọi của Tổ-quốc, tự đứng ra làm đại-biểu cho toàn thể bộ-lạc Giao-chi, dùng mọi hình-thức, mọi biện-pháp chống lại bọn đế-quốc phong-kiến Trung-hoa, cho nên phải công nhận rằng khởi-nghĩa chống quân Tàu của ông Đặng-hi Sách và hai Bà Trưng mà lịch-sử đã ghi chép, động-co chính yếu vẫn là Man Hoàng-thái-hậu.

Nam Trưng-Trắc được 20 tuổi, Hoàng-thái-hậu gả Bà cho Ông Đặng-thi-Sách, một trang thanh niên anh-tú, con nhà thế-phiệt, cũng là giòng-giỏi Lạc tướng và đang làm chức Lệnh-doãn Chu-diên.

Chức Lệnh-doãn lúc bây giờ cũng như chức Tri-huyện hoặc chức Quận-trưởng sau này.

Còn Chu-diên là một trong số 10 huyện của Giao-chi mà người Tàu đặt tên là Giao-chi-quận.

Lúc ấy, lãnh thổ Việt-Nam chỉ gồm có hai quận Giao-chi-quận (hiện nay là Bắc-Việt) và Cửu-chân-quận (hiện nay là miền Bắc Trung-Việt đến tỉnh Nghệ-an và tỉnh Hà-tĩnh).

Trong lịch-sử dân-tộc Việt-Nam, đây là thời-kỳ thứ nhất dòng giới Tiên-Long bị người Tàu cai-trị.

Cũng trong năm ấy Đặng-thi-Sách cùng Trưng-Trắc kết giải đồng tâm tức vào năm Giáp-ngọ (năm 34 sau Công-nguyên) là năm thứ 10 niên-hiệu Kiến-võ, vua Quang-võ nhà Đông-Hán cử Tô-Định sáng làm Thái-Thủ quận Giao-chi.

Họ Tô là một tham-quan có nhiều hành-động tàn-nhẫn hiếu sát, nên lòng dân Giao-chi căm thù oán-hận tột độ. Một vài sử-gia Trung quốc có lẽ

muốn che giấu bộ mặt thực cướp nước của mình, nên đã xuyên-tạc rằng : Chính vì Tô-Định đã gây ra cuộc cách-mạng chống xâm-lãng của hai Bà-Trung. Phải thật thà mà nói : thủ-đoạn bóc-lột của thời Hán-thuộc tích lũy từ trên một thế-kỷ đã làm nảy sinh cuộc cách-mạng giải-phóng dân-tộc năm Canh-tý (năm 40 sau Công-nguyên) trên đất Việt. Thật ra Tô-Định chỉ là người khơi ngọn lửa cách-mạng đã có từ lâu như lửa cháy ngầm, tưng ra họ Tô đã ném mỗi lửa vào kho thuốc súng.

Nguyên lúc bây giờ, nhân-dân đã bị bóc lột vô cùng tàn-nhẫn, lại gặp thiên-tai thủy-lạo liên-miên: Mùa-màng mất hết, nhân-dân không đủ lúa gạo nuôi sống, mà thuế địa-tô lại nặng-nề. Dân còn phải đi làm trâu lợc dịch cả đêm ngày còn bị đánh đập, nhục mạ đủ điều.

Trước cảnh quá đau khổ của đồng-bào, viên Lệnh-doãn Chu-diên Đặng-thi-Sách làm tờ khuyến-cáo tâm huyết bằng Hán văn gọi Thái-thú Tô-Định đại ý nói họ Tô cần phải thay đổi chính-sách hung tàn bạo ngược, nếu không sẽ bị tiêu diệt.

Tô-Định đọc xong bức thư khuyến-cáo kể trên, dùng dùng nổi giận, đã không chịu nghe những lời « trung ngôn nghịch nhĩ » và không chịu thay đổi chính-sách đã đành, lại còn quyết tâm sát hại viên Lệnh-doãn họ Đặng chí-khi can-trường cho bỏ ghét.

Hắn liền kéo quân vào huyện lỵ Chu-diên, bắt giải Đặng-thi-Sách ra pháp-trường hành hình một cách man rợ.

Hai chị em Trưng-Trắc và Trưng-Nhị cùng gia tướng Đô-đương lập tức bỏ chạy về đất Mê-linh, nhất quyết trả nợ nước, rửa hận nhà, báo thù chồng cho kỳ được.

### CUỘC KHÔI NGHĨA CỦA HAI BÀ

Năm sau (tức năm 40 sau Công-nguyên) Hai Bà quyết chí thay quyền

trởng quân, phất cờ khôi-nghĩa, những bậc anh-hùng hào-khết bốn phương đều theo về, và các tầng lớp nhân-dân khắp nơi nhiệt liệt hưởng-ứng.

Hai Bà có dưới cờ phỏng độ 60.000 quân, gồm cả quân-nhân phụ-nữ.

Ngày 6 tháng giêng năm ấy, Bà Trưng-Trắc vừa được 21 tuổi. Bà cùng với các nam nữ tướng sĩ làm lễ kính tế thần-linh rất nghiêm-trang cảm động, rồi truyền lệnh diệt địch Bắc-xâm để thu hồi giang sơn xã tắc cho nước nhà, rửa hận truyền kiếp cho nòi giống.

Ngày 7, Bà thao-diễn binh-sĩ trên bãi trường sa, gần sông Bạch-hạc thuộc tỉnh Vinh-yên.

Bà đích thân chỉ-huy cuộc tiến quân vào thành Liêu-châu và các thị-trấn gần đó.

Trước lần sóng công hãm ào-ạt xuất kỳ bất ý của một vị nữ tướng quân oai phong lẫm liệt, Tô-Định tuy có quân-số nhiều hơn, nhưng sĩ tốt thiếu tinh thần, nên kháng cự vô hiệu.

Buổi đầu, nhờ có tinh-thần chiến-đấu anh-dũng tạo nên bởi chí-khí căm thù, nên quân hai Bà Trưng đã đánh bại quân nhà Hán ở các quận Cửu-chân, Nhựt-nam và Hợp-phổ.

Bà Trưng-Trắc đánh đuổi Tô-Định, quyết lấy cho được thủ-cấp tên giặc tham tàn hại dân hại nước. Nhưng Tô-Định chạy dài và trốn thoát về quận Nam-hải (tỉnh Quảng-đông) sau khi thành Liêu-châu lọt vào tay nghĩa-quân. Bọn quan-lại cai-trị của nhà Hán cũng kinh hồn mất vía chạy về Nam Hải với Tô-định.

Thừa thắng hai Bà xua quân tấn-công khắp nơi trong quận Giao-chỉ, những nơi có quân Tàu chiếm đóng.

Bà Trưng thu-phục được 56 thành, và khôi phục hoàn toàn nền độc lập, chủ-quyền của quốc-gia trong vòng vài ba tháng.



Tống cõ bọn giặc Tàu ra khỏi đất nước, Bà Trưng xưng Vương, lấy niên-hiệu Trưng-Nữ-Vương nguyên-niên, cải quốc-hiệu là Triệu-quốc, thiết lập kinh-đô ở Mê-linh (nguyên quán hai Bà). Bà ở ngôi được 3 năm (40-42 sau Công-nguyên).

Trong hàng tướng-hiệu của hai Bà có hai vị nữ tướng tài giỏi nhất, ấy là Đông-cung tướng-quân và Thị-nội tướng-quân.

Đông-cung tướng-quân tên tục là Hoàng-thiếu-Hoa quán quân Cửu-chân (Thanh-hóa). Bà phụ-trách tuyên-truyền, đi khắp nơi trong nước để nói lên những hành-động vô nhân-đạo của quan quân nhà Hán, nêu cao chính-nghĩa của Bà Trưng.

Dân-chúng tình-nguyên theo Bà rất nhiều, Bà thành-lập một đạo quân phục-quốc. Đạo quân này theo về phục-vụ dưới cờ khởi-nghĩa của hai Bà-Trưng, và thảo-hoạch được nhiều chiến-công hiển-hách.

Khi Bà Trưng lên ngôi Vương, xét công để ban thưởng cho các tướng sĩ, Bà Thiều-Hoa được phong chức Đông-cung tướng-quân.

Còn Thị-nội tướng-quân tên là Phùng-thị-Chính, vợ Đinh-Lượng quán trang (làng) Phú-nghĩa, tỉnh Sơn-tây.

Bà là một nữ-tướng lắm mưu-cơ được Bà-Trưng rất tín-nhiệm.

Bà đương có thai, nhưng nhất quyết xin ra trận địa để phân thây xác quân thù.

Trong khi hai Bà Trưng cõ voi xung trận, thì Bà Thị nội cõ ngựa theo sau để đốc-suất các binh-sĩ. Vì vậy giữa lúc lâm trận, Bà bị động thai, nhưng Bà vẫn múa kiếm chém đầu được mấy tên tên kỵ tướng của Tô Định, rồi bị sảy thai. Tuy vậy Bà vẫn cõ phá được vòng vây quân Hán phi ngựa thoát ra ngoài.

Sau này, khi được tin hai Bà-Trưng trầm mình tự tử, Bà Thị-nội tuốt gươm tự sát để khỏi bị rơi vào tay quân thù.

Trưng Vương khôi-phục giang-sơn mới được 3 năm, nên về chính-trị văn hóa, cũng như quân-sự trong nước chưa có gì đặc-biệt cho lắm, ngoại tình thần anh-dũng thiết-tha với nền độc-lập cứu giống nòi Lạc-Việt.

### OANH LIỆT ĐÁNH BẠI MÃ-VIỆN

Bầu giờ, nhà Đông-Hán lai rầm rộ xua quân vào tái-chiếm đất nước chúng ta.

Nhà Đông-Hán phong cho Mã-Viện làm Phục-ba tướng-quân chỉ-huy đạo-quân xâm-lược.

Mã-Viện, tên thật Mã-văn-Uyên, là một bọm tướng già (70 tuổi) : Ngoài việc lão-luyện về binh-thư, binh-pháp và chỉ-huy ba quân, gã còn là một tay đẩy mưu ma chước quỷ.

Viện cùng Phụ lạc-hầu và Luru-Long, Thủy-sư Đê-đốc là Đoàn-chi với độ 20.000 quân cả thủy lục tràn xuống miền trung châu nước ta, theo sông Thái-bình và sông Thương kéo lên tấn-công kinh thành Mê-linh.

Hai Bà Trưng cõ voi ra ứng-chiến. Quân Mã-Viện đại bại. Trận này trên một nghìn quân nhà Đông-Hán bị giết.

Đại bại trận đầu tiên này, quân Đông-Hán phải rút lui chạy về vùng Bắc-giang, rồi cấp báo về Tàu xin quân cứu viện.

Khi quân Đông-Hán rút về mạn Cao-bằng Tuyên-quang cố-thủ để chờ viện-binh thì Trưng-Vương liền sai tướng hiệu-cấp tốc đem quân đánh vào những vùng đó, khiến quân Hán bị thua nhiều trận liêng-xiêng.

Năm Quý-mão (năm 43 sau Công-nguyên) vua Đông-Hán chực thêm 500.000 viện binh qua giúp Mã-Viện. Quân Hán lên theo miền duyên-hải vào phía nam, kéo ra hợp với quân Mã-Viện đương đóng tại bờ hồ Lãng-bạc.

Trận giáp công nơi đây vô cùng ác liệt. Dưới sự chỉ huy tài tình của Trưng-Vương, nam tướng Đê-Dương và các nữ tướng Đông-Cung đã tiêu

phá nhiều vòng vây của quân địch. Nhưng vì quân số của địch đông gấp mười lần quân số của ta, và chính là do đoàn quân nam nữ ở hợp của ta làm cho Nam quân phải núng thối.

Truyền-thuyết thuật lại rằng : tại trận này, ban đầu quân Tàu đã thua to. Mã-Viện nhận thấy trận-thế đã xoay chiều bất thuận lợi cho bản, nên hẳn lập mưu qui và hạ lệnh cho quân sĩ cởi hết áo quần, thân thể lỏa-lồ nhào tới phản-công đoàn quân phụ-nữ của ta. Nữ-binh của nữ-trưởng Đông-cung thẹn thường bỏ chạy tán loạn. Đông-cung trưởng-quân không tài nào ngăn cản nổi làn sóng triệt thoái lớp lớp hỗn loạn của nữ-binh, bắt đấng đi phải xin với Trưng-Vương rút lui về thành Mê-Linh cố-thủ.

Mã-Viện ra lệnh cho Lưu-Long truy nã nhưng giữa đường bị quân ta phục-kích, quân Hán bị sát hại rất nhiều phải rút lui đến đóng tại đất Cầm Khê thuộc tỉnh Vĩnh-yên. Trưng-Vương lại mang quân đến công hãm thành này, nhưng quân Tàu đông hơn tràn ra giáp công dữ-dội. Quân ta phải thất trận, địch đuổi theo ráo riết và tan vỡ gần hết.

## IIAI BÀ TUẤN-TIỆT

Hai chị em Bà Trưng đem tàn quân chạy đến Hát-giang thuộc xã Hát-môn huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây bị giặc bức bách quá đỗi, hai Bà liền nhảy xuống Hát-giang (giữa nơi sông Đáy nhập vào Hồng-hà) để hiến thân cho Tổ-quốc giữa ngày 6 tháng 2 năm Quý-mão.

Phục-ba Mã-Viện thắng trận rồi, theo lệnh vua Quang-võ nhà Đông-Hán, quận Giao-chỉ được sáp nhập vào lãnh-thổ nước Tàu.

Theo sử Tàu thì Mã-Viện rút quân về theo đường Mông-cây qua sông Na-lương, và đóng quân ở Đông-hưng (Quảng-đông).

Trước khi qua sông, hẳn ra lệnh lấy một cây súng đồng, dài chừng một thước rưỡi, và chạm đầu súng 6 chữ «Đông trụ chiết, Giao-chỉ diệt».

Hắn sai người đào lỗ chôn cây súng đồng ấy trên đỉnh núi.

Các sử-gia nhà Hán, kể cả Tư-mã-Thiên là một nhà viết sử lỗi-lạc, đã chép cuộc khởi-nghĩa của hai Bà Trưng như thế nào ?

— Hán-sử chép : « Nam-man Trưng-Trắc bạo, để sử Mã-Viện bình chí... nghĩa là «Rợ phương Nam là Trưng-Trắc làm phản loạn, vua sai Mã-Viện đánh dẹp yên được.»

Ta thử hỏi mấy anh Tàu chép sử : «Ai là man di ? Ai là phản loạn ?»

Rõ-ràng là sử quan cướp nước, quân thù truyền kiếp.

Người Tàu ghi chép lịch-sử Việt-Nam sai lạc ý nghĩa đã đành, chứ chính sử-gia Việt-Nam chép về cuộc khởi-nghĩa của hai Bà Trưng cũng vẫn bị sai thất không ít nữa.

Ví-dụ : Việt-nam sử-lược của Trần-trọng-Kim, Việt-Nam văn-hóa sử-cương của Đào-duy-Anh, cho đến cả Đại-Nam quốc-sử diễn ca đều nói chung rằng cuộc khởi nghĩa của Bà Trưng, động cơ chính là vấn-đề thù-chông..

Như vậy, các sử-gia kể trên đã vô-tình phủ-nhận ý-thức và giá-trị của cuộc cách-mạng đầu tiên của dân-tộc Việt-Nam và cái nghĩa khí của hai vị anh thư, nữ-khuyết đã đứng ra lãnh-đạo cuộc cách-mạng dân-tộc này.

Hai Bà Trưng mất, giang-sơn nước Việt-Nam lại lọt vào tay quân Tàu (Bắc-thuộc lần thứ hai). Tuy vậy, ngọn lửa ái-quốc và tinh-thần đấu-tranh vẫn không vì thế mà dập tắt.

Chiến-công oanh-liệt, sự-nghiệp hiển-hách của hai Bà vẫn còn in sâu vào tâm khảm con dân nước Việt để rồi có những cuộc khởi nghĩa chống ngoại-xâm kế tiếp về sau.

## LẾT LUẬN

Hai Bà Trưng chẳng những là hai vị nữ anh-hùng độc nhất của nước

Việt-Nam, mà còn là hai vị nữ kiệt vô nhị trong lịch-sử nhân-loại nữa.

Đề kết-thúc, tác-giả bài này có hai bài thơ « Liên hoàn » cảm vịnh hai Bà Trưng, xin ghi dưới đây, cống hiến chư vị độc-giả thường-lâm :

Quốc hận, gia thù lẽ chẳng tha,  
 Anh hùng muốn thuở khách quần thoa.  
 Khăng khăng một mối tình em chị,  
 Triu triu hai vai nợ nước nhà.  
 Thê tuốt gươm vàng trừ bạo tặc,  
 Quyết liều thân ngọc chặn cuồng ba (1).  
 Noi gương oanh liệt ngàn thu trước,  
 Phụ nữ nay ai nối nghiệp Bà ?

Phụ-nữ nay ai nối nghiệp Bà ?  
 Vì dân, vì nước quyết xông pha.  
 Dân ba mươi triệu chung gan dạ,  
 Nước bốn ngàn năm hợp cõi bờ.  
 Tham-những bài trừ xây xã hội,  
 Xâm-lãng đánh bại dứt can qua.  
 Rồi đây vận hội thanh bình lại,  
 Nam Bắc yên vui sống một nhà.

(1) Cuồng ba : Ngòi cá nghĩa đen là sóng hung dữ, sóng cuộn cuộn, còn có thêm ý ám chỉ Phục-ba Mã-Viện nữa.

## triết lý giáo dục của Khổng-tử

### I. DẪN NHẬP

Trên hai mươi lăm thế kỷ qua, kể từ ngày Khổng-tử chào đời ở miền bắc lục địa Trung Hoa, tên tuổi ông không vì thời gian mà lu mờ, những lời giáo hóa thấm nhuần tinh chất nhân bản của ông vẫn được truyền tụng từ Đông sang Tây. Tư tưởng của ông không những ảnh hưởng đến người đương thời mà còn được hậu thế nhắc nhở tán dương.

Từ đời nhà Tống, Chu Hi, một học giả trứ danh của Trung-quốc, khi soạn bài tựa «Khổng-tử» đã nói: «Trước đức Khổng-tử không có đức Khổng-tử, sau đức Khổng-tử không có đức Khổng-tử». Thái Sĩ Công khi viết «Khổng tử niên phả» đã tỏ bày cảm tưởng: «Vua chúa hiền tài không thiếu gì trong thiên hạ, nhưng họ chỉ vinh hiển lúc sinh thời, còn khi chết rồi thì thôi, là hết! Trái lại, Khổng phu tử chỉ là một nho giả áo vải, mà trải hơn mười thế hệ, học giả ai cũng tôn sùng».

Mấy trăm năm về trước ở Hoa-Kỳ, Tổng thống Jefferson khi soạn thảo bản «Tuyên ngôn độc lập» có tuyên bố rằng: «Tinh thần bài tuyên ngôn này là mượn ở học thuyết Khổng-tử». Học giả Emerson, sau khi đọc xong b) Tư thư, cũng phát biểu ý kiến: «Khổng-tử là hào quang của các dân tộc trên thế giới, Khổng-tử là Hoa Thịnh Đốn của triết học».

Ở Pháp, hơn ba thế kỷ trước, văn hào Voltaire đã bảo: «Nếu người ta biết theo đạo lý Khổng-tử thì thế giới sẽ trở thành một thời đại Hoàng kim». Văn sĩ Abel Bonnard trong một bộ sách viết về nước Tàu cũng nhận

xét : Trong mấy mươi thế kỷ, ngài làm ông thầy học cho cả một dân tộc lớn lao. Từ ông Thiên tử cao xa cho đến kẻ gánh nước bần tiện, không ai là ra ngoài ảnh hưởng của ngài.

Ở Đức, nơi từng xuất hiện nhiều nhà tư tưởng, triết gia Leibniz sau khi biết qua Khổng giáo, đã mong ước có được những giáo sư Nho học sang Âu châu giảng dạy đạo lý của Khổng-tử.

Không phải ngẫu nhiên mà các bậc thức giả ở nhiều nơi trên thế giới tỏ lời khâm phục Khổng-tử. Cũng không phải ngẫu nhiên mà trải bao thế hệ quần chúng Trung Hoa đồng ý tôn sùng nhà hiền triết này là «Vạn thế sư biểu» (ông thầy muôn đời) và cho ông là «Tổ vương» (ông vua không ngôi). Nhon cách và học thuyết của ông chắc hẳn phải có những gì đáng kể thì con người ở bốn phương mới hết lòng tán tụng ông như vậy.

Đọc lại tiểu sử Khổng-tử, ta thấy đời ông hầu như đã thất bại ở lãnh vực làm chính trị ở lãnh vực cải cách xã hội cực kỳ rối loạn thời Đông Chu, nhưng ông rất thành công ở lãnh vực giáo dục.

Chúng ta không khỏi ngạc nhiên là «nhà lãnh đạo tinh thần» Khổng-tử đã bắt đầu làm nhà mô phạm rất sớm. Bằng cứ là trong sách Lễ Ký, thiên Đàn cung, có chép việc bà mẹ Khổng-tử mất, các học trò ông đến trợ tang, lúc ấy ông mới 24 tuổi. So với các nhà triết lý, và các tôn giáo gia khác, chúng ta còn nhận thấy Khổng-tử là người quan tâm đặc biệt đến sự giáo dục nhiều hơn ai hết. Điều quan trọng hơn nữa mà nhiều người đã nhận thấy là trong lịch sử giáo dục Trung Hoa, Khổng-tử là vị thầy dạy tư đầu tiên đã truyền dạy cho một số khá đông học trò từng theo ông chu du khắp nơi trong xứ.

Phải chăng chính vì vậy, mỗi khi viết về Khổng-tử, các nhà nghiên cứu xưa nay đều nhìn nhận Khổng-tử là một nhà giáo dục lớn, danh tiếng ngang hàng với nhà hiền triết Socrate ở phương Tây. Và cũng như Socrate, Khổng-tử không hề để lại cho đời một tác phẩm nào do chính tay ông viết.

Do đó, chúng ta ngày nay muốn biết học thuyết của ông, muốn thấu rõ đường lối giáo dục của ông thế nào, chúng ta không thể tìm đọc trong một cuốn sách được trình bày có hệ thống rõ rệt về đường lối giáo huấn của ông.

Người Tây phương khi muốn biết tư tưởng của Socrate, họ có thể tìm trong quyển sách «Đàm thoại của Socrate» (Entretiens mémorables de Socrate) do chính học trò của ông là Xénophon ở Hy Lạp thuật lại những lời bàn về đạo lý của thầy. Còn ở Đông phương, Khổng-tử tuy đã từng giảng dạy ngọt ba ngàn từ đệ, nhưng lại không may mắn có được một người học trò ghi chép lại đầy đủ những lời ông giảng dạy trong một quyển sách duy nhất. Vậy thì ngày nay chúng ta làm sao mà biết được một cách chính xác triết lý giáo dục của Khổng-tử?

Theo truyền thuyết, Khổng-tử đã trước tác kinh Xuân Thu, chú giải Kinh Dịch, san định kinh Thi, kinh Thư, đính chánh kinh Lễ, kinh Nhạc. Nhưng cho đến nay phần đông các học giả dày công nghiên cứu Khổng-học đều tỏ ý hoài nghi, không chấp nhận truyền thuyết đó, họ đã chứng minh rất hữu lý rằng Khổng-tử không hề viết hay san định bất kỳ cuốn sách nào trong Lục Kinh cả. Vì lẽ đó, Phùng Hữu Lan trong bộ sách Đại cương triết học sử Trung quốc có nói: «Khổng-tử là vị thầy tư gia đầu tiên của Trung quốc, chứ không phải là nhà văn đầu tiên của Trung quốc» (1). Duy chỉ có bộ Luận Ngữ do nhiều môn đệ của hàng học trò Khổng-tử về sau ghi chép khi Khổng-tử mất đã lâu rồi, không phải do chính tay ông thảo ra, thì lại được phần đông các học giả nhận là quyển sách đáng tin cậy hơn hết để tìm hiểu về Khổng-tử. Giáo sư Henri Maspéro, một học giả rất sành về văn tự Trung Hoa, đã nói trong sách La Chine antique rằng ông chỉ dùng có cuốn sách Luận Ngữ để nghiên cứu học thuyết của Khổng-tử mà thôi. Hồ Thích cũng nhận: «Luận Ngữ tuy không phải do Khổng-tử viết ra, thì lại rất đáng

1- NGUYỄN VĂN DƯƠNG dịch, Đại cương triết học sử Trung quốc, Saigon, Ban Tu thư viện Đại-học Vạn-Hạnh, 1968, tr. 55.

tin cậy, rất có ích. Sách này do đệ tử của các đệ tử Khổng môn ghi lại những lời đàm thoại và nghị luận của Khổng tử và các đệ tử của ngài. (2)

Đọc cuốn Luận Ngữ, chúng ta thấy Khổng-tử xuất hiện giữa đám môn sinh như một con người đơn giản, bình thường tự nhiên, không hề được thần thánh hóa như một bậc hiền triết siêu phàm, làm sai lạc cả chân tướng con người ở thế gian. Toàn bộ sách như là tập thành những câu châm ngôn xử thế thâm trầm sâu sắc, không được kết cấu mạch lạc gì cả, những lời nói của Khổng-tử được chép liên tiếp với nhau. Bộ sách ấy thật đã phản chiếu khá đầy đủ tư tưởng căn bản của Khổng-tử, giúp cho chúng ta biết tình trạng về đời sống tinh thần và đạo đức, hành vi của một bậc thầy.

Do những điều vừa nói trên, khi tìm hiểu triết lý giáo dục của Khổng-tử chúng tôi bắt buộc chỉ căn cứ vào bộ sách Luận Ngữ mà xét, không dám dựa vào các sách khác trong Tứ thư Ngũ kinh, vì thiên nghĩ có như vậy mới hy vọng khỏi dùng tư tưởng của người sau gán làm cho Khổng-tử. Vậy, nếu như muốn nói cho thật chính xác, thật «chính danh», đề tài mà chúng tôi đem ra bàn giải ở đây có thể gọi là «Triết lý giáo dục của Khổng-tử theo trong sách Luận Ngữ».

Sau khi đọc đi đọc lại và tìm hiểu ý nghĩa những lời ghi chép trong bộ Luận Ngữ, rồi tham khảo thêm một số khá nhiều tài liệu của các bậc thức giả Đông Tây, chúng tôi cố gắng tóm tắt đại cương triết lý giáo dục của Khổng-tử vào một số trang hạn định, trong khi vấn đề có thể được đem ra bàn giải tỉ mỉ hơn để soạn thành một quyển sách vài ba trăm trang.

## II. TẠI SAO KHỔNG-TỬ QUAN TÂM ĐẾN VẤN ĐỀ GIÁO DỤC?

Khổng-tử sinh trưởng trong một xã hội cực kỳ tao loạn của thời Xuân

2- HUỲNH MINH ĐỨC dịch, Trung quốc triết học sử. Saigon, Khai-Trí, 1970, tr. 162.

Thu. Ông thuộc dòng dõi quý tộc, được học hành từ thuở nhỏ, quê quán ở nước Lỗ, miền đất được coi là nơi quy tụ văn hiến, còn trọng Lễ của nhà Chu. Do đó ông dễ có xu hướng đem đạo lý ra mà cải tạo lại xã hội mục nát đương thời.

Thời bấy giờ, ở Trung Hoa việc giáo dục chỉ dành riêng cho giai cấp quý tộc, quần chúng bình dân đều không được dạy dỗ. Khổng-tử là người đầu tiên xướng lên câu nói «Hữu giáo vô loại» (giáo hóa người, không phân biệt kẻ thiện kẻ ác) (3) và bảo rằng: «Từ người đem gói nệm đến xin học, ta chưa từng không dạy ai» (4). Như thế có nghĩa là người nào đến thọ giáo ông cũng sẵn sàng nhận dạy, không phân biệt tính tình, giai cấp, ông đã đề phá cái quan niệm giáo dục chỉ dành cho một thiểu số được ưu đãi thời bấy giờ.

Khổng-tử nhận thấy ai cũng cần phải được học hành vì «Người quân tử nhờ học đạo mà yêu người, kẻ tiểu nhân nhờ học đạo mà dễ khiến» (5). Và chính tấm lòng cứu thế tận tụy lo giáo hóa người đời, hăng hái hành đạo của ông đã khiến có lần ông bị những kẻ lánh đời ở ẩn là Trưông Thư, Kiệt Nịch chê ông là người chưa thức thời, mong thay đổi xã hội trong khi thiên hạ đều loạn lạc như nước chảy cuồn cuộn. Trước những lời chỉ trích tiêu cực đó, Khổng-tử ngậm ngùi bảo: «Loài chim, loài thú không thể cùng người ta hợp bầy. Nếu ta không thân với người thì ta thân với ai? Nếu thiên hạ có đạo, Khâu này không cần phải cải cách nữa» (6).

Theo Khổng tử, việc giáo dục là một quốc sách quan trọng, không thể bỏ qua được. Vì thế, khi đáp lời học trò là Nhiễm Hữu hỏi rằng sau khi dân

3- LN, Vệ Linh công, ch.38. (Tất cả những câu dẫn chứng lấy trong sách Luận Ngữ chúng tôi đều viết tắt là LN, rồi đến tên thiên của sách, sau cùng là chương được viết bằng số Ả Rập.)

4- LN, Thuật nhi, ch. 7

5- LN, Dương Hóa, ch. 4

6- LN, Vi Tử, ch. 6

đã đông, đã giàu rồi thì nhà cầm quyền phải làm thêm gì nữa, thì Không-tử đáp ngay: «Phải giáo dục dân» (7). Ở một vài chỗ khác, Không-tử còn cho ta thấy việc cần thiết phải giáo dục quần chúng khi ông nói rằng: «Dùng dân không được dạy dỗ ra đánh giặc, ấy gọi là bỏ dân» (8) và: «Không giáo hóa dân, để cho dân phạm tội lại giết dân, gọi là tàn ngược» (9).

Với ý nghĩ tiến bộ đó, Không-tử xứng đáng là một nhà cách mạng giáo dục trong lịch sử cổ thời Trung-quốc. Từ mấy ngàn năm trước ông đã biết đặt vấn đề giáo dục lên một tầm mức quan trọng như vậy thì quả thật ông đã làm vẻ vang cho dân tộc Trung Hoa khi so với nhiều nước khác trên thế giới cùng một thời.

### III. MỤC TIÊU CỦA GIÁO DỤC

#### 1). Học để hành, để giúp ích xã hội:

Theo Không-tử, học không phải để ôm một mớ hiểu biết rồi suốt đời không làm gì ích lợi cho tha nhân. Tư tưởng của ông thiên về đoàn thể xã hội, hướng về việc phục vụ nhân sinh, cho nên đạo Không thường được coi là một thứ triết lý hành vi, «biết» là cốt để «làm». Không-tử không chú tâm dạy cho người ta biết một nền triết học, mà cốt cho người học đạo trở thành một người hiền có đủ tài năng đức độ để ra gánh vác việc đời. Bởi vậy, Không-tử bảo rằng: «Đọc ba trăm thiên trong kinh Thi, khi được giao cho làm việc chính trị, làm không thông suốt; đi sứ ra ngoài bốn phương, không ứng đối được. Như thế dù học nhiều, dùng để làm gì?» (10).

Khi đệ tử là thầy Tử Cống hỏi: «Có hòn ngọc tốt ở đây, giấu vào rương mà cất đi chẳng hay là cầu giá cao mà bán chẳng?» Không-tử trả lời: «Bán

7- LN, Tử Lộ, ch. 9

8- LN, Tử Lộ, ch. 30

9- LN, Nghiêu viết, ch. 2

10- LN, Tử Lộ, ch. 5

đi chợ! Bán đi chợ! Nhưng ta còn đợi giá» (11). Câu đáp có vẻ đùa cợt ấy ham cái ý người đã học đạo có tài đức rồi thì không nên mai danh ẩn tính mà nên ra làm quan giúp đời, chỉ còn đợi bậc vua chúa biết giá trị mình mà mời đến thôi.

Chính vì mang cái triết lý «học là để hành», đem trí thức ra mà giúp ích cho đời, chúng ta nhận thấy Không-tử không phải là một nhà truyền giáo thuần túy chuyên việc «ngôn luận» như phần đông những nhà lãnh đạo tinh thần khác. Năm mươi tuổi ông có ra tham chính một lần, nhưng do âm mưu bất chính của giai cấp cầm quyền lúc bấy giờ, ông không thể thi hành nền đạo lý trọng nhân bản của mình được, đành phải rút lui khỏi chính trường. Nhưng sau đó, mười mấy năm liên tiếp ông vẫn không từ bỏ cái mộng dùng tài đức mình để cải tạo xã hội, ông lê gót chơn từ miền này sang miền khác, không nề tuổi cao sức yếu, với hy vọng gặp một bậc minh quân giúp ông thực hiện cái lý tưởng cứu đời, đến lúc chết vẫn còn ân hận không đem đạo ra thi hành với đời được. Ông từng bảo rằng: «Kẻ sĩ mà nghĩ đến việc ở cho được an nhàn, chưa đủ làm kẻ sĩ vậy» (12). Chỉ câu nói đó đủ biểu lộ tư tưởng của một người có quan niệm là kẻ sĩ, kẻ có học, nếu chỉ muốn sống an nhàn, không dám chịu khổ cực làm những việc giúp đời thì không đáng gọi là kẻ sĩ nữa.

2) Học là tự tu dưỡng để hoàn thành nhơn cách, để trở thành bậc «quân tử, đạt «nhân»:

Đạo Không vốn trọng nhơn bản, lấy việc tu tâm sửa tánh làm điều cốt yếu, cho con người cần phải «sửa mình để làm yên trăm họ» (13). Vì thế, trong việc giáo dục Không-tử đặc biệt chú ý đến vấn đề đức-dục, đặt lên trên vấn đề trí dục, ông nói rằng: «Kẻ đệ tử, khi vào thì hiểu thảo với cha

11- LN, Tử Hân, ch. 12

12- LN, Hiến vấn, ch. 3

13- LN, Hiến vấn, ch. 45

me, khi ra thì kính nhường bậc huynh trưởng, cầu thật mà tin thật, yêu khắp mọi người mà thân với người nhân, làm những việc ấy rồi mà còn dư sức thì hãy học văn chương lục nghệ' (14).

Theo trong sách Luận Ngữ, Khổng-tử thường dạy học trò bốn điều là: văn-chương, đức hạnh, trung trực, tin thật. (15). Trong bốn điều ấy, ba điều sau ai cũng thấy rõ là thuộc phạm vi đào luyện đức hạnh con người, còn điều thứ nhất tuy nói là văn-chương nhưng tựu trung cũng không xa với đạo đức. Bởi lẽ chữ «văn chương» mà Khổng-tử giảng dạy không phải là thứ văn chương mà người ta thường học ở thế kỷ thứ hai mươi này, văn chương ở đây tức là «tiên vương chi di văn» (16). Đó là lời nói của những bậc hiền như vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Vũ, vua Thang, vua Văn, vua Võ đời trước còn lưu lại mà Khổng-tử cho là đầy đầy tình nhân ái, cần phải đem ra dạy học trò noi theo để tu dưỡng như cách làm người.

Đọc suốt bộ Luận Ngữ, rải rác khắp cả hai mươi chương sách, chúng ta thấy có rất nhiều câu chứng tỏ Khổng-tử là một nhà giáo dục đặc biệt chú trọng nhiều đến hành vi đạo đức, điều mà tất cả các bậc thầy ngày nay đều nhận chân là điểm chính yếu tối cần hơn hết khi ta muốn đào tạo một con người có giá trị xứng đáng. Chỉ cần đọc vài câu sau đây, chúng ta cũng nhận thấy ngay Khổng-tử đề cao phần tinh thần, không hề lấy những thứ lợi lộc vật chất làm lý tưởng của kẻ sĩ: «Kẻ sĩ đề chí vào đạo lý, mà còn hổ thẹn vì mặc áo xấu, ăn cực khổ, thì chưa đủ để cùng bàn đạo lý vậy» (17) «Giàu cùng sang, người ta ai cũng muốn, nhưng chẳng đúng với đạo lý mà được giàu sang, thì chẳng ở cảnh ấy. Nghèo cùng hèn, người ta ai cũng ghét, nhưng đúng với đạo lý mà bị nghèo hèn, thì chẳng bỏ cảnh ấy» (18).

14- LN, Học nhi, ch. 6

15- LN, Thuật nhi, ch. 24

16- Văn chương của các vua đời trước để lại.

17- LN; Lý nhân, ch. 9

18- LN, Lý nhân, ch. 5

«Ăn cơm thô, uống nước lã, co cánh tay mà gối đầu, cũng có sự vui ở trong lòng. Bất nghĩa mà được giàu sang, đối với ta như đám mây nổi» (19).

Với quan niệm học vấn là để hoàn thành nhưn cách, Khổng-tử không thừa nhận người học trò nào của ông làm việc thất nhân tâm. Do đó chúng ta sẽ không lấy làm lạ khi thầy Nhiễm Cầu thu nhật thuế khóa của dân nghèo giúp cho họ Quý là quan Khanh của một nước chư hầu đã giàu lại càng giàu thêm, thì Khổng-tử thẳng thắn nói với các môn đệ rằng: «Trò Cầu không phải học trò ta, các trò hãy đánh trống mà kẻ tội là phải vậy». (20). Và một khi học không phải là để khoe khoang, để cầu danh, học để tự tu tự tiến thì có cần cho ai biết đến mình: «Người quân tử buồn vì mình không đủ tài đức, chứ chẳng buồn vì người ta chẳng biết mình» (21); «Người đời xưa học vì mình, người đời nay học vì người» (22).

Muốn cho triết lý giáo dục không còn trừu tượng, chỉ toàn là những lý thuyết xa vời, không gì bằng tạo nên một mẫu người đức hạnh, quy tụ một số những đặc tính tiêu biểu để cho kẻ đi học lấy đó làm tiêu chuẩn cố gắng đạt đến cho kỳ được. Ở bên Anh từ lâu dân chúng vốn coi trọng mẫu người «tao nhã» (gentleman), và Keyserling đã cho rằng chính nhờ muốn trở thành mẫu người lý tưởng ấy mà dân Anh tiến mau hơn các dân tộc khác ở Âu châu (23). Còn ở Trung Hoa, mẫu người có lý tưởng mà Khổng-tử muốn môn sinh ông cố gắng thể hiện cho kỳ được đó là mẫu người quân tử. Do đó có người cho rằng nền giáo dục của Khổng-tử còn có thể gọi là nền «giáo dục để tạo nên người quân tử» (24).

19- LN, Thuật nhi, ch 15

20- LN, Tiên tiến, ch. 16

21- LN, Vệ Linh công, ch. 18

22- LN, Hiến Văn, ch. 25

23- MAURICE BOUCHOR, Philosophie de Keyserling. Paris, Editions Rieder, 1927, p. 146.

24- TRẦN ĐẠI TẾ, Khổng tử học thuyết. Đài Loan, Chính Trung thư cục, 1964, sơ bản, tr. 273

Trong sách Luận Ngữ, hai chữ «quân tử» được nói đến rất nhiều, và hành vi người quân tử thường được gắn liền với chữ «Nhân». Trong 58 chương sách bàn về chữ «Nhân», người ta thấy chữ này được nhắc đi nhắc lại đến 108 lần. Chúng ta có thể nói là ai mà không hiểu được thế nào là người «quân tử» và nhất là ý nghĩa chữ «Nhân» thì chưa nắm vững được tư tưởng của Khổng-tử.

Vậy thế nào mới là người «quân tử» và sao gọi là «Nhân»? Vì không muốn dài dòng, chúng tôi xin tóm lược những nét quan yếu để chúng ta có một ý niệm đại cương về mẫu người mà nền giáo dục lý tưởng của Khổng-tử mong đạt đến.

Ở Trung Hoa cổ thời, chữ quân tử là nói người có địa vị, ở giai cấp cai trị. Về sau, chữ quân tử được hiểu rộng ra là người có đức hạnh, có nết cách cao quý. Theo lời Khổng-tử, người quân tử cần phải hội đủ ba đức tính căn bản là nhân, trí, dũng: «Đạo của người quân tử có ba điều, ta không hay làm được! Người nhân không lo buồn, người trí không nghi hoặc, người dũng không sợ hãi» (26). Theo thứ tự câu nói đó, ta thấy Khổng-tử đặt chữ Nhân lên trên hết, ý hân ông coi đức nhân là quan trọng hơn tất cả trong ba đức của người quân tử. Vì vậy có lúc Khổng-tử bảo rằng: «Quân tử mà bất nhân, có vậy chăng?» (26); «Người quân tử mà bỏ điều nhân, thì ôi thôi sao thành danh được» (27). Rồi một khi người ta muốn không có lòng bất nhân thì dĩ nhiên bao giờ cũng cần phải lo trau dồi đạo đức, cho nên Khổng-tử lại bảo: «Người quân tử để tâm về đạo đức» (28) và «Người quân tử mưu cầu về đạo, không mưu cầu về ăn... Người quân tử lo về đạo, không lo về nghèo» (29).

25- LN, Hiên văn, ch 30

26- LN, Hiên văn, ch. 7

27- LN, Lý nhân, ch. 5

28- LN, Lý nhân, ch. 11

29- LN, Vệ Linh công, ch. 31

Nói tóm lại, ta có thể tạm hiểu quân tử là người có đầy đủ lòng nhân ái, mến chuộng đạo đức, có trí hiểu biết sáng suốt xa rộng và có đủ can đảm hành động theo lẽ phải. Sở dĩ gọi «tạm hiểu», là vì thật ra theo trong sách Luận Ngữ, chúng ta thấy Khổng-tử đã nêu lên biết bao là tiêu chuẩn để hoàn thành người quân tử, mỗi người học trò hỏi về hai chữ đó thì Khổng-tử đáp mỗi khác, khó có thể xếp thành một hệ thống hẳn hoi. Vì thế, ba điểm trên chỉ nên coi là ba điểm căn bản mà thôi.

Về chữ «Nhân», ý nghĩa nó lại càng sâu xa hơn nữa. Phan Bội Châu đã xác nhận tầm quan trọng của chữ ấy như vậy: «Thiệt là ngoài chữ «nhân» ra không còn gì là Khổng-học, mà phạm vi của Khổng-học cũng chỉ tóm vào trong chữ «Nhân» (30). Và cũng như chữ quân tử, ý nghĩa chữ «Nhân» được Khổng-tử giải đáp cho mỗi môn sinh một khác, vì thế muốn tóm cho hết ý chữ Nhân không phải là dễ.

Chữ Nhân là trung tâm tư tưởng đạo đức của Khổng-tử, cho nên chúng ta có thể nói nhân sinh quan của Khổng-học là nhân sinh quan «hành nhân», suốt đời con người không một giây phút nào có thể làm trái với đạo Nhân được: «Người quân tử trong khoảng ăn bữa cơm cũng không bao giờ sai điều nhân, dầu có lúc vội vàng, có lúc giữa nghiêng cũng vậy» (31). Sở dĩ không thể xa rời đạo Nhân được vì bản thể của đạo Nhân chính là lòng «yêu người», bắt đầu từ lòng thương yêu người thân (cha, mẹ, vợ, con...) rồi lan rộng ra tất cả mọi người trong vũ trụ. Nội dung của chữ Nhân thật rộng rãi bao la, căn cứ vào những lời bàn về chữ Nhân trong Luận Ngữ, thì đạo Nhân bao gồm hết cả mọi đức tốt của con người là Hiếu, Trung, Dũng, Trí, Lễ và Cung, Khoan, Tín, Mẫn, Huệ. Do đó Hồ Thích khi bàn về chữ Nhân của Khổng-học có nói rằng: «Nhân là một đạo lý tưởng. Bần phận làm người cần phải tận nhân đạo. Tận được nhân đạo tức là người có nhân vậy» (32).

30- Khổng học đấng, Huế, Anh Minh, 1957, tr. 76.

31- LN, Lý nhân, ch. 5

32- HUYNH MINH ĐỨC dịch. Op. Cit., tr 237



Vì phạm vi bài này không cần phải bàn giải nhiều về ý nghĩa của chữ Nhân, cho nên chúng tôi xin phép được kết luận rằng : Không-tử dùng người «quân tử» làm một tiêu chuẩn cho phẩm hạnh con người, và con người chỉ xứng đáng gọi là «quân tử» khi đã thực hành trọn vẹn đạo «Nhân». Mà muốn trọn đạo Nhân thì phải sống đúng theo đạo lý con người, cha làm trọn đạo cha, con làm trọn đạo con, vua làm trọn đạo vua, tôi làm trọn đạo tôi, ai ai cũng có bổn phận đối với mình và kẻ khác, phải tự cường và ái nhân, không ai được tự do sống ích kỷ rời xa tình bác ái từ người thân đến kẻ sơ. Hoặc ta có thể hiểu theo Lương Khải Siêu là : « Không-tử đã dùng một chữ trừu tượng để biểu hiện cái nhân cách là chữ «Nhân» và dùng cái danh từ cụ thể nữa để biểu hiện thêm, tức là hai chữ «quân tử» (33). Mục tiêu giáo dục của Không-tử chính yếu là muốn đào tạo nên những con người đạo đức kiểu mẫu như thế mà thôi.

3) Học là để tăng tiến trí thức, thấu đạt chân lý :

Ngoài việc học để giúp đời, để hoàn thành nhơn cách, giáo dục theo Không-tử còn có mục đích là khai sáng trí tuệ, giúp cho người ta thêm kiến thức để thấu hiểu đạo lý. Không-tử nói rằng : « Người ham đức Nhân mà không ham học hỏi, gặp điều che lấp là ngu muội. Ham đức Trí mà không ham học hỏi, gặp điều che lấp là phóng đãng. Ham đức Tín mà không ham học hỏi, gặp điều che lấp là tổn hại. Ham đức Trực mà không ham học hỏi, gặp điều che lấp là nóng nảy. Ham đức Dũng mà không ham học hỏi, gặp điều che lấp là phản loạn. Ham đức Cường mà không ham học hỏi, gặp điều che lấp là cưỡng bạo » (34). Như vậy muốn thực hành những đức như Nhân, Trí, Tín, Trực, Dũng, Cường cho đúng đạo lý, con người cần phải khai sáng trí thức mình bằng sự học trước đã.

33- KẾ HẠ dịch, Thân thế, Thời đại và Học thuyết Không tử, Minh Tân, nguyệt san số 99, 25.10.1962, tr. 12

34- LN, Dương Hóa, ch. 8

Học cốt là giúp cho người ta suy nghĩ, hiểu biết được chính xác, đầy đủ. Nghe nhiều, thấy nhiều, mà không học, thì rốt cuộc cũng chỉ là cái « biết ở bậc dưới », chưa thật sự hiểu biết. Việc học được coi là việc dự bị cho mọi suy tư của con người. Bởi vậy Không-tử đã từng bảo : « Suy nghĩ viễn vông mà không học thì nguy hại » (35).

(còn tiếp)

35- LN, Vi chính, ch. 15.

## LỊCH SỬ QUYỀN SÁCH

I

Theo Charles Samaran, giáo-sư tại Quốc-gia Cờ-tự đại-học hiệu ở Ba-lê (Chartes), nếu người ta hiểu theo nghĩa rộng và bỏ qua tất cả những vật-liệu dùng để chế-tạo, những hình-thức, và những vấn-đề chuyên-môn đặc-biệt, thì sách là yếu-tố chính-yếu của nền văn-minh với tính-cách là phương-tiện truyền-cảm của tư-tưởng được viết trên giấy và chứng tỏ sự tồn-tại của một xã-hội có trật-tự, được trau giồi về văn-hóa, khoa-học và nghệ-thuật, ưa thích tăng-gia vô số kiến-thức bằng cách đọc sách, suy nghĩ học-hỏi và muốn truyền lại di-sản ấy cho những thế-hệ kế-tiếp. Người ta không thể gán cho sách một ngày sinh hay một nơi sinh nào: không có gì có thể ngăn cản quyền sách xuất-hiện cùng một lúc ở nhiều miền trên thế-giới như là kết-quả thú-vị nhất của những nền văn-minh vừa đến lúc trưởng-thành. Dầu sao, sách cũng có một lịch-sử lâu dài hàng nhiều ngàn năm và những cuộc đào bới cổ-vật có lẽ cũng chưa đi được đến một kết-luận về tính-cách cổ-truyền của nó. Trên dòng lịch-sử này, tùy theo thời-gian và quốc-gia, sách đã trải qua những nỗi thăng-trầm riêng biệt cho những sự-vật của người đời. Tuy nhiên, sách không có gì thay đổi trong tính-chất cũng như trong những cấu-cánh của nó nhưng chỉ thay đổi trong những khả-năng chế-tạo nhanh chóng ra nó, rồi để gia-tăng và phổ-biến.

II

Cổ-sử học cho ta biết rằng dân-tộc Assyrie và Babylonie (hai nước này thuộc về Tây-Á nay đã bị tiêu-diệt) bắt đầu dùng cây dùi nhỏ khắc vào những miếng đất sét, bản gỗ, bản ngà trên có một lớp sáp ong che phủ, những điều mà họ muốn ghi chép. Sau đến người Ai-cập là những người đầu tiên biết

dùng mực viết lên trên một chất mềm, cầm được gọi là chi-thảo (papyrus), Chi-thảo lấy tên ở một loại cây lau tên là «Papyrus» mọc ở hạ lưu sông Nil bên Ai-cập. Cây lau này cao chừng 2 thước hay 2th50. Người ta rọc nó ra làm nhiều mảnh thật mỏng, đặt một lượt ngang rồi lại một lượt dọc, sát nhau ở trên một tấm ván nghiêng, lấy nước sông Nil rấp lên trên. Người ta rấp nước để cho các mảnh đó dính liền với nhau rồi cứ để thế phơi nắng, khi nào khô, lấy miếng đá bọt (pierre ponce) chuốt một lượt cho nhẵn: thế là thành chi-thảo. Muốn viết hay ghi điều chi, người ta vạch bằng cây dùi nhọn (style) lên chi-thảo và chỉ vạch trên một mặt thôi, rồi quấn vào một cái lõi bằng cây bá-hương (cèdre) thuộc loại tùng bách (conifères) hay bằng ngà tùy theo sự quan-trọng của bản văn. Khi cần dở ra đọc, người ta cứ việc cầm cuộn ấy bằng tay mặt, rồi lấy tay trái kéo ra. Trên thực-tế, cái hình-thức cuộn này gây khó khăn cho người đọc. Mỗi lúc người ta chỉ có thể có được ở trước mắt một đoạn bản văn và sau hết một khi đã mở ra rồi thì phải hoàn toàn cuộn ngược lại mới tìm thấy đầu bản. Bởi vậy, người ta hiểu ngay khi thấy người Hy-lạp và người La-mã tìm cách phổ biến tư tưởng bằng cách đọc trước công chúng hơn là lối đọc cá nhân.

Trên đây là thời kỳ sơ khởi. Mặc dầu hơn hẳn vỏ cây, gỗ cây và Cốt sét, chi thảo cũng vẫn là một vật liệu bất đắc dĩ phải dùng. Sau khi bước sang kỷ nguyên Thiên-Chúa, nó phải nhường chỗ cho một vật liệu chưa từng được biết đến và có thể đưa lịch sử quyền sách vào những con đường không thể ngờ đến được. Vật liệu ấy mới là thứ giấy da «parchemin». Thứ này lấy tên ở tỉnh «Pergame» (ngày nay : Bergama) bên Tây-Á. Tại tỉnh này, sự dùng «parchemin» thịnh hành nhất thời bấy giờ (chữ la-tinh «pergamens» sang tiếng Pháp hóa ra «parchemin»). Vì các ông hoàng Ai-cập cấm xuất bản loại chi thảo nên thứ «parchemin» được phát triển mạnh mẽ. «Parchemin» là gì? Là thứ da dê, da bò hay da cừu không thuộc, chỉ cạo nhẵn rồi ngâm đi cho mềm. Thứ này hơn chi thảo «papyrus» về diêm dai hơn và bền hơn, lại viết được cả hai mặt; đem rửa đi hoặc chùi đi, da có thể dùng đi dùng lại được nhiều lần.

Vì da nhẵn hơn chỉ-thảo nhiều nên người ta có thể dùng ngòi viết lông ngỗng hay lông chim khác lớn để chấm mực rồi viết. Mực thời ấy là thứ bột khối (no. de fumée) trộn với nước lã và hồ. Mãi đến thế-kỷ thứ 12, người ta mới biết dùng mực chế bằng sul-fat sắt ( $SO_4 Fe$ ) và ngũ-bội-từ (noix de galle). Như vậy, da chứa đựng được nhiều bản văn và mất ít chỗ hơn chỉ-thảo. Sau hết, da rất dễ cắt thành từng miếng khuôn khổ giống nhau, để đóng lại thành tập, dễ sắp những tập này thành sách hình vuông hay hình chữ nhật tùy theo khuôn khổ thuận tiện, dễ dàng tra-cứu, mở ra, gấp lại và trở trang không khó khăn gì. Từ bấy giờ, hình-thức lý-tưởng của sách đã được tìm ra và đó cũng là hình-thức vẫn còn làm hải lòng chúng ta.

Bên Á-Châu, về đời thượng-cổ, muốn ghi chép một việc gì xảy ra, người ta lấy một đồ nhọn bằng kim-khí vạch vào những tấm thẻ bằng tre xanh. Ai đã đọc qua truyện Kiều đều nhớ câu:

*Cáo (kiều) thom lằn gờ trước đèn,  
"Phong-tinh cò-lục" còn truyền sử xanh.*

Vậy sử xanh là gì? Là thanh-sử theo chữ nhỏ, tức là sử viết trên mảnh tre xanh. Mặc-Địch mỗi khi dọn nhà đã phải dùng tới hàng chục chiếc xe để chở «thư-viện» của mình gồm toàn những phiến tre lớn nhỏ... Sau thời-kỳ này, Trịnh-Điêu nghĩ ra cách lấy cây bút chấm sơn đen rồi viết trên vải lụa thay thế tre xanh. Viết trên vải lụa không được đẹp, dễ dơ bẩn nhưng thông-dụng vì viết được mau. Sau có Đại-tướng Mông-Điêm, đời vua Tần-Thủy-Hoàng, khi sang dẹp giặc Hung-Nô thấy họ dùng bút lông thỏ chấm mực mà viết, lúc trở về bắt chước rồi truyền-bá trong dân-gian, lấy gỗ thác làm cán, lông hươu làm cốt, lông dê làm lượt bao ngoài. Cây bút lông mới có thể chạy nhanh và vì thế thành ra có lợi, còn muốn ghi chép lại một bài kinh hay một bản văn, người ta cũng chỉ có cách chép tay. Song lối này mất nhiều thời giờ quá mà về lượng thì không đáng kể, nên người ta thấy một tấm gỗ thật nhẵn, khắc nổi vào đó một bài kinh hay một bài văn, quét lên trên một lượt mực, lấy một

tờ giấy mỏng áp mạnh vào, làm như thế người ta được một bản in ra được những chữ đã khắc. Lối này hiện còn thịnh-hành ở các đình chùa. Nhưng muốn làm một quyển sách thì phương-pháp đó bất tiện vì những lý do sau đây:

1. Những tấm bằng gỗ chóng mòn; sau một thời-gian sử-dụng lại phải khắc bản khác.
2. Những tấm gỗ khắc chỉ dùng để in một quyển nào nhất định vì những chữ không thay đổi hay di-động được.
3. Nhờ có sự làm-lần không thể sửa được, phải bỏ cả bản ấy đi.
4. Chỉ in ra được những bản ngắn; nếu muốn in một quyển sách có nhiều trang phải khắc một số bản tương đương rất tốn kém.

Đến thế-kỷ thứ 15, người ta mới nghĩ ra cách dùng những chữ rời, di-động (caractères mobiles) bằng cây, xếp lại thành câu rồi in sách. Vì thế, khi nước Trung-hoa in quyền tự-diện Khang-hi đầu tiên đã phải dùng tới 250 ngàn chữ di-động. Người ta lại tìm thấy ở Cao-ly những sách in vào đầu thế kỷ thứ 15 bằng những chữ di-động. Phần nhiều những sách làm theo phương-pháp cổ-xưa là những sách truyền-bá tôn-giáo, như gần đây người ta mới tìm thấy dưới chân một ngôi đền ở Văn-nam hơn 3 ngàn quyển sách viết bằng chữ Phạn và chữ Trung-hoa; các sách này được chép từ cuối đời Đường (thế-kỷ thứ 9) cho tới đầu đời Minh (thế-kỷ thứ 14). Biết đâu chẳng phải các nhà du-lich thời ấy qua thăm Á-châu khi trở về Âu-châu đã đem các nhận-xét về lối chữ di-động truyền-bá trong dân-gian, làm cho các người có óc sáng-khí nghĩ thêm đến vấn-đề này rồi từ đó đến thời-kỳ tìm ra lối in cũng chẳng xa.

Khoảng giữa thế-kỷ 15, lần đầu tiên ở Âu-châu, có một người Đức tên là Jean Gutenberg nghĩ ra cách đúc chữ rời xếp lại để in sách và đã đưa nghề in tiến được một bước vững-vàng. Từ khi có sự phát-minh của Gutenberg, nhiều hơn gấp bội. Phong-trào phục-hưng văn-nghệ ở Ý vào thế kỷ 15, ở

Pháp vào thế-kỷ 16, cũng nhờ thế mà được phát-động, thúc đẩy phát-triển. Những tư-tưởng cổ La-Hi được phổ-biến rộng rãi. Từ người giàu đến người nghèo, từ tầng lớp quý-phái đến giới bình-dân, người ta được làm quen với Platon, Aristote, Epicure... và cũng từ đó, việc soạn sách, làm thợ, viết truyện mới trở nên một nghề thực-sự.

Nhưng những người in sách vẫn chưa thực-hiện được những số-lượng lớn. Mãi đến thế-kỷ 19, với việc phát-minh lối đúc toàn bản (stéréotypie) với việc áp-dụng động lực (hơi nước, rồi điện khí) vào các máy in - từ nay được làm bằng kim-khí chứ không phải bằng gỗ như trước nữa - ngành ấn-loạt mới thấy có những khả-năng hầu như không bị hạn-chế. Hầu hết ở khắp nơi, việc sắp chữ bằng tay phải lùi bước trước những tiến-bộ của ngành máy móc ; một mặt, chỉ với một chiếc máy người ta có thể sắp chữ và đúc chữ (monotype, linotype), mặt khác, người ta có thể in một lúc được cả hai mặt tờ giấy.

Có sáng-chế ra lối in hiện nay thì ta mới ghi được những thắng-lợi trên lịch-trình tiến-hóa của quyền sách. Sách có phát-triển mạnh thì thư-viện mới bành-trướng nhanh được. Nhưng có phải đâu sự biết dùng chữ di-động, sự sáng-chế ra lối in đã hoàn tất được một quyền sách ? Ta phải xem thứ giấy da « parchemin » đã đủ tiện lợi chưa ? Thứ này tuy hơn thứ chỉ, thảo được vài điểm song vẫn còn rất thô-sơ, vừa dày, vừa choán nhiều chỗ, rất bất tiện trong lúc chuyên-vận... Ngoài ra, các chữ viết bằng bút lông lại khi bị nhoà, khi bị phai, không rõ khiến người đọc mất nhiều công mà vẫn nhầm, thành thử cách làm giấy một khi được phát-minh thì chiếm ngay phần ưu-thắng. Theo tự-điền bách-khoa Pháp, phương-pháp làm giấy là do một công-chức cao cấp Trung-hoa tên là Thái-Luận (Tsai Loun) làm thái-giám đời Hậu-hán tìm ra vào năm 105 sau Tây kỷ-nguyên. Vì các thanh tre thì nặng, các bản lụa thì đắt nên người ta nghĩ đến lối dùng những lưới câu bằng vải sợi đã nát. Muốn vậy, cần ngâm lẫn-lộn các thứ vỏ cây, gai, dẻ rách và lưới rách thành một thứ bột ; nếu chưa được nát, phải lấy chày hay vò đập nát ra.

rồi hồ bằng một chất keo. Người thợ xúc một ít bột ấy bằng một cái rây (tamis) hình chữ nhật, lắc đi lắc lại nhiều lần vừa để sàng đều bột đó khắp mặt rây thành một lượt mỏng để vớt hết nước. Khi đã sàng đều rồi, người ta đổ bột ấy ra ép cho thật hết nước sau đó đổ vào keo một lần nữa, đúng xong lại đem ép cho hết hồ hay keo rồi bảy giờ đem phơi và chờ sau nhiều giờ. Cái rây (tamis) nói trên là một cái khung dập theo hình tờ giấy, chỉ một người cầm mà lắc bằng hai tay nên cái khung ấy không to lắm hoặc 23x35cm hoặc 50x70cm là cùng. Bảy giờ, người ta còn nghe thấy tên gọi các loại giấy « Papier raisin » hay « Papier couronne », là theo các hình chim ở trong tờ giấy khi soi lên (filigrane), mỗi một hình chim ấy phù-hợp với một khổ giấy riêng của một nhà làm giấy. Người ta phỏng đoán rằng một ngày kia, một vật-liệu mới sẽ lại thay thế giấy, cũng như giấy đã thay thế da và da đã thay thế chỉ-thảo.

### III

Tại Việt-Nam, ta học chữ Hán từ đời nội-thuộc nhà Đông-Hán (vào khoảng một hai trăm năm trước Tây-lịch), thế mà đến thế-kỷ thứ 15 vẫn không biết nghề khắc bản in là gì.

Nhất thiết kinh truyện và sách vở gì cần cho sự học ta đều phải mua của người Tàu in sẵn bên nước họ đem qua. Kỳ thật, họ phát-minh nghề làm giấy từ đời Hán, và nghề in đến đời Đường, Tống cũng đã mở mang tiến-bộ ; nhưng họ vẫn giữ bí-truyền để in sách bán cho những nước đồng văn như nước ta.

Những ai không mua kinh sử Tàu thì cũng phải mua giấy của Tàu bán để chép sách truyền nhau mà học. Thuở ấy, danh nho nước ta làm ra sách gì cũng chỉ sao viết được bằng tay, cắt làm gia-báo, dù muốn in ra để truyền-bá cho đời cũng chẳng được.

Vì thế, cuối đời Trần suy yếu, tướng nhà Minh là Trương-Trung sang thu thập hết cả cổ kim thư phẩm chở về Kim-lăng tiêu hủy khiến chúng ta mất rất nhiều sách quý mà nhân-tài hai triều Lý, Trần đã biên soạn.

Phải chi thời đó, ta có bản in thì đâu đến nổi. Đã chưa biết nghề in lại thiếu cả ông lão có tài nhỏ giỏi như Phục-sinh (Tân-Thủy-Hoàng đốt kinh sách bách gia và chôn sống 160 nho sinh ở Hàm-dương. Sau nhờ Phục-sinh ngoài 90 tuổi, mắt đã loà, đọc cho con gái chép lại) thành ra ngày nay không còn thấy quyển nào nữa.

Sau khi giết chết học thuật của ta, vua Minh sai đem kinh truyện theo Chu-tử chú-thích và bộ «Kinh lý đại toàn» qua truyền bá ở nước Nam, buộc dân phải học, không được dùng bản nào khác hơn. Sự thực, thuở ấy, ngoài sách Tàu đưa sang, ta có bản nào khác hơn mà dùng.

Cũng may, thời-kỳ thuộc Minh chỉ có 14 năm (1414-1427), song cái di hại về việc học có thể còn mãi nếu ta không biết tự chế bản in. Nhà Lê dấy nghiệp, tìm lại từ sách Lý, Trần thì thấy một tờ giấy lộn cũng chẳng còn; mà kinh truyện, sách vở, dân gian cần học nhất nhất phải trông cậy ở những nhà xuất-bản bên Tàu. Người đầu tiên nghĩ đến nghề in là một nhà nho học ở thế-kỷ thứ 15, Lương-như-Hộc.

Lương-như-Hộc tự là Tường-Phủ, người xã Hồng-liều, huyện Trường-tân, sau đổi là xã Thanh-liều, huyện Gia-lộc, tỉnh Hải-dương, đậu Thám-hoa năm Lê-thái-Tôn thứ 3 (1442) làm quan đến Đô-ngự-sứ, sang sứ Tàu hai lần: vào năm 1443 và 1459, thọ được 82 tuổi. Theo sách Hải-dương chí-lược của Ngô-thời-Si thì Lương-như-Hộc là người đầu tiên đem nghề in mộc-bản ở bên Trung-hoa về nước ta: các làng làm nghề ấy như làng Liễu-tràng (huyện Gia-lộc) vẫn thờ ông làm tiên-sư.

Tuy nhiên, vì việc in mộc-bản tốn công phu, việc in sách vẫn khó khăn, và nghề in vì vậy không phát-đạt. Đến thế-kỷ 18, năm Giáp-dần 1734, đời vua Lê-Thuận-Tôn, mới có một quyết-định hợp thời thúc đẩy nghề in. Năm đó, Trịnh-Giang ra lệnh cấm mua sách của Trung-hoa, và bắt dân phải mua sách in tại Việt-Nam.

Nhưng ở Việt-Nam cũng như ở Trung-hoa, chữ dùng vẫn là thứ chữ

tượng hình—chữ Hán hoặc chữ Nôm, một thứ chữ phỏng ở chữ Hán ra—nên việc đúc chữ rồi vẫn không thể thực-hiện. Nghề in vẫn tri-trệ trong tình-trạng một tiêu công-nghe. Việc sáng-tác văn-chương vẫn chỉ là một công việc trả dư thừa của một số nho-gia.

Phải chờ đến khi quốc-ngữ ra đời..., những cuốn sách in bằng chữ quốc-ngữ được xuất bản, việc viết sách mới trở nên phần-thịnh, nghề in mới bước những bước tiến lớn lao... Từ những bộ sách đầu tiên—những cuốn sách của giáo-sĩ Alexandre de Rhodes in tại nhà in của hội Truyền-giáo La mã đến những bộ sách của Trương-vinh-Ký, Huỳnh-tĩnh-Cửa, đến những cuốn sách đẹp hồi tiền-chiến... rồi đến những cuốn sách mỹ-thuật, in theo những phương-pháp tối-tân offset, nghề in ở Việt-Nam sẽ còn tiến nữa vì kỹ-thuật ấn-loát tiến-triển không ngừng.. Và song song với những bước tiến kỹ-thuật của nghề in, nền văn-học của chúng ta cũng đã đột-giải-đoạn mà trở nên phong-phú, vượt những tủ sách, thư-viện của thiếu-số đề phò-cập tới quảng-dại quần-chúng, từ thành-thị cho đến thôn-quê hẻo lánh...

Nhưng biết nghề khắc bản, mà giấy vẫn phải mua của Tàu, không tự chế ra được, thời văn-đề truyền-bá học-thuật kể như là mới giải-quyết được có một nửa. Vậy sự thiết yếu là làm cách nào người mình phải biết chế-tạo giấy nữa mới được. Người có ý nghĩ quả quyết ấy là Chúa Trịnh-Cần (1682-1709).

Hồi đó, hai họ Trịnh Nguyễn đã lấy sông Gianh (tức Linh-giang ở Quảng-bình) chia ra bờ cõi Nam-hà Bắc-hà; rồi ai yên phận nấy, Trịnh-Cần mới lên nối nghiệp cha, lo nghĩ về việc văn-hóa. Theo đó, ông nhất định mở nghề làm giấy ở nước ta. Nghề này, người Tàu cũng giữ bí-truyền; ta lại phải dùng mẹo ăn cắp nghề của họ. Mấy năm đầu triều Hy-tông, nước ta có chiếu việc sai sứ đi lại giao-thiệp với nhà Mãn-thanh. Chúa Trịnh, nhân cơ hội này, bèn chọn một số thanh-niên đứng đắn, có chí, cấp cho tiền bạc và dặn bảo cơ mưu rồi cho đi trà-trộn vào đám sứ bộ sang Tàu. Họ vàng mặt-chi Chúa Trịnh khi sang tới đất Tàu thì bỏ sứ-bộ trốn đi, tùy-tiện tìm cách

học lấy nghề làm giấy cho thành thuộc rồi trở về nước. Sở định của Khang-vương Trịnh-Căn được thành-tựu mỹ-mãn. Bốn thanh-niên lần mò đến vùng Phiền-ngung, Nam-hải, chịu khó làm thuê ở mượn cho mấy nhà chuyên-môn làm giấy trải 3, 4 năm, học được tất cả bí-thuật của người Tàu rồi tìm đường trở về quê nhà. Khang-vương mừng rỡ, thưởng công mỗi người rất hậu, và chọn ngay phường Yên-thái, mở xưởng làm giấy, lại sai họ đứng trông nom, truyền nghề cho dân sở tại.

Kỹ-nghệ giấy của xứ ta khởi sự từ đây. Bảy tám làng ở quanh vùng Bưởi (Yên-thái, Hồ-khâu, Đông-xá, Nghĩa-đô, v.v...) gần Hà-nội, chuyên nghề làm giấy bản và hình như độc quyền suốt từ thế-kỷ thứ 17 đến giờ. Mặc dầu Hán học suy đồi, nghề làm giấy bản vẫn còn thịnh, và những nhà sản-xuất khéo chế biến để giấy bản được dùng vào các việc khác nữa.

Tuy nghề khắc bản in và nghề chế-tạo giấy được mở mang trong xứ, nhiều người vẫn sinh mua kính truyện xuất-bản bên Tàu. Chúa Trịnh-giang nóng lòng ích nước lợi dân bèn ra lệnh cấm. Sử chép rằng năm Giáp-dần (1731) triều Lê-Thuận-Tông, Chúa Trịnh Giang thấy dân đua nhau mua Tứ-thư, Ngũ-kinh của Tàu, bèn sai khắc bản in để in sách học phát cho dân và đồng thời cấm chỉ mua sách in bên Tàu đem sang.

Tóm lại, trong 900 năm phải thấn phục Trung quốc, các nhà ngoại-giao ta đã đem về gieo trồng ở đất nước nhà hai nghề khắc bản in và làm giấy, có ích lợi cho nền văn-hóa và ngành thư-viện Việt-Nam.

Những tiến-bộ không ngừng của sách làm cho ta tưởng rằng sách sẽ làm đảo lộn sinh-hoạt thư-viện trong các năm tới vì sách có liên-hệ trực-tiếp với thư-viện. Cách đây vài năm, một vị quản-thủ thư-viện Hoa-kỳ, khi tự hỏi về tương-lai của sách, đã trông thấy trong viễn-tượng người độc-giả của những năm cuối cùng về thế-kỷ thứ 20, sau khi ngồi vãn bản ở phòng đọc sách, có thể trong một vài giây đồng hồ, nhờ các vi-bản (microcopies) điều-khiển bằng nút bấm điện-tử, thấu-thập được ngay cả mọi thứ tài-liệu chọn-lọc cần thiết cho sự tham-khảo của họ.

Tuy vậy, sự tương-tượng trào-phúng này không thể làm cho ta nghĩ rằng sự-kiện trên có ảnh-hưởng tai-hại đến thư-viện thông-tin tổng-quát mà ở đây, số phận sách dưới hình-thức vật-chất thông-thường vẫn quen với ta, không đến nỗi bấp bênh đến thế. Dĩ nhiên, hiện giờ sách đã bị cạnh tranh bởi các phương-tiện thính-thị, bởi các đĩa đầu thanh; nhưng ta ta thấy quyền sách sống động và một minh-chứng hùng hồn là các con số thống-kê về ấn-loát phẩm trên thế-giới không bao giờ thụt lùi.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- BÀNG, Lê thái. Quyền sách; nghề xuất-bản và nghề báo sách. Huế, Viện Đại-học, 1962.
- BRUN, Robert. Le livre imprimé hors de France des origines au XIXe siècle. Paris, Bibliothèque Nationale, 1954.
- CAIN, Julien. Le livre. In : Encyclopédie française. T. XVIII. La civilisation écrite. Paris, Société Nouvelle de l'Encyclopédie française, c 1961.
- KHA, Trần văn. Histoire et technique du livre (cours professé en 1935-1936). Hanoi, l'Auteur, 1936. (Manuscrit).

## lược sử chùa linh ứng

Giữa trời biển bao la của vùng biển Đông Bắc tỉnh Quảng-Nam, bên cạnh thành phố Đà-Nẵng, năm cụm núi mọc lên và được đặt tên là Kim Sơn, Mộc-Sơn, Thủy Sơn, Hỏa Sơn và Thổ Sơn, gọi chung là Ngũ-Hành-Sơn. Tại Ngũ-Hành-Sơn có nhiều chùa như Tam-Thái, Hoa-Nghiêm, Ứng-Chân, Thượng-Thanh và Từ-Tâm nhưng nổi tiếng hơn hết là chùa Ứng-Chân mà nay đổi lại là Linh-Ứng và nhiều người còn gọi là Non Nước. Bài khảo cứu này sẽ công hiến cho độc giả các vấn đề chính yếu về lịch-sử của ngôi chùa Linh-Ứng như : chùa ở đâu, chùa có từ thời nào, diễn tiến việc xây cất, hưng thịnh ra sao, qua phương cách nào chùa được truyền thừa, những hoạt động của chùa.

Chùa Linh-Ứng được xây trên thắng cảnh Thủy-Sơn. Mặt tiền hướng về phương Đông, trông ra biển Nam-Hải. Bên hữu là Vọng Hải-Đài. Bên tả là động Ngũ Cốc. Sau lưng là đại động Tàng-Chơn. Các kiến-trúc của chùa gồm có cửa tam quan, nhà Tờ, giảng đường, nhà khách, nhà thiền và nhà trụ (nhà bếp). Đứng ngoài tam quan nhìn vào, từ Bắc sang Nam, người ta thấy một dãy chùa đèn nguy nga in trên cảnh tượng hùng vĩ của ngọn Thủy-Sơn.

Tim hiểu về nguồn gốc cảnh tượng núi non hùng vĩ và thơ mộng này người ta được biết trong thời nhà Lê-Cảnh-Hưng Hòa Thượng Quang-Chánh, hiệu là Bảo-Đài Đại-sư đến tu tại động Tàng-Chơn trong một am vắng tranh đề hiệu là Dưỡng-Chơn Am. Về sau Ngài xây cất một chùa bằng tranh lá ngay trước động Tàng-Chơn và đặt tên là Dưỡng Chơn Đường. Khi vua Gia-Long lên ngôi, có ra lệnh chỉnh trang ngôi chùa với tên mới là Ngự Chế Ứng Chơn tự. Sở dĩ vua Gia-Long đề ý đến chùa này vì khi còn đánh nhau với anh em Nguyễn-Huệ, nhà vua có đến nơi này và biết đây là một nơi có nhiều cảnh

đẹp lại có nhiều kỷ niệm. Thêm vào đó, chính sách của vua Gia-Long là khuyến khích việc tạo dựng và tu sửa các nơi thắng cảnh cũng như các nơi thờ tự có tính cách tôn giáo.

Chùa Linh-Ứng trong thời này biến thành một ngôi Quốc-tự đã có hình thức của một ngôi chùa tuy còn làm bằng tranh lá và việc đi lại khó khăn vì địa thế hiểm trở. Sự hiện diện của Phật-giáo tại Ngũ Hành Sơn đã chính thức có từ đây và trong khung cảnh thiên nhiên với nhiều hang động huyền bí trầm lặng này, bóng dáng các tu sĩ đã ăn hiện đầu đây nhiều đời với sớm chiều mây nước.

*Đạo sĩ chờ ta với hải hồ*

*Ta chờ đạo sĩ lắng hư vô*

*Hôm nay trăng tạnh đời cao*

*Gột giầy đạo sĩ ra vào thiền quan.*

Chính các đạo sĩ trên và các triều vua chúa đã tạo dựng nên Phật cảnh này. Thật vậy trong thời vua Gia-Long, Chùa Ứng-Chơn chỉ là một nơi thờ Tam bảo với hình thức rất đơn sơ. Đường đi từ chân núi lên chùa cũng rất hiểm trở vì núi non trùng điệp, vách đá chênh vênh. Ta hãy nghe Đại Sán Hán-Ông (1) mô tả chùa này như sau vào thế kỷ 17 :

« Lúc ấy đang ngồi trên thạch bàn, sức nhớ nửa năm nay, năm núp ở chùa Thiên Lâm, chỉ thấy lơ nhô những nấm mồ, đồng mả, nay được một phen du ngoạn (vùng Ngũ Hành-Sơn) thực đã rửa sạch cả tai, mắt trong bấy lâu nay chỉ tiếc tòa núi đẹp thế này, mà chủ nhân không gia công giữa gột khiến chỗ nào cũng gai góc dơ dáy, giun dế âu sầu, vì biết sẵn sóc sửa sang thì phiến đá gốc cây đều phát sinh ra sinh thú tốt đẹp vậy ».

Sau khi vua Gia-Long băng hà, Minh Mạng là vị vua nổi tiếng giàu tư

(1) Một vị lữ tăng Trung-Hoa, được Chúa Nguyễn Phúc Chân mời qua thăm Thuận-Hóa đã ghi chép trong Bộ «Hải-Ngoại Ký-Dự» của ông.

tướng, giỏi thi thơ, rất sùng đạo Phật, đường hay thường ngoạn danh lam thắng cảnh. Nhà vua đã cho xây dựng nhiều chùa như Thánh Duyên ở núi Túy Vân, Diệu Đế ở Huế, chùa Hưng-An, Chiêm Sơn ở Quảng-Nam và đặc biệt lưu ý Ngũ-Hành-Sơn. Nhờ đó chùa Ứng-Chơn bắt đầu thay đổi từ tranh lá đến ngói gạch. Để thực hiện sự xây cất bằng ngói gạch này, triều đình đã cho các quan và thợ từ Huế vào đến nơi nghiên cứu và khai thông để làm các đường cấp lên núi, và chẳng bao lâu các đường cấp lên Chùa Linh-Ứng, vào động Tăng-Chơn, đến nhà Thiền và động Ngũ-Cốc, lên sân Ngự, xuyên qua chùa Tam Thai và các đường cấp lên Vọng-Hải Đài được thành lập. Khi các đường cấp làm xong các vật dụng xây cất được đưa lên núi để xúc tiến việc xây chùa gồm ngôi chùa chính và các ngôi phụ thuộc, cửa tam quan, các lan can uốn lượn theo đường cong của núi. Từ đó cảnh chùa Ứng-Chơn đã thay đổi hoàn toàn, khác hẳn với am thanh cảnh vắng, núi non hiểm trở của thời xưa cũ. Thắng cảnh này càng ngày càng nổi tiếng, dần chúng xa gần tấp nập đến viếng thăm. Nhiều người còn gọi nơi này là chùa Non-Nước. Các di tích từ thời nguyên thủy còn lại tại chùa như những tấm biển sơn son thiếp vàng, những biển vàng chạm trở thời Minh Mạng Hoàng-đế. Ngoài Ứng Chơn-tự, các thắng cảnh khác như chùa Tam-Thai, chùa Từ-Tâm, Vọng Hải-Đài... nói chung là Ngũ-Hành-Sơn đã được vua Minh Mạng lưu ý, và đã làm thay đổi rất nhiều đề Ngũ Hành Sơn, trong đó có chùa Ứng-Chơn, nghiêm nhiên trở nên danh thắng và là một di tích tôn giáo với hương khói lễ bái quanh năm.

Sau đời Minh-Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức, vua Thành-Thái đã dời tên gọi ngôi Ứng-Chơn tự thành Linh-Ứng tự, có lẽ vì chữ cũ phạm vào chữ cấm kỵ của nhà vua. Cho đến nay tại chùa Linh-Ứng có một bảng vàng đề: «Ngự Chế Ứng Chơn Tự Minh-Mạng Lục Niên» và một bảng khác đề là: «Linh-Ứng Tự Thành-Thái Tam Niên».

Trở lại ngôi chùa để tìm hiểu việc truyền kể và quản trị, người ta ghi nhận nhiều điều lạ so với các chùa khác. Hai chùa Linh-Ứng và Tam-Thai

cùng đều do vua chúa lập ra tại Ngũ-Hành-Sơn nên có liên quan mật thiết với nhau, nên Hội Động tăng lữ ở đây cũng thống nhất và sinh hoạt ở hai cảnh chùa gần như là một. Ví dụ khi chùa Tam-Thai nhận chức Tăng-Cang thì bên chùa Linh-Ứng nhận chức Trụ-trì và hoa lợi thuộc ruộng đất của Ngũ-Hành-Sơn cũng chia đều cho hai chùa.

Về việc truyền-thừa, từ ngày thành lập đến nay đã có các vị trụ-trì sau đây :

— Hòa Thượng Quang-Chánh hiệu Báo-Đài bảo tháp của Ngài được xây ngay sau chùa Linh-Ứng.

— Hòa-Thượng Chơn Như

— Hòa-Thượng Mật Hạnh

— Hòa-Thượng Ấn-Lang, tự Tồ-Huệ, hiệu Từ-Trì

— Hòa-Thượng Hải-Nghiêm Phước Nghi

— Hòa-Thượng Đạo-Cát, hiệu Hưng-Long

— Hòa-Thượng Như-Thông, hiệu Tôn Nguyên A-Xà-Lê

— Hoa-Thượng Thích Tôn-Thắng

— Thượng-Tọa Thích Hương-Sơn (từ 1960) đương kim trụ-trì chùa Linh-Ứng.

Nhờ bia đá dựng tại chùa Linh-Ứng ta thấy vị tăng-sĩ đầu tiên được vua ban sắc cho làm chức Tăng-Cang là Hòa-Thượng Ấn-Lang hiệu Từ-Trì, có nhiệm vụ kiểm soát lo-lắng cho việc tu hành của chư tăng.

Tuy quốc-tự Linh-Ứng thuộc về quyền của triều đình và hiện nay việc bảo tồn được liệt vào phần quốc-gia nhưng việc quản trị từ xưa đến nay là do các Giáo Hội địa-phương lo xếp đặt như tiền cứ các trụ-trì, thực hiện việc tu bổ thường niên, tổ-chức các đại lễ...



Nhìn chung, chùa Linh-Ứng đã trở thành một thắng cảnh và là một Phật tích quan trọng của miền Trung, thu hút đông đảo khách du ngoạn hàng năm đến lễ bái, cầu nguyện, hòa mình cùng mùi Thiền với cảnh non nước mênh mông. Chùa đã được các tu-sĩ, Phật-Tử, Giáo-hội và chính-quyền giúp đỡ đề trùng tu nhiều lần trong nguyên tắc bảo tồn di tích và danh thắng liệt hạng.

(Viết theo tài-liệu của Thượng-Tọa Thích-Hương-Sơn và viện Khảo cổ)

## những đặc điểm trong việc hôn nhân của người Chăm Hồi-giáo

Trong tuần lễ Văn nghệ sắc-tộc do Phủ Quốc-Vụ-Khánh đặc trách Văn-hóa tổ chức tại Saigon từ ngày 25 tháng 9 đến 1 tháng 10 năm 1970 có một buổi dành riêng cho các sắc tộc Chăm. Các tiết mục đêm đó rất hấp dẫn. Thật là một cuộc tranh tài lý thú giữa những văn-nghệ-sĩ tài tử cũng như chuyên nghiệp đại diện cho cả tập thể Chăm Bà-la-môn, Chăm Ba-ni miền Trung cũng như Chăm Hồi-giáo miền Tây Nam-phần.

Đêm văn-nghệ sắc-tộc Chăm kết thúc bằng hoạt cảnh «Đám cưới Chăm» do ban Hoa-Phượng trình bày. Theo lời giới thiệu của xướng-ngôn-viên thì các tài tử sẽ diễn lại một đám cưới đúng như tập tục của người Chăm, từ cảnh bạn bè đến mừng chú rể, qua cảnh chú rể được đưa đến nhà vợ, cảnh làm lễ ở nhà gái v.v... Nhưng một hoạt cảnh tất nhiên không thể đầy đủ và những điều được gọi là tập tục ấy là thói quen của người Chăm truyền từ đời này qua đời khác hay là của tín đồ Hồi-giáo nói chung? Hay lại pha trộn cả hai cũng nên?

Như chúng ta đã biết, xã-hội Hồi-giáo là một xã-hội trọng nam; người đàn ông có nhiều quyền hành trong gia đình, tại sao chú rể Chăm chịu để người ta đưa mình tới ở nhà vợ khi cưới? Hơn nữa tôn giáo chính của người Chăm là đạo Bà-la-môn, người Chăm chỉ mới di cư về miền Tây Nam-phần Việt-Nam, kể từ sau biến cố 1471. Vậy trong việc hôn nhân của người Chăm Hồi-giáo hẳn có khá nhiều đặc điểm giá trị đáng cho ta cứu xét.

Sau đây chúng tôi xin nêu lên một số giáo-điều và nghi-thức về hôn nhân của người Hồi-giáo nói chung rồi mới so sánh với những điều gọi là tập tục của người Chăm ngỗ hầu làm sáng tỏ vấn đề đôi chút.

### NHỮNG TẬP TỤC VÀ GIÁO ĐIỀU LIÊN QUAN ĐẾN VĂN ĐỀ HÔN NHÂN CỦA TÍN ĐỒ HỒI-GIÁO NÓI CHUNG

Theo tục lệ Hồi-giáo sự độc thân bị coi như điều tội lỗi. Bởi vậy tại hầu hết các xứ Hồi-giáo người ta thường cưới gả cho con cái rất sớm. Tuổi dậy thì được xác định một cách mơ hồ vào khoảng 12 đến 15 tuổi, nhưng cũng có thể sớm hơn nữa. Đáng khác, theo quan điểm của các luật gia Hồi-giáo thì lời chấp nhận hôn-nhân của đứa trẻ 7 tuổi đã được coi là có giá trị.

Đàn ông cũng như đàn bà đều phải lập gia đình, không phải chỉ một lần trong đời mình, mà kéo dài suốt thời gian còn đủ sức khoẻ cũng như khả năng tương trợ cho nhau. Bởi vậy trong xã-hội Hồi-giáo hầu như người ta không biết thế nào là một cô gái già, cũng như không thể có tình trạng nữ đồng trinh đối với tín đồ Hồi-giáo. Vì quá 15 hay 20 tuổi người ta không thể còn là độc thân, dù là con trai hay con gái.

Tuy khuyến khích hôn nhân nhưng giáo luật cũng cấm những cuộc hôn nhân giữa những người có liên hệ thân tộc với nhau. Điều 27, Chương IV, Thánh kinh Coran nói rõ : « Cấm tín đồ kết hôn với các mẹ ghê, con gái, chị em ruột, các cô, dì, cháu gái (con anh, chị em ruột), mẹ nuôi, chị em cùng bú một dòng sữa với mình, hoặc mẹ vợ, con dâu, con gái riêng của vợ... » Nhưng tập tục lại tỏ ra dễ dãi, gần như khuyến khích những cuộc hôn nhân giữa anh chị em họ (cousins germains). Tín đồ cũng không được lấy quá 4 vợ (con số mà Giáo-chủ Mahomet đạt tới) và không được cưới hai chị em cùng một lượt. Nhưng sau khi cuộc hôn nhân tan vỡ, nhất là khi người chồng chết đi thì tập tục Hồi-giáo lại khuyến khích việc chấp nối giữa người chị dâu góa bụa với anh em chồng.

Giáo luật cũng trừ liệu khi hành hương hay bận buôn bán xa gia đình lâu ngày, tín đồ được phép lấy thêm người vợ nữa. Các cuộc hôn nhân tạm có tính cách hường lạc ấy dường như thánh kinh không ngăn cấm mà Giáo-chủ còn hợp-pháp-hóa cho các chiến sĩ. Vì chủ trương đa thê như vậy nên người Ả-rập xưa có thể thu nhận vô hạn định vợ lẽ nàng hầu trong đám nô lệ của mình, Thánh kinh Coran cũng dung thứ chế độ ấy, dù không tán dương thực sự.

Tóm lại, vì chủ trương khuyến khích hôn nhân nên người Hồi-giáo dựng vợ gả chồng cho con rất sớm, dung thứ chế độ đa thê cũng như việc chấp nối tơ duyên của những người góa bụa. Để tiện so sánh với quan điểm của người Chăm Hồi-giáo, chúng ta hãy lược xét dần qua từng giai đoạn của việc hôn nhân như sau :

- Những điều kiện và nghi thức trước khi thành hôn.
- Nghi lễ khi kết hôn.
- Những trường hợp đặc biệt liên quan đến vấn đề hôn nhân.

#### 1.- Những điều kiện và nghi-thức trước khi thành hôn.

Người Chăm Hồi-giáo ở miền Tây Nam - phần vẫn giữ tục xưa, khuyến khích những cuộc hôn nhân giữa anh chị em họ song song (1) và anh chị em họ chéo (2). Đôi vợ chồng tương lai đều phải thuộc cùng một thế hệ, không phải là anh chị em ruột, anh chị em cùng cha, cùng mẹ khác cha hay cùng bú một dòng sữa đúng theo luật định. Cô gái có thể lớn tuổi hơn cậu trai chứ không nhất thiết phải kém tuổi cậu ta như đối với người Chăm Ba-ni (theo Hồi-giáo nhưng không chính thống) ở Trung Việt.

1. Anh chị em họ con của những người anh em ruột hay chị em ruột sinh ra (cousins parallèles).

2. Anh chị em họ con của những người anh em trai và những người chị em gái sinh ra (cousins croisés).

Tục tảo hôn gần như đã mất. Tuổi dậy thì cũng chỉ được ước định mơ hồ vào khoảng 13 đến 15 tuổi. Xưa kia ở Châu-độc còn có những cuộc hôn nhân giữa trai gái 15 tuổi, nhưng ngày nay tuổi lập gia đình thường vào khoảng 18 đến 20. Còn ở các đô thị như Saigon ngày nay nhiều thanh niên Chàm trên 20 tuổi mà vẫn còn độc thân. Họ cũng bắt đầu nhận thấy khi chưa lập nên sự nghiệp, học hành còn dở dang mà đã lấy vợ thì chỉ làm khổ gia đình và tương lai sẽ mờ mịt.

Theo người Hồi-giáo, cuộc hôn nhân muốn cho có giá trị thì phải hội đủ mấy điều kiện sau đây :

1. Có sự đồng ý của đôi bên trai gái.
2. Phải có người làm chứng (2 đàn ông hoặc 1 đàn ông, 2 đàn bà) cùng tiền dẫn cưới.
3. Người đàn ông trưởng thành được tự do chọn người phối ngẫu, chấp nhận hay từ chối mọi đề nghị gả bán cho mình.
4. Nếu cô gái còn nhỏ tuổi thời khi trưởng thành có thể xin bãi hôn. Bởi vậy cha mẹ chẳng nên ép duyên con gái.

Nhưng đối với người Chàm thì những điều kiện căn bản lại hơi khác một chút và lên tới 5 điều :

- 1) Người phối ngẫu cũng phải là tín đồ Hồi-giáo. (3)
- 2) Lễ cưới phải có đủ dâu rề hiện diện.
- 3) Họ đều trưởng thành và có đủ trí khôn. (4)

3. Theo giáo-sư P.B. Lafont ở miền Tây Nam-phần người ta không thấy khi nào có cô gái Chàm lấy người ngoại đạo. Điều này khác hẳn với người Chàm Hồi-giáo Ba-ni ở Trung Việt.

<sup>1</sup> Theo M. Gaudefroy-Demomhynes thì : « Một người-tiền có thể thành hôn nếu có sự bảo trợ của vị chủ hôn (wālī) của anh ta. » *Les Institutions Musulmanes, Paris : Flammarion 1946, tr 143.*

- 4) Phải có sự chấp thuận giữa cha vợ và chú rề.
- 5) Phải trao đủ số tiền đồng (tiền dẫn cưới) cho cô dâu.

Thông thường thì sau nhiều lần thăm dò kín đáo của người thân thuộc lời cầu hôn sẽ do đảng trai ngỏ, qua trung gian của người mới. Nhưng đôi khi cũng xảy ra trường hợp gia đình cô gái đề nghị việc hôn nhân. Khi ấy đảng gái phải tìm người mới điều đình khéo léo hơn. Những quyết định về tiền dẫn cưới gồm có « tiền chợ » và « tiền đồng » sẽ được đề cập. Đôi bên thỏa thuận rồi mới định ngày cam kết việc hôn nhân theo giáo luật. Tiền chợ đảng trai đưa để tổ chức tiệc mừng và sắm sửa cho cô dâu. Theo thời giá và tùy gia cảnh, khoảng 1965 ở Saigon chừng 8 đến 10.000\$, ở Châu-độc chỉ 5 đến 7.000đ mà thôi. Còn tiền đồng là của dự-tặng (douaire) chàng rề trao cho vợ tượng trưng cho việc chiếm đoạt tự do của người đàn bà. Ngày nay vì tiền tệ mất giá nên tiền đồng được ước lượng bằng một, hai lạng vàng. Số tiền đó hoàn toàn thuộc về người vợ, nên sau này dù túng thiếu đến đâu người chồng cũng không được đụng đến món tiền dự tặng ấy. Tại các quốc gia Hồi-giáo tiền đồng thường chỉ được trao một nửa hay 2/3 trong dịp đôi bên cam kết việc hôn nhân. Phần còn lại chỉ trao nốt khi hoàn tất việc cưới xin. Nhưng nếu chú rề từ hôn trước khi ăn ở với nhau cũng vẫn phải trả cho cô dâu phân nửa số tiền dự tặng này.

Xã hội Hồi-giáo cũng quan niệm người đàn bà luôn luôn không đủ tư cách, vì vậy giáo luật đòi hỏi phải có một người giám-hộ thuộc về bên nội, tức là vị chủ hôn (wālī), để nói lời chấp nhận cuộc hôn nhân thay thế cô dâu. Vị giám-hộ có thể là cha, ông nội hoặc nếu những người này đã chết thì ông xã-trưởng (Hakim) sẽ đề cử người thay thế.

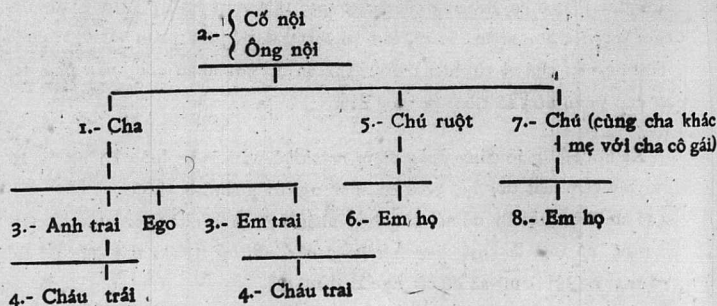
Trong khi người Mã-lai nhất định rằng vị wālī phải là cha hay ông nội chứ không khi nào là chú hoặc anh trai thì người Chàm Hồi-giáo tỏ ra dễ dàng hơn : Tuôn Hadji Musa, Giáo Cả tại Trung-tâm Truyền bá Hồi-giáo-pháp ở xã Katambong tỉnh Châu-độc cho biết, theo thứ tự ưu tiên,

những người sau đây có thể được cử làm wālī cho cô gái :

- 1) Cha cô gái.
- 2) Nếu không còn cha thì ông nội, ông cố.
- 3) Nếu đã chết cả thì anh em trai cùng một cha mẹ.
- 4) Cháu (con của anh em cùng cha mẹ với cô gái).
- 5) Chú ruột (cùng cha mẹ với cha cô gái).
- 6) Em họ (con của ông chú ruột).
- 7) Chú cùng cha khác mẹ với cha cô gái.
- 8) Con của ông chú ấy.

Sau cùng nếu tất cả những người kể trên đều đã chết hoặc từ chối không chịu làm giám hộ để đứng chủ hôn cho cô gái thì ông xã-ương (Hakim) sẽ làm wālī để đứng chủ hôn theo giáo luật.

## LƯỢC ĐỒ NHỮNG NGƯỜI CÓ THỂ ĐỨNG LÀM WĀLĪ



### 2. Nghi lễ khi kết hôn

Sau khi đôi bên đã cam kết dứt khoát việc cầu hôn với bao nhiêu tiền đồng, bao nhiêu tiền chợ cũng còn một khoảng thời gian dài, ngắn không

nhất định trước khi làm lễ cưới. Những nghi lễ sau này có thể tùy theo địa phương và hoàn cảnh mỗi gia đình mà thay đổi đôi chút. Thí dụ, đối với người Chăm, trong thời gian chờ đợi ngày cưới nhà trai thường làm bánh (các loại nạm-pá-răng, nạm-ken, Pay-ca-gah v.v...) biếu sui-gia và khi trả lại chiếc mâm nhà gái cũng dẫu một số tiền xuống dưới đĩa, để tỏ tình thân mật.

Khác người Chăm Ba-ni ở Trung-phần, người Chăm Hồi-giáo miền Tây Nam-phần không có mùa cưới nhất định. Họ có thể chọn bất cứ dịp nào thuận tiện. Như ở Châu-độc lễ cưới thường được tổ chức vào mùa hành hương, vì vào dịp đó có nhiều người đi làm ăn xa về thăm quê hương, họ giết bò ăn mừng và theo giáo luật tất cả mọi người đều được chia phần thịt nên tiện thể tổ chức tiệc cưới luôn. Ở Đò-thành trái lại, có khi người Chăm làm lễ cưới ngay vào ngày sinh nhật giáo-chủ Mahomet.

Nghi lễ chính thức hôm cưới thực hiện ở nhà cô dâu và mẹ chú rể không bao giờ tham dự. Nhưng cả nhà trai lẫn nhà gái thường cùng làm rạp ở phía trước để đón quan khách đến chung vui. Hôm đó bạn bè cô dâu có dịp trưng diện y phục nhiều màu sắc lòe loẹt, đến xem ngắm nhiều hơn là giúp đỡ cô dâu được việc gì. Phòng cô dâu luôn luôn trang hoàng đến tối đa mức độ có thể tổ diêm, bằng những tàu lá dừa, những tấm màn vây quanh giường. Trần nhà đầy hoa giấy cùng những dây cờ Việt-Nam và ngoại quốc! Chiếc giường cưới, có trải nệm và đặt hai chiếc gối thù, được trông nom cẩn thận vì sợ có kẻ ghen ghét bỏ bùa ám hại. Một bà Muk-nôk (5) sẽ giúp cô dâu trang điểm son phấn. Tóc cô được bới cao lên đỉnh đầu và cài bằng ba chiếc trâm, chiếc lớn nhất có hình mảnh trắng lưỡi liềm và ngôi sao biểu hiệu của Hồi-giáo. Ngoài ra cô dâu còn đeo nhiều mũ trang như hoa tai, vòng cổ, vòng tay, nhẫn; càng nhiều càng cho là đẹp nên thường mượn ngay của các cô bạn đến dự lễ cưới.

(5) Người phù dâu có phép thuật để đối địch với nhà trai hay kẻ ghen ghét định phá cuộc hôn nhân.

Bên nhà trai, bạn bè chú rể thường tổ chức ca nhạc để tạo không khí vui vẻ trong ngày cưới. Theo tục xưa, chú rể phục sức tựa như các vị hadji từng đi hành hương về, nhưng ngày nay ở Đô-thành chú rể thích mặc « đồ lớn » theo Âu tây, chỉ khác là thêm chiếc mũ Kapeak Hồi-giáo và cũng đeo nhiều đồ trang sức như nhẫn, dây đồng hồ bỏ túi, dây vàng cài trên mũ cho đẹp... Có điều lạ là tục lệ đi tắm của cô dâu chú rể như tại các thành phố Hồi-giáo (6) lại không được người Chăm ở Đô-thành và miền Tây Nam-phần chú ý. Trái lại người Chăm Ba-ni ở Trung-phần còn giữ tục cô dâu chú rể cùng đi tắm chung ở con sông gần làng trước khi về làm lễ cưới.

Đối với người Chăm ở Đô-thành nghi lễ quan trọng hơn cả, về phần nhà trai, là lễ Kapol để giao ước chấp nhận hôn nhân trước Thượng-đế. Lễ này diễn ra trước khi đưa rể và nếu tổ chức được ở thánh đường có đông người đến đọc kinh cho thì tốt hơn là làm ở nhà riêng. Còn bên nhà gái, người ta để phòng bữa phép và nghỉ đến việc giải trừ những thế lực huyền bí ấy nhiều hơn. Để thực hiện mục đích này các bà Muk-nôk có nhiều phương pháp riêng biệt, hoặc dùng lư trầm xông khói vào 2 bàn chân cô dâu hoặc đọc lời thần chú gì đó.

Buổi trưa người ta dọn tiệc ra, trong những tập thể nhỏ của người Chăm ở Đô thành khách dự đều quen biết nhau nên không ai nề hà, họ cùng bốc ăn rất thực tình. Hết lớp người này đến lớp khác, người nọ đứng lên thì người kia ngồi xuống chiếu. Nếu nhà khá giả khách đến mừng đông bất kể giờ giấc thì bữa tiệc có thể nối tiếp như vậy kéo dài suốt từ 11 giờ trưa đến 14 giờ chiều mới chấm dứt !

(6) Tại các thành phố Hồi-giáo, cuộc đi tắm của cô dâu là một dịp tiêu khiển chung cho phụ nữ, đề cùng tụ họp tại một nhà tắm hơi (hammân) được thuê riêng trong dịp này. Chú rể cũng sẽ đi tắm với các bạn rồi viếng thánh đường trước khi trở về nhà như một đám rước có âm nhạc, múa hát kèm theo.

Còn cô dâu chú rể Chăm Ba-ni đi tắm giản dị như thường ngày không có nghi thức đặc biệt gì kèm theo.

## ĐÁM CƯỚI CHÀM HỒI-GIÁO



TRƯỚC KHI LÀM LỄ : CHÚ RÈ (ĐỨNG BÊN TAY MẶT) CÒN MẶC ĐỒ « LỚN », THEO THỜI TRANG.



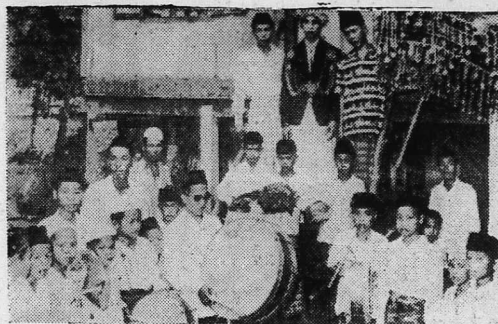
TRONG LỄ KAPOL : CHÚ RÈ MẶC Y PHỤC THEO KIỂU TÍN ĐỒ HỒI - GIÁO ĐÃ HÀNH HƯƠNG VỀ.



CHỦ RÈ ĐƯỢC CÁC BẠN  
ĐƯA TỚI NHÀ GÁI



NGHI LỄ TÒ CHỨC Ở NHÀ GÁI:  
CÁC BÀ NGỒI ĐỢI Đám ĐƯA RÈ TỚI



MỘT Đám ĐƯA RÈ  
CỦA NGƯỜI CHĂM Ở CHÂU-ĐỐC VÀO NĂM 1950



Ở ĐỒ THÀNH, Y-PHỤC  
CỦA CÔ DẬU CHỦ RÈ  
ĐÃ CẢI ĐỔI NHIỀU.

Buổi chiều, chọn được giờ tốt người Chàm làm lễ đưa rằm chứ không rước dâu như trong xã-hội trọng nam của Hồi-giáo. Theo tục lệ, chú rằm không được bước chân xuống đất (vì lưu luyện ở nhà cha mẹ chẳng?). Ở Châu-đốc người Chàm dùng xe lồi (7) có lọng che, chú rằm được các bạn ca hát, đánh trống đưa đi như một đám rước đến nhà gái. Còn ở Đê-thành họ biến chế bằng cách để ông wăli dắt chú rằm với một chiếc khăn tay, mỗi người nắm một đầu khăn. Bạn bè và bà con đi đưa rằm sẽ đem theo lễ vật gồm có: một cái bát trong để hộp thiếc đựng trà, hai chiếc quả phủ khảm đỏ, một quả đựng trái cây và một quả đựng bánh ngọt cùng một chén gạo nhỏ. Những phẩm vật đó tượng trưng cho bốn phận nuôi dưỡng người vợ mà chú rằm sẽ đảm nhận sau này.

Đám đưa rằm gồm toàn đàn ông đi thong thả và cũng chẳng ai hát những bài « La mek, la mur » từ già mẹ cha như tục xưa ở Châu-đốc, vì sự thực chú rằm chỉ ở lại nhà vợ vài ba ngày tượng trưng mà thôi.

Đến nhà gái, mọi người tụ họp ở phòng ngoài để sửa soạn làm lễ trao tiền đồng. Họ ngồi ngay xuống những chiếc chiếu trải trên sàn nhà. Trước mặt ông wăli và hai nhân chứng, vị gia trưởng đang trai (cha, ông nội hoặc chú) sẽ trao số tiền đồng là của dự-tặng (douaire) của chú rằm cho vị đại diện cô dâu. Đôi khi họ đang trai còn biểu hai nhân chứng một số tiền nhỏ bảo đảm cho việc đã chứng kiến cuộc trao tiền đồng. Sau đó một người đứng tuổi, có tiếng là đạo đức và đã được đang gái yêu cầu trước, sẽ nói những lời « Khotba-Rkh'a » tức là những câu khuyên nhủ chú rằm hãy cố gắng làm tròn những bốn phận mà chàng sắp đảm nhiệm. Đoạn vị gia trưởng đang gái nắm lấy tay chú rằm mà tuyên bố bằng một công thức định sẵn ý thuận gả cô gái cho chàng. Lập tức chú rằm phải trả lời ưng thuận, cũng bằng một công thức định sẵn, sao cho thật lưu loát để mọi người đều nghe rõ. Nếu chàng bị bùa ém hay cảm động nói năng lúng túng thì các nhân chứng sẽ bắt vị gia

(7) Một loại xe hai bánh trên có thùng để người ngồi và chốt hàng hóa, được móc vào sau xe đạp hay xe gắn máy để được lồi đi.

trường đang gãi lạp lại lời tuyên bố để chú rể trả lời, cho đến đến khi nào thực rõ ràng họ mới công nhận. Chú rể đáp xong, ông wali và mọi người cùng đọc kinh cầu cho cuộc hôn nhân đem lại hạnh phúc cho đôi trẻ.

Lúc này trong phòng cô dâu người ta đã gây lò trầm và yên lặng nghe những lời đối đáp ở phòng ngoài. Cô dâu ngồi trên giường, hai chân thu gọn một bên đang nhắm mắt chờ đợi giây phút nghiêm trọng. Sau cùng ông wali bước vào, theo sau là chú rể bưng cái bát đựng hộp trầu cùng mấy người bạn ôm những quả lễ vật và đám thanh niên hiếu kỳ. Chú rể đặt hộp trầu trước mặt cô dâu, với tay rút chiếc trâm lớn trên đầu cô ngụ ý coi lại có đích thực là tín đồ Hồi-giáo chăng? Khi chàng bỏ chiếc trâm xuống bà muk-nok vội cầm trả lên tóc cô dâu như cũ, ngụ ý nói cô chính là một tín đồ trung thành (8). Thấy vậy chú rể bèn bước lên giường, ngồi xếp bằng bên phải cô dâu, cố ý để đôi trái mình gác lên đùi vợ. Hành động này rất quan trọng vì nó đánh dấu sự chấp thuận của tập thể trước sự tiếp xúc thân mật đầu tiên của trai gái.

Liền đó vị chủ hôn và những người có mặt trong phòng cô dâu lại cùng cất tiếng đọc kinh, cầu hạnh phúc cho đôi vợ chồng mới cưới. Nhưng lúc này bọn thanh niên đã bắt đầu xi-xào phê bình tân lang và tân giai nhân đang ngồi song song trên giường cưới. Nên cầu nguyện dứt thì phòng cô dâu cũng huyền não những tiếng cười đùa bốn cột! Vậy là lễ tất, chú rể bước xuống đất cúi bệ y phục hành hương để thay áo thường ra phòng ngoài tiếp khách. Trong khi đó cô dâu thẹn thò hay quá xúc động, úp mặt xuống chiếc gối thêu khóc thút thít!!

Sau lễ cưới chàng rể sẽ ở lại nhà vợ một thời gian. Đó là di tích của tập tục chỗ ở theo mẹ (matrilocale) trong chế độ mẫu hệ cổ truyền của người

(8) Người đàn bà Chăm Hồi-giáo không che mặt. Nếu theo tục lệ của người Ả-rập thì khi dờ khăn che mặt của cô dâu, chú rể còn có thể từ chối việc kết hôn với điều kiện là chưa ăn nằm với nhau và không đòi lại số tiền dự tặng đã trao cho dang gái.

Chăm. Ở Đô-thành, thường thường chỉ ba ngày sau hôn lễ họ làm một tiệc nhỏ thân mật trong gia đình rồi dẹp bỏ mọi thứ trang hoàng trong phòng cô dâu. Sau đó đôi bên cha mẹ chia cho một số vật dụng để cặp vợ chồng mới đi ở riêng, hoặc người chồng đem vợ về nhà cha mẹ mình, nhưng sẽ phải thôi nấu ăn riêng.

### 3. Những trường hợp đặc biệt liên quan đến vấn đề hôn nhân

Trên đây là trường hợp cưới vợ bình thường, còn khi lấy vợ lẽ (vợ bé) dĩ nhiên là ít khi người Chăm Hồi-giáo được vợ cả chấp thuận nên phải cưới lén lút: Trong những trường hợp ấy không thể tổ chức nghi lễ giênh-giang mà chỉ cốt sao cho đúng giáo luật, nghĩa là ngoài 5 điều kiện căn bản về cá nhân hai người hôn phối chỉ cần có sự hiện diện của vị chủ hôn (wali) và hai nhân chứng lúc trao tiền đồng là được.

Thiếu nhân chứng thì bị coi là harâm, nghĩa là cũng như gian dâm chứ không phải vợ chồng. Tội phạm gian ở Châu-đốc bị trừng phạt nặng nề: người đàn ông phải cưới trên lưng con bò cái mặt nhìn về phía sau đuôi, tức là cưới lộn ngược và có một chức việc dẫn đi từ đầu tới cuối làng, rêu rao cho mọi người rõ việc xấu xa ấy. Sau đó anh ta bắt buộc phải cưới cô gái và sẽ bị khai trừ khỏi thôn ấp.

Thực ra tục lệ hay giáo luật, dù khắt khe chẳng nữa cũng chưa thanh toán nổi các tệ trạng xã-hội. E. F. Gautier cho biết ở miền Nam Algérie các cô vũ-nữ Hồi-giáo Ouled-Nayl cũng làm điếm nữa. Bộ lạc Ouled-Nayl là một bộ lạc lớn và thịnh vượng, tuy vậy người Hồi-giáo ở đây lại dễ cho các cô gái, trước khi lấy chồng, được làm điếm kiếm tiền hồi môn! Chính người Chăm Hồi-giáo Ba-ni ở Trung Việt cũng không đặt nặng vấn đề trinh tiết cho lắm. Vì thế những kẻ trắng hoa có thể lợi dụng để làm điều xằng bậy. Ngoài ra cũng nên ghi nhận là người Chăm Ba-ni có tục giữ chú rể ở lại nhà vợ ngay sau khi làm lễ hỏi. Nếu chưa đủ tiền may sắm và tổ chức cỗ bàn đãi đảng làng xóm thì vài ba năm sau người ta mới làm lễ cưới. Bởi vậy có thể



xảy ra những trường hợp nực cười là có hai, ba đứa trẻ đi dự đám cưới của chính cha mẹ chúng ; hay đôi bên vợ chồng không hợp thì lại xa nhau mà không ai phiền hà gì về việc đã sống chung đụng suốt thời gian qua !

Trái lại đối với người Ả-rập thì sự trình tiết có lẽ là vấn đề quan trọng. Theo Jacques C. Risler thì nếu mọi việc đều hoàn tất một cách êm đẹp, sự thành tựu của cuộc hôn nhân sẽ được phô bày công khai bằng một tấm chăn giường vấy máu, chứng tỏ sự cường tráng của chú rể và sự trinh tiết của cô dâu.

Sau nữa, đối với những cuộc hôn nhân « rõ rã cạp lại » nghĩa là giữa những người góa bụa hoặc đã ly dị rồi lại muốn trở về ăn ở với nhau (9), người Chàm cũng phải tổ chức một nghi lễ để cam kết việc hôn nhân. Chỉ những hình thức đưa rờ và cỗ bàn đãi đằng bạn hữu mới có thể tùy tiện mà chàm chế.

Ngoài ra nếu so sánh việc hôn nhân của người Chàm Hồi-giáo miền Tây Nam-phần với người Chàm Ba-ni ở Trung-phần, ta sẽ thấy có vài chi tiết tuy khác nhau nhưng nghi thức xét chung đều bắt nguồn từ quan điểm của một chế độ mẫu hệ.

#### 1. Về điều kiện để kết hôn :

##### a) Đối với người Chàm Hồi-giáo :

- Cô gái có thể hơn tuổi cậu trai.
- Dâu rờ đều phải là tín đồ Hồi-giáo.
- Đàng trai thường ngõ lời, nhưng đôi khi có thể là đàng gái có sáng kiến cầu hôn.

(9) Theo tập tục Hồi-giáo việc ly dị chia làm 3 cấp : cấp 1 và 2 xảy ra khi người chồng tuyên bố một hay hai lần ý định bỏ vợ. Ly dị ở những cấp này có được xóa bỏ nếu người chồng khéo thu xếp với vợ. Ly dị cấp 3 xảy ra khi người chồng tuyên bố đến 3 lần ý định bỏ vợ trước mặt nhiều nhân chứng. Việc ly dị này sẽ thành vĩnh viễn trừ khi người vợ lấy chồng khác rồi cũng bị ly dị, sau đó chồng cũ mới có thể cưới lại người vợ xưa của mình.

##### b) Đối với người Chàm Ba-ni :

- Cô gái bắt buộc phải kém tuổi cậu trai.
- Cô gái có thể lấy người ngoại đạo.
- Bao giờ đàng gái cũng ngõ lời cầu hôn.

#### 2. Lễ hỏi để cam kết :

##### a- Đối với người Chàm Hồi-giáo :

- Đề dứt khoát việc thách cưới với bao nhiêu tiền đồng, tiền chợ.
- Cậu trai chỉ biết sơ qua về cô gái.

##### b- Đối với người Chàm Ba-ni :

- Chú rể đến ở ngay tại nhà vị hôn thê.
- Nếu không thuận hòa chú rể có thể ra đi, cuộc hôn nhân tan vỡ mà không ai phiền trách gì.

#### 3. Lễ cưới sẽ được tổ-chức tại nhà gái.

##### a) Đối với người Chàm Hồi-giáo.

- Cần có vị chủ hôn (wāli).
- Sẽ trao tiền đồng trước mặt hai nhân chứng, chú rể phải đáp lời ưng thuận hết hôn cho lưu loát.
- Chú rể mặc y phục như tín đồ Hồi-giáo đã hành hương về.
- Chú rể được đưa đến nhà vợ.
- Nhưng chỉ ở tạm ít lâu rồi hai vợ chồng sẽ đi ở riêng hoặc về nhà cha mẹ chồng.

##### b) Đối với người Chàm Ba-ni :

- Dâu rờ cần đi tắm trước khi làm lễ cưới.
- Phải dựng nhà rạp ở ngoài sân tượng trưng thánh đường để làm lễ.
- Chú rể mặc y phục trắng kiểu thầy Chàng.

— Chú rể đã ở tại nhà vợ từ lâu, nên sẽ cùng cô dâu đi từ nhà tục (10) đến nhà rạp làm lễ, rồi lại trở về nhà tục, vào phòng cưới. Một tập tục quan trọng về nghi lễ cưới xin là việc xe đôi miếng trâu, cô dâu chú rể mỗi người sẽ ăn một nửa.

— Chú rể ở lại vĩnh viễn tại nhà vợ.

Tóm lại người Chăm Hồi-giáo miền Tây Nam-phần còn giữ một số tập tục cổ truyền của dân tộc chứ không hoàn toàn theo văn-hóa Hồi-giáo Ả-rập. Như việc đưa rể chứ không rước dâu, cô gái được quyền chọn người đứng chủ hôn (wālī) và chàng rể bắt buộc phải sống trong gia đình vợ một thời gian. Đó là những dấu tích còn sót lại của một hình thức xã-hội mẫu hệ. Ngày nay những người Chăm Hồi-giáo ở Đô-thành và miền Tây Nam-phần vẫn tuân theo những tập tục ấy mà không rõ căn-nguyên tại sao? Đòi hỏi họ còn phủ nhận nguồn gốc mẫu hệ, coi những hình thức kể trên chỉ là vấn đề xã-giao! Họ vẫn nghĩ rằng người đàn ông mới giữ vai trò chủ động trong xã-hội chứ không ngờ là xã-hội Chăm Hồi-giáo đang ở trong tình trạng chuyển tiếp giữa chế độ mẫu hệ sang phụ hệ.

(10) Nhà của người Chăm miền Trung, xây cất theo kiểu mẫu cổ truyền sẽ gồm có:

- Nhà tục (Thang yor) để ở hàng ngày và tổ chức cưới xin hay ma chay cho gia chủ
- Nhà khách (Thang muryau) cũng là nơi dành cho cha mẹ.
- Nhà ngang (Thang gar)
- Nhà bếp (Thang ging)
- Nhà phụ ở gần cổng ngõ (Thang tang).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Aymonier, E.  
Les Tchiams et leurs religions.  
Revue de l'histoire des religions, 1891.
- 2) Charles, R.  
L'Âme musulmane.  
Paris, Flammarion, 1958.
- 3) Cudenet, M.V.  
Les Chams de Tây-ninh.  
Bulletin de la Commission Archéologique de l'Indochine, 1910.
- 4) Dohamide.  
Người Chăm Châu-độc.  
Bách Khoa số 142, ngày 01-12-1962.
- 5) Galwash, Ahmad A.  
The Religion of Islam.  
Vol II, Third ed, Cairo, 1963.
- 6) Gaudefrøy-Demombynes, M.  
Les Institutions musulmanes.  
Paris, Flammarion, 1946.
- 7) Gautier E.F.  
Moeurs et coutumes des musulmans.  
Paris, Payot, 1955.
- 8) Lafont, P.B.  
Contribution à l'étude des structures sociales des Chams du Viet-nam.  
B.E.F.E.O., T. LII, Fasc I, 1964.

## 9) Mahomet.

Le Coran

Bản dịch Pháp văn của Ed. Montet do Jacques C ; Risler đã tựa.  
Paris, Payot, 1958.

## 10) Risler, Jacques C.

La civilisation Arabe.

Paris, Payot, 1955.

## 11) Winstedt, R.

Moeurs et coutumes des Malais.

Paris, Payot, 1952.

## TIN VĂN-HÓA

## KHAI MẠC CUỘC TRIỂN LÃM « MỸ HỌA PHẪM »

Cuộc triển lãm « Mỹ Họa Phầm » do Họa sư Vũ-văn-Thịnh phối hợp với Nha Cải Huấn tổ chức đã khai mạc tối 3-1 tại số 5 đường Ngô Đức Kế Saigon dưới sự chủ tọa của Linh mục Trần Thái Hiệp, Tổng Thư ký Ủy ban Mỹ Thuật Tôn giáo Việt Nam.

Cuộc triển lãm quy tụ những sản phẩm thủ công nghệ bằng tre, dừa, lúa, do một số cán phạm tại Côn Sơn chế tạo cùng những hải sản và trên 90 họa phẩm của những họa sĩ chưa từng triển lãm lần nào như Lê Đình Tân, Nguyễn Công Tâm, Lê Tân...

Ngoài ra còn có một số họa phẩm của những họa sĩ đã nổi tiếng như Hiếu Đệ, Văn Thịnh...

## ĐÊM HÁT BỘI TẠI TRƯỜNG QUỐC GIA ÂM NHẠC

Buổi trình diễn đầu tiên của ba buổi hát bội nhằm mục đích đổi chiều nghệ thuật hai miền Trung Nam để đi đến một sự tổng hợp có lợi cho sự chấn hưng môn hát bội cổ truyền Việt Nam đã được khai mạc hồi 20 giờ tối 6-1 tại Trường Quốc Gia Âm nhạc và Kịch nghệ Saigon.

Chương trình hát bội tối 6-1 do kịch đoàn Tây Sơn Hội Khổng Học Bình Định trình diễn tuồng « Ngũ Hồ Bình Tây » (Địch Thanh ly thoa) với phụ diễn màn trống trận Tây Sơn.

Đến chủ tọa buổi trình diễn tối 6-1, Quốc V, Khanh Mai Thọ Truyền Đặc Trách Văn Hóa đã nói rằng « Cùng với phong trào Nam tiến của ông cha ta, âm nhạc và kịch nghệ đã đi từ Bắc vào Trung rồi từ Trung vào Nam cũng như phong tục tập quán nghi lễ v.v... Hai bộ nghệ thuật vừa nói đã chịu nhiều ảnh hưởng của nghệ thuật thổ dân và luôn cả nghệ thuật các dân ngoại quốc đã đến sống trên đất chúng ta. Ảnh hưởng ấy, mỗi nơi mỗi khác, lại chỗ ít chỗ nhiều, vì vậy mà môn hát bội, thí dụ tay cùng chung nguồn là miền Trung vẫn có nhiều điểm dị đồng trong lối trình diễn giữa hai nghệ thuật tiêu biểu nhất là nghệ thuật của Bình Định và nghệ thuật của Đồng Nai ».

Đêm mừng 7 tháng 1 năm 1972 cũng tại trường Quốc Gia Âm Nhạc số 112 Nguyễn Du Saigon tưởng « Ngũ Hồ Bình Tây » đã được Hội Khuyến Lê Cô Ca (Saigon) trình diễn.

Ngày 8-1-72 tưởng Hộ Sanh Đàn (Tiết Cương Tế Thiết Khuru phần) đã do kịch đoàn Tây Sơn Hội Không Học Bình Định trình diễn.

#### THƯ VIỆN QUỐC-GIA MỞ CỬA TỪ NGÀY 17-1 1972

Thư viện mở cửa vào ngày 17 tháng 1 năm 1972. Tuy nhiên trong thời gian đầu vì tiện nghi chỗ ngồi chưa được dời dáo, Ban Giám Đốc bắt buộc phải tạm hạn chế số độc giả vào tham khảo.

Theo thông cáo của Thư viện Quốc gia, số độc giả tối đa có thể vào thư viện mỗi buổi sáng hoặc chiều là 170 vị, dành cho những sinh viên hoặc có Tú tài II trở lên, kỹ giả, học giả, công tư chức, quân nhân hoặc hội viên các đoàn thể và hiệp hội.

Các độc giả cần phải nộp đơn xin cấp thẻ tại Thư viện Quốc gia số 69 đường Gia Long vào những ngày giờ làm việc, kể từ ngày 10 tháng 1 năm 1972.

Đơn xin cấp thẻ đọc sách cần đính kèm: thẻ căn cước, hai ảnh 4x6, tờ khai gia đình, bản sao văn bằng, chứng chỉ sinh viên, hoặc thẻ kỹ giả hay giấy giới thiệu của cơ quan (quân sự, hoặc dân sự) hay đoàn thể liên hệ.

Riêng về trường hợp học giả, Thư viện Quốc gia sẽ xét và cấp thẻ độc giả theo thẻ thức riêng.

#### DIỄN THUYẾT VỀ NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ TẠI PHÁP VĂN ĐỒNG MINH HỘI

Một dạ hội văn nghệ về nhà bác học Nguyễn-trường-Tộ đã được tổ chức vào hồi 18g30 ngày 20-1-72 tại trụ sở Pháp văn Đồng Minh Hội đường Gia-Long Saigon dưới sự chủ tọa của Ngoại trưởng Trần-văn-Lâm, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia Nguyễn-trường-Tộ.

Trong buổi dạ hội này, học giả Thái-văn-Kiểm diễn thuyết về Nguyễn-trường-Tộ, thi sĩ Phương Khanh và kịch sĩ Bích Thuận ngâm thơ và sau hết là chiếu phim về lễ kỷ niệm 100 năm húy nhật Nguyễn-trường-Tộ.

#### ĐÊM VĂN NGHỆ « NHẠC VIỆT - NAM » TẠI TRƯỜNG QUỐC GIA ÂM NHẠC

Phủ Quốc Vụ khanh Đặc Trách Văn hóa đã tổ chức một đêm văn nghệ với chủ đề « Âm nhạc Việt-Nam » vào hồi 20 giờ ngày 14-1 tại trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Saigon.

Chương trình « Âm nhạc Việt-Nam » do nhạc sĩ Văn Giảng thực hiện với sự cộng tác của các ca, nhạc sĩ như Phương Oanh, Ngọc Cẩm, Nguyễn Hữu Thiết, Hoàng Oanh, Quỳnh Giao, Quang Minh, Phạm thùy Hoan, Nguyễn Xuân Phong, Ngô Nhật Thanh, Lữ Liên, Vinh Phan, Mai Hân...

Đêm Văn nghệ nói trên nhằm mục đích trình bày sự liên hệ mật thiết giữa tân, cổ nhạc Việt-Nam, những âm điệu cổ truyền Trung, Nam, Bắc và

các bản tân nhạc âm hưởng của những nét cổ truyền. Đồng thời, còn trình diễn nhạc hòa tấu lối đại thể, viết bằng nhạc liệu cổ, khai triển cho nhạc khí cổ truyền áp dụng kỹ thuật Tây phương để cải tiến cổ nhạc trên căn bản dân tộc.

### TRUNG TÂM VĂN BÚT VIỆT NAM KỶ NIỆM 15 NĂM THÀNH LẬP

Lễ kỷ niệm 15 năm Văn Bút Việt Nam và trao tặng giải thưởng Văn bút 1971 đã được tổ chức vào hồi 17 giờ ngày 21-1 tại trụ sở Trung Tâm Văn Bút Việt Nam, 107 đường Đoàn-thị-Điền Saigon.

Buổi lễ được đặt dưới sự chủ tọa của ông Mai Thọ Truyền, Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa.

Giải thưởng Văn Bút 1971 được trao tặng cho nữ tài tử Kim Cương về kịch phẩm « Bức Tranh lửa thề ».

Trung tâm Văn Bút Việt Nam thuộc hội Văn bút Quốc tế và hiện nay do Linh mục Thanh Lãng giữ chức Chủ tịch.

### ÔNG PHAN-VĂN-HỮU : MỤC ĐÍCH TỐI HẬU CỦA THƯ VIỆN QUỐC GIA LÀ NÂNG CAO DÂN TRÍ VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

Ông Phan-văn-Hữu, Giám đốc Thư Viện Quốc Gia trong cuộc phỏng vấn của chương trình Người Dân Muốn Biết cho biết, hôm 15-1-72, Thư viện Quốc gia là « Trí nhớ của dân tộc » hay « bộ não của Quốc gia ».

Ông nói Thư viện Quốc gia có mục đích sưu tập tất cả sách báo, tài liệu xuất bản trong nước liên quan đến các ngành hoạt động như chính trị, quân sự, tài chánh, kinh tế, giáo dục v.v... kể cả tài liệu mật do Chánh phủ cung cấp và được đặt riêng biệt, và những tài liệu mật này chỉ được tham khảo trong trường hợp có sự giới thiệu của các cơ quan hữu trách liên hệ

Người ta còn ví Thư Viện Quốc Gia là một Đại-học bình dân vì dân chúng nhờ tài liệu trong nước cũng như tài liệu ngoại quốc liên quan đến các ngành để tham cứu, học hỏi mà không cần phải đi học ở Đại-học.

Mục đích tối hậu của Thư Viện Quốc Gia là nâng cao dân trí và phát triển văn hóa bằng cách phổ biến các tài liệu văn hóa dân tộc và tài liệu văn hóa thế giới.

### MỘT BỨC CỘ HỌA NỔI-TIENG CỦA CLAUDE VIGNON BỊ MẮT CẮP

Một bức tranh từ thế kỷ 17 vẽ hình thánh John hồi đầu tháng 1-1972 đã bị cắt khung và đánh cắp khỏi nhà thờ St. Gervais.

Bức tranh khổ 3x2 mét của họa sĩ Claude Vignon, sinh năm 1593. Đây là một trong các họa phẩm tôn giáo nổi danh nhất trong các giáo đường ở Ba-Lê.

### PHÓ TỔNG THÔNG TIẾP NGHIỆP ẢNH GIA NGUYỄN NGỌC HẠNH

Phó Tổng Thông VNCH Trần văn Hương hồi 9 giờ sáng 17-1 đã tiếp Nghiệp ảnh gia Trung tá Nguyễn-ngọc-Hạnh tại Dinh Phó Tổng Thông, 169 đường Công Lý.

Trong cuộc tiếp kiến này, Trung tá Nguyễn-ngọc-Hạnh đã trình bày lên Phó Tổng Thông về quá trình hoạt động của ngành nhiếp ảnh nghệ thuật VN và về việc ông đoạt được giải « Toàn quyền Hương Cảng » trong cuộc thi nhiếp ảnh quốc tế vừa được tổ chức tại Hương Cảng mới đây. Phó Tổng Thông VNCH nhân dịp này đã nồng nhiệt khen ngợi nhiếp ảnh gia Nguyễn-Neoc-Hạnh đã đoạt được nhiều thắng lợi trong các cuộc thi nhiếp ảnh quốc tế, đem lại vinh dự cho giới nhiếp ảnh VN.

Được biết, « Giải toàn quyền Hương Cảng » là một giải thưởng cao quý về nhiếp ảnh nghệ thuật từ 26 năm nay được coi là độc quyền của các

Nhiếp ảnh gia Hong Kong. Đây là lần đầu tiên giải tượng vàng này được trao tặng cho một nhiếp ảnh gia ngoại quốc, và là người Việt Nam. Trung tá Nguyễn ngọc Hạnh đã đoạt được giải này với một bộ hình 4 tấm được chấm là bộ hình màu đẹp nhất trong cuộc triển lãm.

### TRIỂN LÃM HOA PHẪM TẠI PHÁP VẤN ĐỒNG MINH HỘI

Cuộc triển lãm họa phẩm của vợ chồng họa sĩ Dương Minh và Trần thị Nhân đã khai mạc chiều 18-1 tại trụ sở Pháp vấn Đồng Minh Hội đường Gia Long Saigon.

Gần 20 bức tranh sơn dầu của họa sĩ Dương Minh và 40 bức của nữ họa sĩ Trần thị Nhân được trưng bày trong cuộc triển lãm. Trong khi tranh của Trần thị Nhân thường có màu nâu, cam và đỏ thì tranh của Dương Minh lại ngả sang màu vàng.

Cả hai vợ chồng họa sĩ Dương Minh và Trần thị Nhân đều có nét vẽ vững chắc, màu sắc tươi vui, nhẹ nhàng với những đề tài giản dị như « Nghịch ngợm », « Đánh cờ », « Hút thuốc », « Công việc trong ngày », « Đọc sách »...

### TRIỂN LÃM MỸ THUẬT THIẾU NHI

Ngoài ra, cuộc triển lãm Mỹ Thuật Thiếu Nhi do một số đoàn thể thiếu niên thực hiện đã khai mạc sáng ngày 16-1 tại số 322 lầu 2 Thương xá Tax.

Cuộc triển lãm qui tụ trên 100 họa phẩm và gần 200 sản phẩm thủ công nghệ làm bằng tre do các đoàn thể thiếu niên nói trên thực hiện. Ngoài ra còn một số tranh sơn dầu do nhiều họa sĩ trẻ gửi tặng cuộc triển lãm.

### TỔNG HỘI SINH VIÊN SAIGON GIÚP 2.500.000 ĐỒNG TRÚNG TU CỞ VIỆN ĐÀ-NẴNG

Một phái đoàn Tổng hội Sinh viên Saigon đã đến Đà-Nẵng và trao cho

chính quyền địa phương một ngân phiếu 2.500.000đ trong một buổi lễ tổ chức ngày 17-1-72 tại Cở-viện Châm Đà-Nẵng.

Trong bài diễn văn, một đại diện Tổng hội sinh viên Saigon cho biết, đây là một đóng góp nhỏ trong công cuộc bảo tồn các di tích lịch sử nước nhà, nhằm trùng tu cở viện Đà-Nẵng. Ông Phó Thị-trưởng Đà-Nẵng đã chân thành cảm ơn sự đóng góp của Tổng Hội sinh viên Saigon để cùng chính quyền chung sức bảo trì những kỳ công của tiền nhân để lại.

Hiện diện trong buổi lễ này còn có Ty Sở Trường và khoảng 1.000 học sinh các trường Trung học tham dự.

### CÁC NHÀ KHẢO CỔ TRUNG CỘNG TÌM ĐƯỢC NHIỀU BỘ XƯƠNG BÓI TOÁN ĐỜI THƯƠNG

Tân Hoa Xã hôm thứ Hai (24-1-72) cho biết các nhà khảo cổ đã khám phá được những bộ xương bói toán tại miền Trung Hoa Lục địa nhờ đó, họ biết thêm được tin tức quan trọng về xã hội Trung Hoa dưới đời nhà Thương khoảng hơn 1.100 năm trước Thiên Chúa.

Tân Hoa Xã còn cho biết trong hai năm qua các nhà khảo cổ cũng tìm được nhiều thành tích khác, gồm những vật dụng bằng đồ gốm, đá và xương đồ đồng và vũ khí.

Các công cuộc đào xới được thực hiện ở nhiều ngôi mộ thuộc các triều đại khác, trong số có ngôi mộ từ thời Đông Hán (từ năm 25 sau Thiên Chúa - 220 sau Thiên chúa) mà người ta tìm thấy 10 bộ xương của những người đã bị hy sinh.

Theo Tân Hoa Xã thì những bộ xương này ở thể đang chiến đấu hoặc rõ ràng bị giết bằng vũ lực. Những bộ xương này gồm bốn trẻ em khoảng từ 4 đến 6 tuổi, hai em từ 10 đến 15 tuổi và 4 người lớn tuổi từ 30 đến 40.

## HỌA SĨ DIỆP VI BẠCH TRUNG BÀY GẮN 80 BỨC TRANH 'NGỰA' TẠI PHÁP VĂN ĐỒNG MINH HỘI

Cuộc triển lãm họa phẩm về ngựa của họa sĩ Trung hoa Diệp vi Bạch (Yeh Tsai-Pai) đã khai mạc chiều 25-2 tại Trụ sở Pháp văn - Đồng minh Hội đường Gia Long Saigon dưới sự chủ tọa của ông Mai-Thọ-Truyền, Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa.

Cuộc triển lãm quy tụ gần 80 họa phẩm vẽ về ngựa trên lụa và trên giấy của họa sĩ Diệp vi Bạch với những đường nét mềm mại và khéo léo.

Sau khi hướng dẫn ông Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa và quan khách thăm phòng triển lãm, họa sĩ Diệp vi Bạch đã biểu diễn tài nghệ vẽ thêm một số tranh ngựa trên giấy ngay tại phòng triển lãm.

## ÔNG NGUYỄN THÀNH, TÂN TỔNG HỘI TRƯỞNG KHÔNG HỌC VIỆT NAM

Tân ban Quản trị nhiệm kỳ 72-74 của Tổng Hội Không học Việt Nam đã được bầu ra với ông Nguyễn Thành đắc cử chức Tổng Hội Trưởng.

Trong Ban Quản trị nói trên còn gồm có các ông Nguyễn Hữu Túy tư Túy Võ, Đệ 1 Phó Tổng Hội trưởng, Ngô Chí Bình, Đệ 11 Phó Tổng Hội Trưởng, Trần văn Vĩnh, Tổng Thư Ký, Nguyễn văn Khuyến, Đệ 1 Phó Tổng Thư Ký, Lưu Đức Thuận, Đệ 11 Phó Tổng Thư Ký, Lê văn Hiệp, Tổng Thủ Quỹ, Nguyễn Thế Bình tự Giang Kim và Nguyễn văn Minh Kiểm soát viên.

Tân Ban Quản Trị Tổng Hội Không Học Việt Nam cũng yêu cầu các cơ quan đoàn thể, các hiệp hội công tư cũng như các Ban Quản Trị Tỉnh Hội Không Học toàn quốc, nếu có việc gì với Tổng Hội Không Học Việt Nam, có thể liên lạc với địa chỉ văn phòng Tổng Hội đặt tạm tại số 359 đường Trương Minh Giảng Saigon ĐT. số: 40.421 hoặc 95.507.

## KHAI MẠC TUẦN LỄ VĂN HÓA VIỆT-NAM TẠI VAN-TUONG

Tuần lễ văn hóa Việt Nam do sứ quán VNCH tại Ai Lao tổ chức tại Vạn-Tượng đã khai mạc trọng thể hồi 16 giờ ngày 22.1.72 trước sự hiện diện của hơn 300 quan khách ngoại giao đoàn và hơn 1000 thanh niên học sinh, các thân hào, Việt kiều.

Đại sứ Hoàng Cơ Thụy, nhân dịp này đã đọc diễn văn khai mạc nói về ý nghĩa tuần lễ văn hóa Việt-Nam tại Ai-Lao và nhiệm vụ của Việt kiều đối với nền văn hóa dân tộc. Sau đó, ông Ngô Khắc Tinh, Tổng Trưởng Giáo Dục đáp từ và cắt băng khai mạc phòng triển lãm gồm có rất nhiều sách vở và các sản phẩm Mỹ thuật bằng sơn mài và bàn ghế cổ điển biểu dương nền văn-hóa Việt-Nam.

## NỮ THI SĨ HOA-KỲ MARIANNE DRAIG MOORE ĐÃ CHẾT VÌ BỆNH TIM

Nữ thi sĩ Hoa Kỳ Marianne Draig Moore sinh quán tại St Louis từng đoạt giải Pulitzer về thơ văn năm 1952 đã chết hôm thứ Bảy tại Nữu Ước hưởng thọ 84 tuổi sau gần hai năm ốm lay lắt vì bệnh tim.

Ngoài giải Pulitzer, bà Marianne Draig Moore còn đoạt nhiều giải thưởng khác, trong số đó có huy chương vàng văn chương trên toàn quốc Hoa-Kỳ năm 1968.

Tác phẩm của nữ thi sĩ Marianne Draig Moore gồm có tập thơ «Poems» xuất bản năm 1921, «What are Years» (1941) và «Collected Poems» (1951). Một số bài thơ đã được tuyển chọn lại thành một tập thơ được xuất bản năm 1969.

### TRÌNH DIỄN NHẠC CỔ ĐIỂN TÂY PHƯƠNG TẠI TRƯỜNG QUỐC GIA ÂM NHẠC

Một ban nhạc hòa tấu rất trẻ, với sáu mươi ngón đàn điều luyện đã trình diễn một chương trình cổ điển Tây phương chọn lọc dưới sự điều khiển của giáo sư Nguyễn Khắc Cung tại thính đường trường Quốc gia Âm nhạc Saigon đêm thứ Bảy 29-1-72.

Trong thính đường chật ních khách mộ nhạc, dưới sự chủ tọa của ông Mai Thọ Truyền, Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, các nhạc sinh tuổi từ mười bốn đến hai mươi bốn đã trình diễn xuất sắc, độc tấu cũng như hòa tấu tác phẩm bất hủ của những nhạc sư nổi danh trong lịch sử âm nhạc quốc tế như Bach, Mozart, Pergolesi, Mendelssohn, Eccles, Sarasate, Saint Saens. Thêm vào, đặc biệt có hai tác phẩm Việt-Nam, do giáo sư Nguyễn Khắc Cung sáng tác là « Đạo Đàn » và « Kim Trọng Thúy Kiều » cũng được trình tấu trong buổi hòa nhạc này.

Đáng chú ý nhất trong buổi hòa tấu là tác phẩm « Kim Trọng Thúy Kiều » do chính giáo sư Nguyễn Khắc Cung sáng tác. Sự thành công của Nguyễn Khắc Cung là ở nơi ông đã diễn tả đúng tinh thần của Nguyễn Du và Truyện Kiều.

Kề lại bằng nhạc câu chuyện tình buồn nhất trong văn chương Việt Nam. Nguyễn Khắc Cung, cũng như Nguyễn-Du trong truyện Kiều, đã không biểu lộ cái buồn ướt át, bệnh hoạn, chán nản, trái lại tác giả đã dùng âm thanh làm sống lại tình cảm cao đẹp, sâu đậm của Thúy Kiều, cá tính nam nhi của Kim-Trọng, sự can đảm chấp nhận số kiếp gian truân và đen bạc do xã hội tạo nên cho đời trẻ.

### KHAI MẠC PHÒNG TRIỂN LÃM CÁC TÁC PHẨM ĐOẠT GIẢI THƯỜNG VĂN HỌC NGHỆ THUẬT 72

Phó Tổng Thống Trần-Văn-Hưng sáng 31-1 đã đến cắt băng khai mạc Phòng Triển lãm các tác phẩm hội họa, điêu khắc và nhiếp ảnh đoạt giải

thường văn học nghệ thuật 72 tổ chức tại Thư Viện Quốc Gia, đường Gia Long Saigon.

Theo ông Mai-Thọ-Truyền. Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa và là Chủ tịch Ban tổ chức giải thưởng, thể lệ giải thưởng ba bộ môn hội họa, điêu khắc và nhiếp ảnh năm nay có một vài sửa đổi nhằm mục đích phát giác và đề cao cách xứng đáng hơn nữa những công trình sáng tác của từng thể loại.

Ông Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa cho biết, hai năm trước về Hội họa và Điêu khắc có giải thưởng theo hệ cấp nhất, nhì, ba, năm nay chỉ có giải thưởng duy nhất chánh thức dành cho tranh màu, tranh lụa, tranh sơn mài và điêu khắc phẩm (không phân biệt chất liệu). Về nhiếp ảnh, thể lệ vẫn duy trì hệ cấp huy chương vàng hạng nhất, hạng nhì và ba cho mỗi loại ảnh đen trắng và ảnh màu và rút kinh nghiệm chấm giải năm trước, thể lệ có minh nhiên dự liệu hai huy chương hạng đặc biệt dành cao bộ ảnh đen trắng và bộ ảnh màu xuất sắc nhất.

Sau khi thảo luận về tiêu chuẩn chấm giải và tuyên chọn tác phẩm dự giải qua các vòng sơ kết, bán kết các hội đồng đã lập bản kết quả giải thưởng như sau :

Hội họa : Không có giải thưởng chánh thức và khuyến khích. Hội đồng chọn 6 tác phẩm để triển lãm về tranh màu có 5 tác phẩm, Ngu nhiếp của Nguyễn Văn Hiệp, Người bán xôi của La Hon, Niềm u ần của Đỗ Quang Em, Bên cạnh mùa đông của Hạ Quốc Huy, Được mùa của Triệu Vi Hùng.

Về tranh lụa, có tác phẩm : Mẹ Việt Nam của Nguyễn Văn Thương. Điêu khắc : giải chánh thức không có, giải khuyến khích trị giá 150.000đ.00 dành cho tác phẩm Sầu Niệm của Trần Cao Uy (XI măng).

Hội đồng đã chọn thêm điêu khắc phẩm để triển lãm là các tác phẩm : Độc tấu, Nguồn mạch, Mẹ về chợ của Lâm thanh Thủy, Quy nh họa



của Cao nam Tiên, Hợp quần của Trương đình Hải, Bas Relief của Phạm nguyên Ty và Hạnh phúc của Trịnh thiên Tài.

*Nhiếp ảnh* : Về loại ảnh đen trắng :

— Huy chương vàng hạng nhất : không có.

— Huy chương vàng hạng nhì : cấp cho tác phẩm « Ba về đây con » của bà Nguyễn kim Hoa.

— Huy chương vàng hạng ba : cấp cho tác phẩm « Tình người » của ông Trương vĩnh Đức.

— Huy chương vàng hạng đặc biệt : không cấp.

Về loại ảnh màu :

— Huy chương vàng hạng nhất : không cấp.

— Huy chương vàng hạng nhì : cấp cho tác phẩm Hạ cánh I của ông Vương Tư.

— Huy chương vàng hạng ba : cấp cho tác phẩm Vượt đồng của Phạm quang Phước.

— Huy chương vàng hạng đặc biệt : cấp cho bộ ảnh màu của ông Hứa Hòa gồm 8 tác phẩm Chiều ngoài biên giới, Chiều sông Hương, Đua xe, Nhảy dù, Xung phong, Chùa Hương, Người đánh cá và Bay đêm.

Ngoài ra, để trưng bày thêm tại phòng triển lãm Hội đồng đã chọn thêm được 57 ảnh đen trắng và 11 ảnh màu.

Ông Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa nói rằng năm nay kết quả giải thưởng về các bộ môn nghệ thuật có phần sút kém hơn năm ngoái trong lúc kết quả về các bộ môn văn học lại khởi sắc hơn nhiều.

## VNCH DỰ HỘI NGHỊ ĐÔNG KINH VỀ VĂN ĐỀ BẢO VỆ ĐỀ THIÊN ĐỀ THÍCH

Các đại biểu từ 12 quốc gia đã hội họp tại Đông-kinh hôm thứ Ba để dự một hội nghị 1 tuần lễ nhằm thảo luận về những biện pháp bảo vệ vùng đền đài lịch sử Đề Thiên Đề Thích tại K.P.C. và các địa điểm văn hóa khác tại Á Châu.

Hội nghị này do Trung tâm Văn hóa Á Châu triệu tập với sự hỗ trợ của hội đồng văn hóa LHQ (UNESCO).

Các viên chức cho biết họ sẽ thảo luận về việc làm thế nào để bảo vệ vùng đền đài Đề Thiên Đề Thích và một đại biểu K.P.C. sẽ lên tường trình về tình hình tại đây.

Các đền đài này đã tạo một cái hang an toàn cho lực lượng Bắc Việt và V.C. từ một năm nay; tuy nhiên có các nguồn tin loan báo, mới đây chính phủ K.P.C. đã dự định phát động một cuộc hành quân nhằm đẩy lui quân Cộng Sản ra khỏi vùng này.

Người ta lo ngại rằng cuộc hành quân của K.P.C. có thể đưa đến việc tàn phá các đền đài trên.

Các đại biểu tham dự hội nghị này gồm A Phú Hân, K.P.C. Tích Lan, Ấn Độ, Indonesia, Nhật, Đại Hàn, Mã lai Á, Nepal, Phi luật Tân, Thái Lan và VNCH.

## NHIẾP ẢNH GIA HOA KỶ W. LEE TIẾP NHẬN GIẢI THƯỞNG NHIẾP ẢNH VIỆT NAM

Văn phòng Quan-sát-viên Thường-trực Việt Nam Cộng Hòa tại Liên Hiệp-Quốc tuần qua đã trao tặng huy chương và giải thưởng nhiếp ảnh Việt-Nam cho Ông Wellington Lee, một nhiếp ảnh gia kỳ cựu và nổi tiếng nhất của Hoa Kỳ.

Dịp này, Ông Wellington Lee đã bày tỏ lòng cảm phục Việt-Nam Cộng-Hòa, tuy ở trong tình trạng chiến tranh, nhưng cũng đã cố gắng hoạt động mạnh mẽ trong lãnh vực văn hóa và nghệ thuật khi tổ chức cuộc thi và triển lãm nhiếp ảnh quốc-tế hồi cuối năm qua.

Được biết, với 8 bức hình màu và đen trắng gửi dự thi, Ông Wellington Lee đã chiếm được một giải tượng vàng và một huy chương bạc của Hội nhiếp ảnh KBC dành cho bộ ảnh đẹp nhất và một giải tượng vàng của Hội ảnh APA dành cho tác giả có số điểm cao nhất trong cuộc thi và triển lãm nhiếp ảnh quốc tế do Hội Nhiếp Ảnh KBC tổ chức lần đầu tiên tại Saigon vào cuối tháng 12 năm 1971 và đặt dưới sự bảo trợ của Bộ Ngoại Giao.

### PHÁT GIẢI ẢNH NGHỆ THUẬT QUỐC TẾ

Trên 400 ảnh nghệ thuật từ 36 quốc gia gửi đến tham dự kỳ thi nhiếp ảnh quốc tế đã được trưng bày tại Trung Tâm Sinh Hoạt Thanh Niên Saigon số 5 Duy Tân hồi chiều 11-3.

Buổi khai mạc phòng triển lãm ảnh nghệ thuật này do ông Ngô Khắc Tinh Tổng Trưởng Giáo Dục và Thanh Niên chủ tọa, đã trở thành buổi phát giải thưởng cho các nhiếp ảnh gia đoạt giải.

Nhiếp ảnh gia Pedro Luis Raota .E. Fiap của Á Căn Đình đã đoạt huy chương vàng với tác phẩm «Please... be silent!» đen trắng. Ông này cũng đoạt huy chương bạc với tác phẩm cùng loại mang tên «la Madre del soldado» cùng với «Uớc nguyện» của Lữ Huỳnh Phụng (VN) và «at play» của M. Felman (Nam Phi).

Trong sáu huy chương đồng và sáu bằng tưởng lệ dành cho ảnh đen trắng, VN chiếm bảy.

Về ảnh màu, tác phẩm «Night» của David Cling đã mang về cho Hong khong một huy chương vàng, «Quê Hương thanh bình» của Nguyễn Minh Sơn và «Meditazione» của Mario Marsilia đã mang lại cho Việt Nam và Ý huy chương bạc.

Việt Nam cũng chiếm hai huy chương đồng và ba bằng tưởng lệ trong số 9 giải thưởng đồng-hạng dành cho các ảnh màu.

Ông Karl Bammer của Áo đã chiếm huy chương vàng về bộ môn phim Slide màu, với tác phẩm «Wintereabend». Về loại này, VN chỉ có một bằng tưởng lệ dành dự với tác phẩm «Vào thung lũng» của Đỗ Đức Hiền.

### MỘT GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ ĐƯỢC LẬP TẠI VIỆT NAM

Một giải thưởng có tính cách quốc tế như Giải Magsaysay ở Phi Luật Tân vừa được thành lập tại Việt Nam.

Trong phiên họp hàng tháng vừa qua, Ủy Ban Quốc Gia Nguyễn Trường Tộ đã quyết định thành lập một Giải Thưởng, gọi là Giải Nguyễn Trường Tộ, để tưởng thưởng mọi tác phẩm, mọi công cuộc, mọi người hay mọi tổ chức quốc gia hay quốc tế sẽ đóng góp đặc biệt vào việc phát triển Việt-Nam.

Giải thưởng này gồm có một văn bằng và một số tiền tương đương với giá 5 lạng vàng.

Hàng năm, Ủy Ban Quốc Gia Nguyễn Trường Tộ sẽ phát một hay nhiều giải vào dịp kỷ niệm ngày từ trần của nhà ái quốc và bác học Nguyễn Trường Tộ tức là ngày 22 tháng Mười Một.

Ủy Ban do Ngoại Trưởng Trần Văn Lâm, làm Chủ tịch đang xúc tiến việc dựng tượng nhà chí sĩ ở Saigon và xây dựng một Trung Tâm Văn hóa gọi là Trung tâm Văn hóa Nguyễn Trường Tộ để làm nơi hoạt động và phát triển văn hóa Việt Nam.

### THƯ VIỆN QUỐC GIA CÓ THÊM HƠN MỘT NGÀN CUỐN SÁCH VỀ LỊCH SỬ VĂN HÓA CÁC NƯỚC BẠN

Các Tòa Đại sứ Hoa Kỳ, Trung Hoa Quốc Gia, Tây Đức, Anh Quốc, Hòa Lan, và Tòa Tổng Lãnh Sự Pháp vừa trao tặng thư viện Quốc Gia Việt-Nam hơn một ngàn cuốn sách về lịch sử và văn hóa của các quốc gia nói trên.

Trong buổi lễ tổ chức tại Thư Viện Quốc Gia, đường Gia Long sáng 16-3, ông Mai Thọ Truyền, Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, đã nhận lãnh số sách do đại diện các Tòa Đại sứ và Tòa Tổng Lãnh Sự trên trao tặng.

Địp này, Ông Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa cũng tặng lại các vị đại diện nói trên một số sách Việt Nam.

Được biết, trong số hơn một ngàn cuốn sách mà Thư Viện Quốc Gia nhận được gồm có 345 cuốn của Tòa Đại sứ Trung Hoa Quốc Gia, 283 cuốn của Tòa Đại sứ Hoa Kỳ, 226 cuốn của Tòa Tổng Lãnh Sự Pháp, 44 cuốn của Tòa Đại sứ Tây Đức, 91 cuốn của Tòa Đại sứ Hòa Lan và 28 cuốn của Tòa Đại sứ Anh.

### THUYẾT TRÌNH VỀ VĂN HÓA VIỆT-NAM TẠI MANILA

Hai đại diện Tòa Đại sứ VNCH tại Phi Luật Tân ngày 14-3 vừa qua đã thuyết trình về nền văn hóa Việt Nam, tại trung tâm Giáo Dục Quản Trị và Điều hành Nhân lực tại Ma Ni, theo lời mời của Trung tâm này.

Trước một cử tọa gồm các giới chức quản trị và điều hành trung cấp của Trung tâm vừa nói, ông Nguyễn Văn Pha, đệ nhất Tham vụ thuyết trình tổng quát về sinh hoạt văn hóa, và ông Trần - Đình - Hy, Tùy viên, thuyết trình về hôn nhân cổ truyền của Việt Nam.

Được biết, buổi thuyết trình trên là một trong những buổi thuyết trình về lãnh vực phát triển văn hóa có tính cách quốc tế do Trung Tâm Giáo Dục Quản Trị và Điều Hành tổ chức.

### VĂN HÀO SOLZHENITSYN SẼ LÃNH GIẢI NOBEL TẠI MẠC TƯ KHOA

Một nguồn tin hôm nay cho biết là văn sĩ Nga Sô Alexander Solzhenitsyn nhận lãnh giải thưởng văn chương Nobel 1970 của ông, nhân một buổi lễ được tổ chức trong vòng kín đáo tại Mạc Tư Khoa, vào ngày 9 tháng Tư.

Tiến sĩ Karl Raynar Gierow, tổng thư ký thường trực của Hàn lâm Viện Thụy Điển, nói với các ký giả rằng ông sẽ sang Mạc Tư Khoa vào ngày 8 tháng Tư, để trao bằng Nobel cũng như huy chương vàng, tại một ngôi nhà của người bạn của văn hào Solzhenitsyn, trong ngày kể đó.

Trị giá tiền mặt của giải này lên đến 400.000 tiền Thụy Điển đã được chuyển vào một trương mục của một ngân hàng Thụy Sĩ, mang tên văn hào Solzhenitsyn, từ hồi tháng Giêng 1971, trong khi huy hiệu Nobel vẫn còn được giữ lại Hàn Lâm Viện Thụy Điển.

### VNCH ĐOẠT 2 HUY CHƯƠNG VÀNG TRONG CUỘC THI NGHIỆP ẢNH QUỐC TẾ TẠI TÂY ĐỨC

VNCH đã đoạt hai huy chương vàng trong cuộc thi nhiếp ảnh quốc tế tại Tây Đức năm 71, với tác phẩm đen trắng « Tiếng học trò trong lò cốt » và tác phẩm màu « Chiều trên đồi cát » của Nguyễn Ngọc Hạnh.

Nhiếp ảnh gia quân đội Nguyễn ngọc Hạnh cho biết ông đã gửi 19 tác phẩm đen trắng lẫn màu dự thi cùng các nhiếp ảnh gia thuộc 28 quốc gia trên thế giới, và đã đoạt giải trong số 2009 tác phẩm đủ loại dự thi.

Ông Hạnh cho biết báo chí và dân chúng Bonn, Tây Đức đã không tiếc lời ngợi khen các tác phẩm VN được trưng bày triển lãm tại đây.

### NỮ SINH TRUNG VƯƠNG ĐOẠT GIẢI DANH DỰ CUỘC THI VĂN CHƯƠNG PHỤ NỮ

Nữ sinh Vũ thị Lệ Dung, 19 tuổi, học lớp 12A2 Trưng Vương đã đoạt giải danh dự cuộc thi văn chương phụ nữ 1972.

Cuộc thi văn chương này do Bộ Giáo Dục tổ chức nhân dịp Lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng và ngày Phụ nữ V.N. Đề tài cuộc thi là « Tìm hiểu việc làm, đức tính và ước vọng của người đàn bà VN qua câu ca dao sau đây :

« Canh một dọn cửa dọn nhà

Canh hai dệt cửi canh ba đi nằm

Canh tư bước sang canh năm

Trình anh, dậy học chớ nằm làm chi

Nửa mai Chúa mở khoa thi

Bảng vàng chói lọi kia đề tên anh ».

Sau cô Dung là nữ sinh Trần thị Thùy Mai, 18 tuổi, lớp 12C-1 trường nữ Trưng học Đồng-Khánh, Huế, chiếm giải nhất. Giải nhì về tay cô Nguyễn thị Kim Xuân, 17 tuổi, lớp 11A2 Trưng học Trưng Vương và giải ba là cô Nguyễn thị Hoa, 18 tuổi, nữ sinh Đoàn thị Diễm, Cần Thơ.

Ngoài ra còn bốn nữ sinh khác được giải khuyến khích thuộc các trường Gia Long (Saigon), Đà Nẵng, Huế và Cần Thơ.

Các nữ sinh trúng giải đã được Phu nhân Tổng thống trao giải thưởng tại lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng, tổ chức sáng 20-3-72 tại công viên Tao Đàn.

### LIỆT NHẠC SĨ PHI ĐƯỢC CHÍNH PHỦ ỨC TẶNG MỘT VI CẦM CHẾ TẠO TỪ 170 NĂM NAY

Ngoại trưởng Úc Đại Lợi Nigel Bowen hôm thứ năm đã tặng cho nhạc sĩ Phi Luật Tân Julian Quirit một cây vi cầm được chế tạo tại Luân

Đôn vào khoảng năm 1800, và trị giá chừng 700 Úc kim (hơn 300.000đ.VN).

Trong một buổi lễ trao tặng đơn giản tại Sydney, Ngoại trưởng Bowen thay mặt chính phủ Úc đã trao chiếc vi cầm quý giá cho nhạc sĩ sinh viên 22 tuổi.

Nhạc sĩ Quirit, theo học tại Úc Đại Lợi từ tháng Giêng trước đây đã được Ngoại trưởng Bowen cho là một nhạc sĩ có một « tài năng hiếm có ».

Chiếc vi cầm trên được chế tạo theo kiểu của nhà làm đàn vi cầm Ý Đại Lợi Guadinini ở đầu thế kỷ 18.

### KẾT QUẢ GIẢI THƯỞNG DỊCH THUẬT 1971 DO PHỦ QUỐC VỤ KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN HÓA TỔ CHỨC

Văn phòng Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa đã công bố kết quả giải thưởng dịch thuật 1971, theo đó có năm dịch phẩm được tuyên trạch trúng giải, trong số có ba dịch phẩm nguyên tác Pháp văn và hai dịch phẩm nguyên tác Anh văn.

Trong một thông cáo vừa phổ biến Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa cho biết chiếu biên bản phiên họp chung quyết ngày 22-3-1972 của Hội đồng chấm giải, kết quả Giải thưởng dịch Thuật 1971 được xác định như sau :

Dịch phẩm nguyên tác Hán văn : Không có dịch phẩm trúng giải.

Dịch phẩm nguyên tác Pháp văn :

1) Giải thưởng chính thức loại biên khảo (300.000đ) : *Thần Đêm U Âm*, dịch tác phẩm « Le dieu des ténèbres » của nhiều tác giả theo ấn bản Pháp văn của tủ sách Nouveaux horizons nhà xuất bản Segners, bản dịch của Đinh Bá Kha (bản thảo) đăng ký số 16-PV.

2) Hai giải thưởng khuyến khích loại tiểu thuyết (mỗi giải 100.000đ) :

— Dịch Hạch nguyên tác «La peste» của Albert Camus, bản dịch của Võ Văn Dung (sách in), đăng ký số 17-PV.

— Con Mắt Thứ Ba, dịch tác phẩm «Le troisième oeil» của T. Lopsang Rampa theo ấn bản Pháp văn của Jacques Legris, bản dịch của Đỗ Văn Khoa (bản thảo), đăng ký số 03-PV.

Dịch phẩm nguyên tác Anh văn :

1) Giải thưởng chính thức. Không có.

2) Hai giải thưởng khuyến khích loại kịch phẩm (mỗi giải 100.000đ).

Vua Lira, nguyên tác «King Lear» của William Shakespeare bản dịch của Hà Kim Phước và Trịnh Hoa Hiệp (bản thảo), đăng ký số 05-AV.

— Kẻ Thà Của Dân Chúng nguyên tác «An Enemy of the people» của Henrik Ibsen, bản dịch của La Phạm Khoan bút hiệu Cờ Lũy (bản thảo), đăng ký số 04-AV.

Theo Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa các Dịch phẩm trúng giải trên được tuyên trạch trong số 33 dịch phẩm dự giải trong năm 1971, gồm có 07 dịch phẩm Hán-văn, 19 dịch phẩm Pháp-văn và 06 dịch phẩm Anh-văn.

Hội đồng chấm giải gồm có các Ông Mai Thọ Truyền, Chủ Tịch kiêm hội viên Ban Pháp-văn, Trần Tuấn Khải, hội viên Ban Hán-văn, Nguyễn Thọ Dực, hội viên Ban Hán-văn, Lê-Văn, hội viên Ban Anh-văn, Nguyễn Văn Lương, hội viên Ban Anh-văn, Vi Huyền Đắc, hội viên Ban Ph p văn, Tôn Thất Trạch, hội viên Ban Pháp-văn, và Võ Long Tế, Thư Ký kiêm hội viên Ban Pháp-văn.

## MỘT SỐ SÁCH VĂN HÓA VN ĐƯỢC TRUNG BÀY TẠI CÁC THƯ VIỆN ĐÀLLOAN

Trong khuôn khổ trao đổi văn hóa, Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa vừa gửi 82 loại sách liên quan đến văn hóa Việt-Nam để trưng bày tại Quốc lập Trung Ương Đờ Thu Quán (Đài-Bắc) và triển lãm luân chuyển tại các thư viện khác trên toàn quốc Đài-Loan.

Việt-Nam cũng gửi ba họa phẩm do Phủ Văn Hóa chọn lọc để triển lãm tại Santiago (Chili) nhân dịp phái đoàn VHCH đi tham dự hội nghị Liên Hiệp Quốc về Thương mại và Phát triển tại đây.

Ngược lại các sứ quán ngoại quốc tại Saigon có gửi tặng Thư Viện Quốc gia một số sách quan trọng. Lễ tiếp nhận được tổ chức long trọng ngày 16-3-1972.

## THÔNG CÁO

Về cuộc thi sáng-tác thơ do Văn-Hóa Tập-San  
tổ-chức dưới sự bảo-trợ của Phủ Quốc-  
Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa

Dưới sự bảo trợ của Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, Tòa soạn Văn-Hóa Tập-San thuộc Nha Văn-Hóa tổ-chức một cuộc thi thơ nhằm mục-đích góp phần củng-cố tinh-thần quốc-gia và phát-huy ý-chí chống Cộng cứu nước.

Cuộc thi mở cho các thi-sĩ có Việt-tịch, không hạn-chế tuổi, mỗi người có quyền gởi dự thi một hay nhiều tác-phẩm thuộc các thể thơ sau đây, quanh đề tài « Tinh đoàn-kết quân dân và Ý-chí chiến-đấu chống Cộng cứu nước ».

### A) Thơ định-thể :

- 1) Bát cú Đường Luật
- 2) Hát nói

### B) Các thể thơ khác (Tối thiểu 8 câu, tối đa 300 câu) :

- 3) Lục bát
- 4) Song thất lục bát
- 5) Cổ phong
- 6) Thơ tám chữ mỗi câu (Thơ mới)
- 7) Thơ hợp thể (tùy nghi kèm dụng nhiều thể thơ)
- 8) Thơ tự do

Về mỗi thể thơ, có một giải thưởng chính-thức và hai giải thưởng khuyến-khích.

Ban Tổ-chức cuộc thi nhận tác phẩm dự thi kể từ ngày công bố thông cáo này cho đến 18 giờ ngày 30-7-1972 và sẽ tuyên bố kết quả cuộc thi ngày 1-9-1972. Hội Đồng Giám Khảo gồm có 5 thi-sĩ danh tiếng do Ban Tổ-Chức mời và sẽ công bố danh sách sau.

Muốn biết thêm chi-tiết, xin liên-lạc với Ban Tổ-Chức đặt tại Nha Văn-Hóa, số 8, đường Nguyễn-Trung-Trực (lầu 2) Saigon, điện-thoại số 92.709/17.

### Nơi nhận :

- Saigon, ngày Lễ Quốc-Tử Hùng-Vương  
(23 tháng 4 năm 1972)
- Việt Tấn Xã (12 bản) XLT.V. Giám Đốc Nha Văn-Hóa  
« đề nhờ đăng trên bản tin »  
Kiếm Chủ-nhiệm Văn-Hóa Tập-San,
- Nha Vô Tuyến Truyền Hình,  
Nha Vô Tuyến Truyền Thanh  
(Bộ Thông Tin)  
(mỗi nơi 10 bản)
- Nha Báo Chí Bộ Thông Tin (100 bản)  
« đề nhờ phổ biến các báo »
- Văn Phòng Bộ Thông Tin «Đề kính tường»
- Văn Phòng Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa  
«Đề kính tường trình»

TẶN VĂN H

## THỀ - LỆ

### CUỘC THI SÁNG TÁC THƠ

do Văn-Hóa Tập-San tổ chức  
dưới sự bảo-trợ của Phủ Quốc-Vụ-Khanh  
Đặc-Trách Văn-Hóa

#### I. Cơ-quan tổ-chức. Mục-đích

Điều 1. Dưới sự bảo-trợ của Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, tòa soạn Văn-hóa Tập-san do Nha Văn-Hóa xuất-bản tổ-chức một cuộc thi sáng-tác thơ nhằm mục đích góp phần củng-cố tinh-thần quốc-gia và phát-huy ý-thức chống cộng cứu nước.

#### II. Đề tài. Thể thơ

Điều 2. Đề-tài thơ dự thi là « Tinh đoàn-kết quân dân và ý-chí chiến đấu chống cộng cứu nước ».

Điều 3. Thể thơ dự thi được ấn-định như sau :

##### A) Thơ định-thể :

1) Bát-cú Đường-luật

a) Hát nói

B) Các thể thơ khác : (tối thiểu 8 câu, tối đa 300 câu):

3) Lục-bát

4) Song thất lục bát

5) Cổ-phong

6) Thơ tám-chữ mỗi câu (thơ mới)

7) Thơ hợp thể (tùy nghi kèm dụng nhiều thể thơ)

8) Thơ tự do.

Thơ dự thi phải sáng-tác bằng Việt-ngữ.

#### III. Điều-kiện dự thi

Điều 4. Tất cả các thi-sĩ có Việt-tịch, không hạn chế tuổi đều có quyền gởi dự thi một hay nhiều tác-phẩm thuộc các thể thơ ấn định ở điều 3.

Điều 5. Hồ-sơ dự thi gồm có :

1. Phiếu dự thi do thi-sĩ thiết-lập, gồm các chi-tiết sau đây :

a.- Họ và tên

b.- Căn-cước (số, ngày và nơi cấp)

Nếu chưa có thẻ căn-cước vì ít tuổi, xin ghi chi-tiết tương-tự của thẻ học sinh hay căn-cước của cha-mẹ hay người giám-hộ.

c.- Địa chỉ

d.- Tác-phẩm dự thi (xin ghi nhan-đề, thể thơ và số-lượng tác-phẩm thuộc từng thể thơ).

2. Tác-phẩm dự thi : (gồm 5 bản viết tay hay đánh máy) ký một biệt-hiệu chưa từng sử-dụng ; mỗi tác-phẩm bỏ vào một phong bì niêm kín, ngoài bì ghi :

— nhan-đề

— biệt-hiệu

3. Phiếu đối chiếu : biệt-hiệu đã dùng dưới tác-phẩm dự thi với họ và tên thật ghi vào một phiếu riêng, bỏ vào một phong bì niêm kín, ngoài bì có chữ ký của người dự thi.

Ba tài-liệu trên được bỏ chung vào một phong-bì lớn, ngoài bì ghi : « Dự cuộc thi sáng-tác thơ do Văn-hóa tập-san tổ-chức » và gởi đến Ban Tổ chức cuộc thi theo địa-chỉ :

Ông Chủ-nhiệm Văn-Hóa Tập-San  
Số 8 Nguyễn-trung-Trực (lầu 2)

SAIGON

Mẫu phiếu dự thi được phân-phát tại Ban Tổ-chức để người dự thi tùy nghi điền ký.

Điều 6. Hồ sơ dự thi do người dự thi hay đại-diện đích thân nộp cho Ban Tổ-chức hay gửi đến bằng bưu-khiện bảo đảm.

#### IV. Thời-hạn nhận tác-phẩm dự thi

Điều 7. Thời hạn nhận tác-phẩm dự thi bắt đầu từ ngày 2 tháng 5 năm 1972 và chấm dứt lúc 18 giờ ngày 30 tháng 7 năm 1972.

Đối với tác-phẩm gửi theo lối bưu-khiện, bảo đảm, Ban Tổ-chức căn-cứ vào nhật-ấn của Bưu điện đóng trên bì thư ghi ngày gửi từ các nơi đến Saigon.

#### V. Thể-thức thu-nhận tác-phẩm dự thi

Điều 8. Ban tổ-chức cấp biên-lai cho người dự thi căn cứ trên các chi-tiết của phiếu dự thi và nếu bì thư đựng tác-phẩm dự thi và phiếu đối chiếu hợp lệ, nghĩa là được niêm phong cẩn thận.

Đề bảo mật số-hiệu đăng-ký mỗi tác-phẩm dự thi đều ghi trên bì, lục đăng vào sổ thu-nhận rồi sẽ chuyển đến Hội-Đồng Giám-khảo trong tình-trạng còn niêm phong.

Phong bì đựng phiếu đối- chiếu chỉ được mở ra sau khi Ban Tổ-chức cuộc thi nhận được biên-bản của Hội-Đồng Giám-khảo.

#### VI. Hội đồng Giám-khảo — Giải-thưởng

Điều 9. Hội-đồng Giám-khảo gồm 5 thi-sĩ danh tiếng do Nha Văn-Hóa mời. Quyết-định của Hội-đồng Giám-khảo có tính-cách chung-quyết.

Điều 10. Về mỗi thể thơ, có 01 (một) Giải thưởng chính-thức và 02 (hai) Giải thưởng khuyến khích :

A) Mỗi giải thưởng chính-thức gồm có :

1) Một khoản hiện kim 10.000đ

2) Năm tác-phẩm có giá-trị do Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa ấn-hành.

3) Một văn bằng danh-dự

B) Mỗi giải thưởng khuyến-khích gồm có :

1) Một khoản hiện kim 2.000đ

2) Ba tác-phẩm giá-trị do Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa ấn hành.

3) Một Văn bằng danh dự.

Điều 11. Chiều biên-bản của Hội-Đồng Giám-khảo, Ban Tổ-chức Giải thưởng sẽ công bố kết-quả vào ngày 01-09 năm 1972.

Lễ trao Giải thưởng sẽ tổ-chức trọng-thể tại địa-điểm và theo ngày giờ sẽ được loan báo sau.

Điều 12. Tác-phẩm trúng giải và những tác-phẩm được Hội-đồng Giám-khảo đặc-biệt lưu ý sẽ được Nha Văn-Hóa ấn-hành thành tập để tặng các thi-sĩ liên-hệ và phổ-biến rộng-rãi trong và ngoài nước. Nha Văn-Hóa cũng được quyền giới thiệu những tác-phẩm này trong những buổi truyền-thanh hay truyền-hình.

Ngoại trừ những hạn chế nêu trên, bản quyền tác-phẩm dự thi thuộc quyền sở-hữu của tác-giả.



### VII. Điều khoản chung

**Điều 13.** Những tác-phẩm không trúng giải đều được hoàn-trả cho tác-giả theo lời yêu cầu trong thời hạn 02 tháng từ ngày tuyên-bố kết quả cuộc thi. Quá thời hạn trên, mọi sự khiếu nại về sự thất-lạc tác-phẩm đều không được cứu xét.

**Điều 14.** Những điều không dự liệu trong thể-lệ này sẽ do Ban Tổ chức và Hội-đồng Chấm giải toàn quyền quyết-định.

**Điều 15.** Muốn rõ biết thêm chi-tiết về thể-lệ này, xin liên lạc với Ông Giám-đốc Nha Văn-Hóa kiêm Chủ-nhiệm Văn-Hóa Tập-San, số 8 Nguyễn-Trung-Trực (lầu 2), Saigon, điện thoại số 92709/17.

Saigon, Ngày Lễ Quốc-Tử Hùng-Vương  
(23 tháng 4 năm 1972)

Giám-Đốc Nha Văn-Hóa  
kiêm Chủ-nhiệm Văn-Hóa Tập-San

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

PHỦ QUỐC VỤ KHANH  
ĐẶC TRÁCH VĂN HÓA

NHA VĂN HÓA

Tòa soạn VĂN HÓA TẬP SAN

Số : 02-QVK/VH/NVH/GT

### THÔNG CÁO

Tiếp theo Thông Cáo ngày 23-4-1972 về cuộc thi sáng tác Thơ do Tòa Soạn Văn Hóa Tập San tổ chức, Ban Tổ Chức trang trọng thông báo danh sách Hội Đồng Giám Khảo như sau :

- Thi-sĩ Á Nam
- Thi-sĩ Tô Nam
- Thi-sĩ Vũ Hoàng Chương
- Thi-sĩ Cao Tiêu
- Thi-sĩ Tường Linh.

Ban Tổ Chức xin nhắc lại là cuộc thi mở cho các thi sĩ Việt-Nam, không hạn chế tuổi, mỗi người có quyền gởi dự thi một hay nhiều tác phẩm thuộc các thể thơ sau đây, quanh đề tài « Tinh đoàn kết quân dân và Ý chí chiến đấu chống Cộng cứu nước » :

#### A) Thơ định thể :

- 1) Bất cú Đường luật
- 2) Hát nói

#### B) Các thể thơ khác : (tối thiểu 8 câu, tối đa 300 câu) :

- 3) Lục bát
- 4) Song thất lục bát
- 5) Cổ phong

- 6) Thơ tám chữ mỗi câu (Thơ mới)
- 7) Thơ hợp thể (tùy nghi kiêm dụng nhiều thể thơ)
- 8) Thơ tự do.

Về mỗi thể thơ, có một giải thưởng chính thức 10.000đ. và hai giải khuyến khích mỗi giải 2.000đ.

Thời hạn chót nhận bài dự thi là 18 giờ ngày 30-7-1972. Kết quả cuộc thi sẽ được tuyên bố vào ngày 1-9-1972.

Muốn biết thêm chi tiết, xin mời liên lạc với Văn Phòng Ban Tổ Chức đặt tại Nha Văn Hóa, số 8, đường Nguyễn Trung Trực (lầu 2) Saigon điện thoại số 92.709/17.

Nơi như :

- Việt Tân Xã (12 bản)
- « Đề nhờ đăng vào bản tin »
- Nha Báo Chí Bộ Thông Tin (100 bản)
- « Đề nhờ phổ biến đến các báo »
- Văn Phòng Bộ Thông Tin
- « Đề kính tường »
- Văn Phòng Phủ Quốc Khanh ĐTVH
- « Đề kính tường trình »

Saigon, ngày 26 tháng 5 năm 1975

Xử Lý Thường Vụ Giám Đốc Nha Văn Hóa  
kiêm Chủ Nhiệm Văn Hóa Tập San

TẤN VĂN HI

phụ trương

## u.n.e.s.c.o. and cultural activities in vietnam

The Ministry of Culture was established in the late 1968.

When it is possible, the Ministry is ready to send representatives by its own or in coordination with the Ministry of National Education to take part in conferences, seminars organized by UNESCO, these last three years, the Republic of Vietnam has participated in five UNESCO conferences :

- 1) Conference on Measures against illegal import-export and transfer of Cultural Property in Paris from 13 to 24, October 1970.
- 2) Inter-Governmental Conference on Cultural Policy in Venise (Italy), hosted by UNESCO from August, 24 th 1970 to September, 2nd 1970.
- 3) Sixteenth UNESCO Conference held in Paris from October, 12 th to November, 14 th 1970.
- 4) Conference of the Committee of Experts drafting measures for the protection of the rights of Recording Producers in Paris from 1 to 5 March, 1971.
- 5) Conference on international conventions for the protection of Recording Producers in Geneva from 18 to 29, October 1971.

### UNESCO AID TO VIETNAMESE CULTURE

The Ministry keeps in mind, it is necessary to train its personnel, especially the high-qualified experts to assume delicate and refined jobs. It

tries to send officials abroad for advanced training and professional improvement, UNESCO is ready to give assistance in this enterprise.

1) 1968 Unesco Scholarship for preservation of Historical Vestiges.

In 1968, The Italian Government gave an one-year scholarship on Preservation and Restoration of Cultural Heritage in Rome to Mr. Nguyen Ba Lang, an architect at the Institute for Archeological Researches. Mr. Lang came back to Saigon on December, 9th, 1969, after his training. During this time, he took courses in Methods and Technique of preservation and restoration of Historical Heritage for six months, together with 49 other participants, who were architects and archeologists from 20 various countries in Europe, North and South America, North Africa, and East and South Asia.

Mr. Nguyen Ba Lang is going to present a thesis entitled « Project and Plan for the Restoration of the Inner Palace and the Imperial City of Huế », to obtain an international diploma in Preservation and Restoration of Cultural Heritage.

The subject is very realistic and effective vis-a-vis Viet-Nam. Certainly Mr. Lang will cooperate successfully with the two UNESCO experts during their service-tour in Viet-Nam, and no doubt Mr. Lang will contribute largely to the Restoration of the imperial city, since after his training abroad Mr. Lang was appointed Director of the Institute for Archeological Researches after the former had retired.

2) Fellowship to observe Buddhist Arts in Asian countries.

UNESCO in the year 1969-1970 gave to Mr. Đo Ba Vinh, an inquirer at the Institute for Archeological Researches.

Mr. Đo Ba Vinh left in the early May of 1970 to study Buddhist arts in Japan, Taiwan, Hong-Kong, Thailand, India and Ceylon, he returned to Vietnam in the early August, 1970.

3) A fellowship in 1971 to a Vietnamese painter to study Oriental arts and particularly Buddhist ones in six months.

The Ministry of Culture has proposed two candidates and the decision of UNESCO on this matter is expected to come soon. This fellowship is within the project of Expert Training. The said trip is divided into two phases: after 3 months of observation in Japan, Republic of Korea, Taiwan, the participant will return to Vietnam for a couple of months, then he will continue his studies in Thailand, India and Ceylon for three more months.

4) UNESCO granted a donation of US\$ 1500 to the Ministry of Culture to purchase famous paintings exhibited at various Museums.

The purchase is being proceeded by the courtesy of Vietnamese Permanent Delegation to UNESCO in Paris, and reproductions will eventually arrive.

5) Restoration of Hue imperial city.

HUE city was heavily damaged during the Communist Tet Offensive in 1968, a huge amount of currency and intensive technical aid are required for the restoration. These facilities are beyond the self-sufficiency capacity of the Republic of Vietnam. The appeal for help was satisfactorily met by UNESCO, as a consequence, the request was put on the agenda for discussion at the 16th UNESCO conference in a document bearing the number of 16 C/PRG/SUB 111/3 Add of November 11th, 1970.

As an initial step, UNESCO decided to send two experts in restoration

of monuments to Vietnam a tour of two months for each one. The first expert (an architect) comes to Vietnam, working in a month to assess the rate of damage then to forward a reconstruction project with substantial details, after returning to Paris on briefing he will return for the second time to finish his work. The second expert (an engineer of construction) will come to Vietnam to complete what is still undone by the first expert, he will come out with a final project, ready for the enterprise.

The tentative time for these experts to come is the end of 1971. Mr. Brown Morton (the first expert) arrived in Saigon on October, 24th, 1971 and has started his survey together with Mr. Nguyen Ba Lang, Director of the Institute for Archeological Research. The Central UNESCO office will base on the results of this survey to help the Vietnamese Government to restore the old imperial city as it is necessary, this cultural heritage is not only the property of the Vietnamese but it must be considered as a common legacy of human race.

#### 6) *On the rights of authorships.*

In a session of the 15th UNESCO conference, a representative of the Ministry of Culture had the opportunity to present fully the paper on this subject brought from Saigon, it is the result of work by the Interministerial Committee for drafting bills on the rights of authorships, established by the decree 589/NĐ/Tb.T/PC<sub>3</sub> of June, 8th, 1970. Concerning this matter, UNESCO decided to send Mr. Ziegler, an authority in authorship to Vietnam probably in November, 1971 to cooperate with the said Committee to complete the study.

#### 7) *Exhibition of the art of Writing.*

The Ministry of Culture accepted to organize an exhibition of the Art of Writing initiated by UNESCO.

The newly-constructed National Library for the first time opened widely its gates to welcome the public to this international exhibition from July 31st to August, 14th, 1971. The visitors tolled to 5,000.

#### FUTURE PROJECT ASKING FOR TEACHER AND EXPERT TRAINING SCHOLARSHIPS

Since its establishment for the aim of developing education of arts, the Ministry of Culture decided to raise up the School of Arts to a higher level with a longer curriculum of studies.

In spite of crucial reality of the dearth of qualified teaching staff, the School of Arts in Saigon and Hue, and the School of Decorative Arts have undergone far-reaching reforms in organization as well as in curriculum.

In consequence, the training of competent teachers is the daily concern of the Ministry. When the chance is available, the Ministry tries its best to help the personnel involved to further their studies, since only competent teachers can produce good students.

In a very near future, a teacher of painting will be sent abroad to study the Oriental painting for six months under the sponsorship of UNESCO. However, the shortage of teaching staff is still very serious, thus the Ministry of Culture hopes to get scholarships every year so that it can pursue its long-range training program.

Until now the Ministry has applied to UNESCO for:

— a scholarship or a fellowship for an expert to be trained into a museum conservator or manager, this field of activities is so important but only one expert has been trained so far.

— two scholarships, one for painting, the other for sculpture for teachers at the Higher School of Arts.

There is hope that this request will be considered with favorable opinion.

*VU-TRONG-UNG*  
(Researcher at the Ministry of Culture)

VĂN HÓA TẬP-SAN NĂM  
THỨ XXI SỐ 1 (năm 1972)  
IN 1.500 CUỐN TẠI NHÀ  
IN TƯỜNG LẠI, 133 VÕ -  
TÁNH, SAIGON GIẤY PHÉP  
XUẤT-BẢN: NGHỊ-ĐỊNH SỐ  
332 CAB/SG NGÀY 5-5-1952

## THẺ-LỆ GỬI BÀI SOẠN ĐĂNG VĂN - HÓA TẬP - SAN

Tòa soạn Văn-Hóa Tập-San thành-thực đa tạ cảm-tình nồng-hậu của các bạn xa gần có bài gửi đăng V.H.T.S. Về vấn-đề bản thảo xin trân-trọng lưu ý các bạn về mấy điểm sau đây :

1. Bài soạn gửi đăng Văn-Hóa Tập-San, xin gửi về Ô. Chủ-bút Văn-Hóa Tập San, 8 Nguyễn-Trung-Trực, Saigon.
2. Bài soạn xin cho đánh máy dòng đôi ( có dành lề ở cả hai bên ), hoặc viết rõ ràng trên một mặt giấy ( để giúp ấn-công xếp chữ đỡ thiếu sót, nhầm lẫn ).
3. Đầu bài soạn, xin ghi rõ, ngoài bút hiệu, tên thực, chức-vụ và địa-chỉ hiện tại của tác-giả để tòa-soạn liên-lạc hội-y thêm, mỗi khi cần tới.
4. Nếu trong bài có đoạn nào trích-dẫn, xin ghi rõ xuất-xứ ( tên tác-giả, tên sách, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản và trích dẫn ở trang nào ).

Thí dụ : Nguyễn-văn-X. . . Văn - Học Việt - Nam ( Saigon xuất bản-cục. 1960 ), trang . . .

Trần-văn-X . . . « Điền cổ », Văn - Hóa Tập - San Tập . . . Số . . . ( tháng . . . năm . . . ), trang . . .

5. Bao nhiêu cước chú đặt ở cuối trang, xin ghi rõ số liên tiếp cho toàn bài.
6. Những danh-từ kỹ-thuật và khoa-học khi dịch ra Việt-văn xin ghi rõ cả nguyên-văn ngoại-ngữ ( Anh, Pháp . . . ).
7. Bài nào đã gửi đăng V.H.T.S. mà soạn giả sau muốn gửi bài ấy đăng báo khác, xin báo tin ngay cho tòa soạn V. H. T. S. để kịp thời hoãn đăng, ngõ hầu tránh sự trùng điệp.
8. Tòa soạn tùy - nghi lựa chọn, sửa chữa và xếp đặt các loại bài đăng V. H. T. S. Những bài đã nhận đăng sẽ đăng dần, còn đăng sớm hay muộn là tùy nhiều lý-do kỹ - thuật, chuyên - môn v. v . . . mong các bạn thông cảm.
9. Những bản thảo gửi quá ba tháng mà không thấy đăng hay trả lời có thể coi như là không đăng. Những bài không đăng được không có lệ trả lại bản thảo.
10. Mỗi tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về bài của mình.